



ISSN: 1859 - 042X
Số 6
2017

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

PHÁT ĐỘNG “THÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ MÔI TRƯỜNG” HƯỞNG ỨNG NGÀY MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI NĂM 2017

Sống hài hòa với thiên nhiên vì một Trái đất bền vững



**Tình hình thực hiện
Chiến lược quốc gia về
đa dạng sinh học
đến năm 2020,
tầm nhìn đến năm 2030**

**Giải quyết tranh chấp
môi trường thông qua
hòa giải: Áp dụng thử
nghiệm ở Đà Nẵng**

**Đổi mới phương pháp,
phát huy tính sáng tạo
trong nghiên cứu
các công trình khoa học
về bảo vệ môi trường**

A decorative border of red flowers with white centers, arranged in a circular pattern around the central text.

VEDAN

*Chúc Mừng Ngày Báo Chí
Cách Mạng Việt Nam
21/6/2017*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ QUÂN

Địa chỉ: Tổ 12, ấp Phước Bình 1, Xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh



Chúc Mừng

Ngày Môi Trường Thế Giới 5.6

và ngày Báo chí Cách Mạng Việt Nam 21.6



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Đặng Kim Chi
TS. Mai Thanh Dung
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thực
TS. Hoàng Văn Thúc
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (04) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2,
phố Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (04) 66569135
Phòng Biên tập: (04) 61281446
Fax: (04) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn
● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 403, Tầng 4 - Khu liên cơ quan
Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9,
quận 3, TP.HCM
Tel: 08.66814471 - Fax: 08.62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng
Bìa: Nghi lễ phát động Tháng hành động
vì môi trường 2017
Ảnh: Việt Hưng

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

Số 6/2017

Giá: 15.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [4] ● Sống hài hòa với thiên nhiên vì một Trái đất bền vững
- [5] ● Cả nước ra quân hưởng ứng “Tháng hành động vì môi trường” năm 2017
- [7] ● Tăng cường bảo vệ môi trường tại các nhà máy nhiệt điện và khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp lý
- [8] ● Kết nối, chia sẻ thông tin về đa dạng sinh học ở quy mô toàn cầu
- [8] ● Tăng cường quan hệ đối tác để bảo vệ các loài nguy cấp tại Việt Nam



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [9] PHẠM ANH CƯỜNG, NGUYỄN ĐẶNG THU CÚC...:
Tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
- [11] TÔ THỦY NGÀ: Đề xuất giải pháp thực hiện tiêu chí môi trường đối với các huyện, xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới
- [13] PHẠM TRỌNG DUY: Giám sát chất lượng môi trường làng nghề tại Việt Nam
- [14] HOÀNG ĐÌNH CHUNG: Gia Lai: Tăng cường chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường
- [16] Y KANIN H'ĐƠK: Đắk Lắk: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường
- [20] VŨ NHUNG: Phạt Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam gần 1,6 tỷ đồng do vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [21] PHẠM NGỌC ĐĂNG: Hà Nội: Cần phải phục hồi bầu không khí trong lành vốn có
- [24] DƯƠNG THỊ PHƯƠNG ANH, NGUYỄN TRUNG THẮNG...: Giải quyết tranh chấp môi trường thông qua hòa giải: Áp dụng thử nghiệm ở Đà Nẵng



TRONG SỐ NÀY



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [26] PHAN THỊ LÝ: Đẩy mạnh công tác truyền thông trong quản lý chất thải y tế giai đoạn 2017 - 2021
- [28] NGUYỄN THẾ HINH: Thực trạng xử lý môi trường chăn nuôi tại Việt Nam và đề xuất giải pháp quản lý
- [30] NGUYỄN TRỌNG NGHĨA: Nâng cao hiệu quả hoạt động quan trắc môi trường trong các bệnh viện hiện nay
- [32] NGUYỄN SONG TÙNG: Đổi mới phương pháp, phát huy tính sáng tạo trong nghiên cứu các công trình khoa học về bảo vệ môi trường
- [34] NGUYỄN THÙY: Khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn tài nguyên khoáng sản Tây Nguyên



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [36] PHẠM THANH TUẤN: Công ty CP Giấy An Hòa: Hoàn thành hệ thống quan trắc tự động nhằm kiểm soát nước thải
- [38] THÚY NGÀ: Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk: Sản xuất thân thiện với môi trường
- [39] NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG: T- Tech Việt Nam: Đem đến nhiều giải pháp xử lý rác thải tối ưu
- [41] LÊ NGỌC: Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn - Hướng tới phát triển bền vững



TĂNG TRƯỞNG XANH

- [47] NGUYỄN THỊ THU HÀ: Mô hình “sống xanh” cùng xây dựng Đà Nẵng - Thành phố Môi trường
- [48] NGUYỄN HẢI YẾN - NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG...: Các cam kết phát triển bền vững trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU
- [50] NGUYỄN QUANG VINH: Cơ hội để doanh nghiệp thu hút đầu tư và hợp tác kinh doanh
- [52] NGUYỄN HẢI LÝ: Zero to all – Văn phòng xanh có thể tự tạo ra năng lượng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM - VINACOMIN
CÔNG TY TNHH MTV THAN HỒNG THÁI - TKV
Giám Đốc: Đỗ Mạnh Cường



Chào Mừng Kỷ Niệm
92 Năm
NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM
(21/6/1925 - 21/6/2017)

Trụ sở: Phường Phương Đông, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 0203.385.4490 / Fax: 0203.385.4314
Website: <http://www.thanhongthai.vn>



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [55] ĐỖ THANH HÀO: Đẩy mạnh công tác bảo tồn và nhân nuôi những loài rùa quý hiếm
- [56] ĐÌNH LÂN: Bảo vệ những giá trị đa dạng sinh học của Khu bảo tồn thiên nhiên rừng sến Tam Quy



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [58] HƯƠNG TRẦN: Ôxtrâyliá: Thay đổi từ chính sách đến hành động đem lại hiệu quả lớn





PHÁT ĐỘNG “THÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ MÔI TRƯỜNG” HƯỞNG ỨNG NGÀY MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI NĂM 2017

Sống hài hòa với thiên nhiên vì một Trái đất bền vững



▲ Ủy viên Bộ Chính trị - Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bí thư Thành ủy TP.HCM Nguyễn Thiện Nhân; Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà; Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam Nguyễn Thị Thu Hà trao Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2017

Trong hai ngày 4-5/6/2017, tại TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Bộ TN&MT phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (HLHPNVN), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức Lễ phát động “Tháng hành động vì môi trường” hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới năm 2017. Tham dự Lễ phát động có Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Thiện Nhân; Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà; Chủ tịch HLHPNVN Nguyễn Thị Thu Hà; Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Nguyễn Văn Trình cùng đại diện Lãnh đạo các Bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, cá nhân và người dân địa phương.

Phát biểu khai mạc Lễ phát động, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà nhấn mạnh, cùng với tình trạng gia tăng dân số, quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, trong khi nền kinh tế còn phát triển chưa bền vững, dân trí và năng lực cạnh tranh thấp; tăng trưởng còn dựa vào khai thác tài nguyên và sử dụng công nghệ thấp,

lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng; tạo sức ép lớn đối với mục tiêu phát triển bền vững và công tác quản lý BVMT. Chủ đề Ngày Môi trường thế giới năm nay là: “Sống hài hòa với thiên nhiên” nhằm kêu gọi, vận động toàn nhân loại tăng cường các hoạt động gắn bó với thiên nhiên, từ đó cảm

nhận vẻ đẹp cũng như tầm quan trọng của thiên nhiên đối với cuộc sống; đồng thời chia sẻ, tiếp nối lời kêu gọi bảo vệ Trái đất, bảo vệ mối quan hệ hài hòa và bền vững giữa con người và thiên nhiên.

Để thực hiện thành công, hiệu quả “Tháng hành động vì môi trường”, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Thiện Nhân đã chỉ đạo trong thời gian tới, các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện nghiêm túc các quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về BVMT, phát triển bền vững; Thực hiện tốt nguyên tắc BVMT là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân; Phát huy hiệu quả vai trò, sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng, quần chúng nhân dân trong hoạch định chính sách, giám sát thực thi



▲ Các đại biểu tham gia trồng cây chung tay cải thiện môi trường



chính sách pháp luật, huy động nguồn lực đầu tư cho BVMT; Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật nói chung, bám sát thực tế và theo kịp tiến trình phát triển, hội nhập quốc tế của đất nước; Tăng cường công tác thanh tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT, kiên quyết xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; áp dụng các công cụ, biện pháp kiểm soát chặt chẽ hoạt động xả thải của doanh nghiệp; hình thành ngành dịch vụ, công nghiệp môi trường; thường xuyên quan trắc, đánh giá diễn biến môi trường để có biện pháp ngăn ngừa, giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường.

Nhân dịp này, Bộ TN&MT đã trao Giải thưởng Môi trường Việt Nam 2017 cho 34 tổ chức, 15 cá nhân và 1 cộng đồng vì có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp BVMT nhằm động viên, khuyến khích phong trào BVMT, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, đồng thời tuyên truyền giới thiệu các gương điển hình tiên tiến về BVMT, tạo sự lan tỏa phong trào thi đua yêu nước trong lĩnh vực BVMT.



▲ Lãnh đạo Tổng cục Môi trường và các Sở, ngành, địa phương tham gia đối thoại cùng doanh nghiệp tại Hội nghị

Tại Nhà truyền thống Cách mạng TP. Vũng Tàu đã diễn ra Lễ trồng cây nhằm cải thiện môi trường sống cho người dân và kêu gọi bảo vệ Trái đất, bảo vệ mối quan hệ hài hòa, bền vững giữa con người và thiên nhiên.

Nằm trong chuỗi sự kiện hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới là các Hội thảo: Phụ nữ Việt Nam cùng hành động bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường; Nâng cao nhận thức về nguy cơ sức khỏe và môi trường do hoạt động đốt ngoài trời; Đối thoại chính sách về môi trường và phát triển bền vững.

ĐINH HƯƠNG

Cả nước ra quân hưởng ứng “Tháng hành động vì môi trường” năm 2017



▲ Đại diện lãnh đạo UBND tỉnh Bình Dương trao Bằng khen cho các tổ chức, cá nhân đạt Giải thưởng Môi trường năm 2017

Từ đầu tháng 4/2017, Bộ TN&MT đã phát động “Tháng hành động vì môi trường” hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới. Đây là năm thứ hai Bộ phát động “Tháng hành động vì môi trường” nhằm tăng cường hiệu quả truyền thông, tạo sự lan tỏa trên diện rộng, góp phần nâng cao nhận thức về BVMT trong toàn xã hội.

Theo đó, các Bộ, ban/ngành, đoàn thể Trung ương, địa phương cùng đồng loạt tập trung triển khai thực hiện một số giải pháp để tăng cường hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý nhà nước về môi trường, giải quyết những vấn đề môi trường cấp bách, tạo tiền đề cho việc thực hiện thắng lợi Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát và xử lý

triệt để các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các dự án đầu tư phát triển, đảm bảo thực hiện nghiêm túc mục tiêu “Không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế”... Cùng với đó là các hoạt động hưởng ứng thiết thực, thu hút sự tham gia đông đảo của cộng đồng.

Để hưởng ứng “Tháng hành động vì môi trường”, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam đã ban hành văn bản hướng dẫn MTTQ các địa phương tổ chức hoạt động cụ thể như rà soát các nhà máy, cơ sở sản xuất có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường; giám sát việc xử lý ô nhiễm môi trường của các nhà máy, cơ sở sản xuất thí điểm ở các địa phương. Bên cạnh đó, Ủy



ban Trung ương MTTQ Việt Nam phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp đồng loạt tổ chức các hoạt động BVMT một cách hiệu quả, nhằm nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư.

Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã ban hành nhiều văn bản quy phạm như BVMT trong lĩnh vực du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; Bộ tiêu chí hướng dẫn BVMT tại các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh... nhằm góp phần giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường trong hoạt động phát triển du lịch, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của đất nước. Tại Lễ phát động “Tháng hành động vì môi trường”, Bộ đã trao tặng 10 thùng đựng rác cho đại diện một số đơn vị quản lý khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Bộ Xây dựng phối hợp với Trung tâm Thông tin và các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức các hoạt động làm sạch môi trường, cảnh quan khuôn viên Bộ. Đồng thời, tổ chức rà soát, thay thế hoàn toàn bóng đèn sợi đốt bằng bóng đèn huỳnh quang và đèn LED để nâng cao hiệu quả tiết kiệm năng lượng; thường xuyên vận động các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nâng cao ý thức sử dụng hệ thống chiếu sáng, quạt điện, điều hòa nhằm đảm bảo an toàn hệ thống điện.

T.Ư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã phát động Cuộc thi xây dựng ý tưởng, đề án “Thanh niên chung tay BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) năm 2017”. Đồng thời, Đội thanh niên xung kích tham gia BVMT, tuyên truyền quảng bá du lịch, bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) tại Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình) đã ra mắt nhận nhiệm vụ. Theo đó, Đội có nhiệm vụ định kỳ dọn vệ sinh môi trường, phát tờ rơi tuyên truyền bảo tồn ĐDSH... và tham gia tuyên truyền, quảng bá du lịch về khu di sản văn hóa Phong Nha - Kẻ Bàng.

Nam Định và Vĩnh Phúc là những địa phương đầu tiên tổ chức phát động “Tháng hành động vì môi trường”, với kế hoạch hành động cụ thể, thực hiện hiệu quả các hoạt động BVMT nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về môi trường, vai trò của ĐDSH, bảo tồn ĐDSH và du lịch bền vững đối với phát triển kinh tế - xã hội. Cùng với đó, hai địa phương tiến hành ra quân làm vệ sinh môi trường, thu gom xử lý rác thải tại một số tuyến đường; trồng và chăm sóc cây xanh; thu gom rác thải trên kênh, rạch...

Tại Khu du lịch biển quốc gia Thiên Cầm (Cẩm Xuyên), tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành thả 30 vạn tôm giống tái tạo nguồn lợi thủy sản; triển lãm tư liệu ảnh về biển đảo Việt Nam, chủ quyền quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; ra quân vệ sinh môi trường bãi biển. Cùng với đó, tại các huyện, thị xã, TP và các tổ chức chính trị - xã hội trong toàn tỉnh cũng đồng loạt ra quân vệ sinh môi trường, làm sạch biển, tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

TP. Đà Nẵng đã tổ chức chiến dịch ra quân tình nguyện “Hãy làm sạch biển” năm 2017 trên địa bàn 17 phường ven biển, nhằm khơi dậy tiềm năng du lịch biển và tuyên truyền cho mọi người dân, các tổ chức, cá nhân cùng chung tay BVMT biển từ những việc làm thiết thực nhất. Cùng với đó, các đoàn viên thanh niên và người dân đã thu gom rác thải trên bãi biển Kim Liên, quận Liên Chiểu.

Để khuyến khích các tổ chức, cộng đồng và cá nhân có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp BVMT, tỉnh Bình Dương đã trao Bằng khen và Kỷ niệm chương “Giải thưởng Môi trường tỉnh Bình Dương năm 2017” cho 15 tổ chức, cộng đồng và cá nhân (6 cá nhân, 7 tổ chức, 2 cộng đồng). Đây là các cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong công tác quản lý nhà nước về BVMT; Giáo dục, đào tạo, truyền thông; Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn ĐDSH và an toàn sinh học; Thực hiện Chiến lược Tăng trưởng xanh...

Là một trong những đơn vị luôn chú trọng công tác BVMT trong sản xuất, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã tiến hành thu gom, xử lý triệt để các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất; Tăng cường tái sử dụng nguồn nước thải sau xử lý. Đồng thời, thực hiện tốt việc trồng cây cải tạo phục hồi môi trường các bãi thải, khai trường đã ngừng hoạt động và các khu vực đất trống nhằm hạn chế rửa trôi đất đá; thường xuyên nạo vét, khơi thông sông suối và hệ thống thoát nước...

Có thể thấy, chuỗi các sự kiện trong “Tháng hành động vì môi trường” đã huy động sự tham gia của toàn xã hội trong công tác BVMT; nhiều điểm nóng về môi trường đã được xử lý bước đầu; góp phần giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách tại địa phương; nâng cao nhận thức về BVMT của các cấp chính quyền doanh nghiệp và người dân.

HỒNG NHUNG (Tổng hợp)



Tăng cường bảo vệ môi trường tại các nhà máy nhiệt điện và khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp lý



▲ Từ trái qua: Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội Nguyễn Minh Sơn; Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội Phan Xuân Dũng; Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và Tổng Biên tập Báo Đại biểu Nhân dân Đỗ Chí Nghĩa chủ trì Hội thảo

Nhằm cung cấp thông tin cho các đại biểu Quốc hội (ĐBQH) về một số vấn đề trong lĩnh vực TN&MT, ngày 20/6/2017, Bộ TN&MT phối hợp với Báo Đại biểu Nhân dân tổ chức Hội thảo “BVMT trong các dự án nhiệt điện và quy hoạch sử dụng biển giai đoạn hiện nay”.

Tại Hội thảo, các ĐBQH đã được cung cấp những thông tin liên quan đến lĩnh vực TN&MT, trong đó tập trung vào công tác BVMT tại các nhà máy nhiệt điện và giải pháp để khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên biển. Theo đó, hiện nay, trên cả nước có 20 dự án nhà máy nhiệt điện than đang hoạt động, với tổng công suất 14.675 MW. Thời gian qua, nhiều nhà máy nhiệt điện đã cải tiến công nghệ, tăng cường công tác BVMT để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Tuy nhiên, qua công tác thanh tra, nhiều nhà máy vẫn còn những tồn tại, vi phạm trong công tác BVMT, trong đó có một số nhà máy đã xảy ra sự cố và tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường như Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại...

Đối với vấn đề khai thác, sử dụng tài nguyên biển, phải xuất phát từ các tính chất đặc thù và xem xét tổng thể chức năng của biển để khai thác hiệu quả tài nguyên, BVMT biển. Quy hoạch sử dụng biển là một trong những công cụ quan trọng nhằm định hướng và tổ chức không gian cho việc sử dụng các vùng biển Việt Nam; đồng thời, điều phối các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển để góp phần bảo vệ tính toàn vẹn về chức năng, cấu trúc của hệ sinh thái.

Để tăng cường công tác BVMT tại các nhà máy nhiệt điện, thời gian tới, Bộ TN&MT sẽ hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, quy chuẩn môi trường đối với các nhà máy nhiệt điện; tăng cường tỷ lệ

cây xanh, lựa chọn công nghệ hiện đại và phương án tái chế, tái sử dụng xỉ thải tại các nhà máy. Đồng thời, tổ chức đánh giá công nghệ sản xuất, giải pháp xử lý môi trường; có lộ trình đóng cửa các nhà máy nhiệt điện cũ, hiệu suất thấp, có công nghệ lạc hậu... Mặt khác, Bộ sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh chính sách, pháp luật, cũng như quy hoạch phát triển ngành kinh tế biển, phù hợp với Quy hoạch sử dụng biển; tăng cường năng lực trong quản lý tổng hợp biển; ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ về khai thác và phát triển kinh tế biển để tài nguyên biển, hải đảo được quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

GIÁNG HƯƠNG



KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC Ở QUY MÔ TOÀN CẦU

Ngày 13/6/2017, tại Hà Nội, Tổng cục Môi trường tổ chức Hội thảo khu vực châu Á về thông tin đa dạng sinh học (ĐDSH) toàn cầu.

Phát biểu khai mạc, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Thế Đồng cho biết, Việt Nam là một trong 10 trung tâm ĐDSH phong phú nhất thế giới. Trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam luôn quan tâm đến việc thúc đẩy hợp tác quốc tế trong bảo tồn ĐDSH, đồng thời, tích cực tham gia các hiệp ước quốc tế như: Công ước bảo vệ những vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (Ramsar), Công ước ĐDSH, Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES)...

Tại Hội thảo, các đại biểu đã trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về định hướng phát triển cho hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐDSH của Việt Nam (NBDS); Lộ trình mở rộng mạng lưới tham gia Quỹ Thông tin ĐDSH toàn cầu



▲ Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Thế Đồng phát biểu tại Hội thảo

(GBIF) và tiến độ các dự án đang triển khai; Cập nhật tình trạng các thông tin quan trọng của GBIF; Giới thiệu quan hệ đối tác giữa GBIF và các mạng lưới khác liên quan đến ĐDSH...

Nhằm thiết lập hệ thống thông tin và dữ liệu về ĐDSH, năm 2015, Tổng cục Môi trường đã phối hợp với Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) xây dựng NBDS thể hệ thứ nhất. **BÙI HẰNG**

TĂNG CƯỜNG QUAN HỆ ĐỐI TÁC ĐỂ BẢO VỆ CÁC LOÀI NGUY CẤP TẠI VIỆT NAM



Ngày 21/6/2017, tại Hà Nội, Tổng cục Môi trường đã tổ chức Hội thảo tham vấn đề xuất Dự án Tăng cường quan hệ đối tác để bảo vệ các loài nguy cấp có ý nghĩa toàn cầu tại Việt Nam nhằm tăng cường hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH).

Việt Nam là một quốc gia có sự đa dạng về hệ sinh thái, loài và nguồn gen, đặc biệt là các loài động vật hoang dã (ĐVHD) quý hiếm và đặc hữu. Nguồn tài nguyên quý giá này hiện đang bị đe dọa bởi nhiều nguyên nhân, trong đó nạn khai thác, săn bắt, buôn bán tiêu thụ trái phép đang là một vấn đề nóng thu hút sự quan tâm của toàn cầu. Nhiều nghiên cứu cho thấy, lợi nhuận từ hoạt động buôn bán trái phép ĐVHD rất cao, thị trường và nhu cầu sử dụng ĐVHD vẫn tồn tại và có xu hướng gia tăng, các hình thức buôn bán, tiêu thụ ngày càng tinh vi

là căn nguyên đẩy nhiều loài bị tuyệt chủng.

Để bảo vệ các loài nguy cấp, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách, quy định pháp luật, cụ thể như Thủ tướng Chính phủ tuyên bố đóng cửa rừng tự nhiên và ban hành Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 17/9/2016 về một số giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài ĐVHD trái pháp luật. Trong thời gian qua, công tác bảo tồn ĐDSH, bảo vệ các loài hoang dã đã có những nỗ lực đáng kể. Nhiều chương trình bảo tồn loài đã được triển khai, các vụ việc buôn bán ĐVHD được phát hiện. Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều thách thức, hạn chế về quản lý và bảo vệ các loài hoang dã nguy cấp, thể hiện ở việc thiếu đồng bộ trong chính sách và pháp luật về bảo tồn; chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tham gia còn chồng chéo;

cơ chế điều phối, phối hợp chưa hiệu quả; nhận thức về bảo vệ loài nguy cấp còn chưa đầy đủ; thực thi pháp luật về bảo vệ loài hoang dã chưa đạt kết quả như mong đợi.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã tập trung thảo luận về mục tiêu, các hợp phần và hoạt động dự kiến của Dự án, trong đó nhấn mạnh đến việc làm rõ vai trò, trách nhiệm của từng Bộ, ngành liên quan (Bộ TN&MT, Bộ NN&PTNT, Bộ Công An, Tổng cục Hải quan...) trong triển khai thực hiện Dự án. Đồng thời, các đại biểu cũng thống nhất cho rằng cần phải tăng cường mối quan hệ đối tác và nâng cao kiến thức, thay đổi hành vi, giảm nhu cầu tiêu thụ các loài hoang dã nguy cấp cho các nhóm đối tượng (cộng đồng, thanh niên, học sinh...) nhằm nâng cao hiệu quả của công tác bảo tồn ĐDSH.

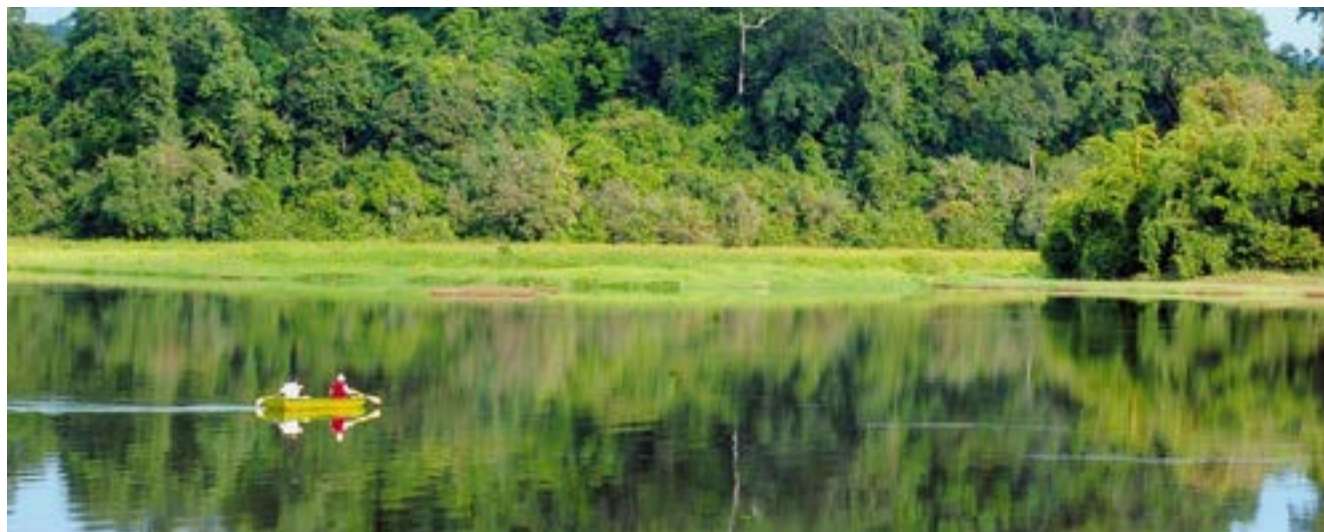
NAM VIỆT



Tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

TS. PHẠM ANH CƯỜNG, TS. NGUYỄN THÀNH VĨNH,
ThS. NGUYỄN ĐẶNG THU CÚC, TS. PHẠM HẠNH NGUYỄN
Cục Bảo tồn đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường

Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học (ĐDSH) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Chiến lược) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 với mục tiêu bảo tồn và sử dụng bền vững các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, loài, nguồn gen nguy cấp, quý, hiếm, góp phần phát triển đất nước theo định hướng nền kinh tế xanh, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Việc xây dựng Chiến lược quốc gia về ĐDSH đóng vai trò rất quan trọng trong bối cảnh ĐDSH ở Việt Nam đang ngày càng bị suy thoái và bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi, đồng thời giúp Việt Nam thực hiện tốt cam kết quốc gia đối với Công ước ĐDSH.



▲ Khu đất ngập nước Bàu Sấu là nơi có tính đa dạng sinh học cao ở Việt Nam

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2013 - 2016

Sau 3 năm triển khai thực hiện Chiến lược, công tác bảo tồn ĐDSH bước đầu đã đạt được những kết quả quan trọng. Tính đến tháng 10/2016, có 43/63 tỉnh, thành phố đã hoàn thành xây dựng Kế hoạch hành động ĐDSH và 13/63 tỉnh đã phê duyệt quy hoạch bảo tồn ĐDSH; 166/176 khu rừng đặc dụng được thiết lập với diện tích 2.106.051 ha, chiếm 6,36% diện tích lãnh thổ; tỷ lệ che phủ rừng đạt 40,84% (tính đến 31/12/2015); 10/16 khu bảo tồn biển được thành lập, với diện tích là 111.211 ha, chiếm 0,11% diện tích vùng biển trên cả nước (tính đến tháng 6/2016), trong đó có 6 khu bảo tồn biển đã chính thức đi vào hoạt động. Đặc

biệt có 8 khu Ramsar, 9 khu dự trữ sinh quyển thế giới, 2 khu di sản thiên nhiên thế giới và 5 Vườn di sản ASEAN đã được quốc tế công nhận (tính đến tháng 6/2016).

Để tăng cường công tác bảo tồn loài và nguồn gen, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trong đó có 17 loài thực vật, 83 loài động vật, 15 giống cây trồng và 6 giống vật nuôi được

ưu tiên bảo vệ; Quyết định số 1671/2015/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1141/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tăng cường năng lực về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen giai đoạn 2016 - 2025.

Các nhiệm vụ của Chiến lược đã được triển khai ở cấp Trung ương và địa phương trên tất cả các lĩnh vực: bảo



tồn các hệ sinh thái tự nhiên; bảo tồn các loài hoang dã và các giống vật nuôi, cây trồng nguy cấp, quý, hiếm; sử dụng bền vững và thực hiện cơ chế chia sẻ hợp lý lợi ích từ dịch vụ hệ sinh thái và ĐDSH; kiểm soát các hoạt động gây tác động xấu đến ĐDSH; bảo tồn ĐDSH trong bối cảnh BĐKH. Hiện đã có 7 Nghị định và 1 Chỉ thị của Chính phủ; 11 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 11 Thông tư được ban hành. Ngoài ra, còn có 2/7 chương trình đề án ưu tiên đã được các Bộ chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện.

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc thực hiện Chiến lược trong thời gian qua cũng đã bộc lộ một số bất cập, cụ thể như công tác phân công và phân cấp quản lý nhà nước về ĐDSH còn chưa rõ ràng; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước (QLNN) về ĐDSH còn phân tán và thiếu đồng bộ; sự phối hợp giữa các Bộ/ngành ở cấp Trung ương và địa phương trong công tác bảo tồn ĐDSH chưa được chặt chẽ; các quy định của pháp luật về bảo tồn ĐDSH chưa được triển khai một cách đầy đủ; công tác thực thi pháp luật bị hạn chế do thiếu nguồn lực; các chế tài xử phạt vi phạm hành chính chưa được thực thi nghiêm minh, thiếu các quy định để triển khai các hoạt động tổ tụng hình sự.

Nguồn lực cho bảo tồn ĐDSH còn hạn chế, trong đó nguồn nhân lực làm công tác bảo tồn ĐDSH còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cấp huyện, xã; nguồn lực tài chính chủ yếu vẫn dựa vào nguồn ngân sách nhà nước (khoảng từ 60-80%); nguồn tài chính quốc tế phụ thuộc vào nguồn tài trợ (ODA) cho các dự án ngắn hạn nên khó có thể thực hiện các cam kết bảo tồn trong dài hạn và thường phân bổ không đều; thiếu các chính sách cụ thể để huy động đóng góp hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân cho hoạt động bảo tồn ĐDSH ở Việt Nam.

Các thông tin và cơ sở dữ liệu về ĐDSH phân tán ở nhiều cơ quan quản lý và nghiên cứu; chất lượng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về ĐDSH không đồng bộ, do vậy hạn chế trong việc chia sẻ và sử dụng thông tin.

Bảo tồn ĐDSH trong bối cảnh BĐKH đã bước đầu được quan tâm, nhưng các chính sách bảo tồn ĐDSH đặt trong bối cảnh BĐKH còn chưa nhiều, cụ thể như thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái, lồng ghép ứng phó với BĐKH vào các chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (như xóa đói giảm nghèo, tăng cường an ninh lương thực, phát triển sinh kế bền vững) ở những vùng có tính ĐDSH cao và chịu tác động lớn từ BĐKH, lồng ghép bảo tồn ĐDSH trong Chiến lược quốc gia về BĐKH.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG ĐDSH, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ ĐDSH

Để tăng cường công tác bảo tồn, sử dụng bền vững ĐDSH và thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình đề án ưu tiên của Chiến lược, trong thời gian tới (2017 - 2020) cần tập trung giải quyết những vấn đề:

Củng cố về thể chế, hệ thống QLNN về ĐDSH nhằm quản lý một cách thống nhất, hiệu quả và toàn diện. Ở cấp Trung ương, cần làm rõ vai trò, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của Bộ TN&MT với tư cách là cơ quan đầu mối để đảm bảo thực hiện chức năng QLNN tổng thể về bảo tồn và phát triển ĐDSH trên toàn quốc theo Luật ĐDSH đã quy định. Đồng thời, làm rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ các Bộ, ngành khác với tư cách là các cơ quan quản lý chuyên ngành trong công tác QLNN về ĐDSH. Xác định cơ chế chủ trì và phối hợp giữa các Bộ, ngành quản lý trong việc xây dựng và ban hành chính sách để tránh trùng lặp, chồng chéo giữa các chính sách (ban hành theo các luật khác nhau) về cùng một đối tượng, nội dung ĐDSH (khu bảo tồn, loài, nguồn gen). Ở cấp địa phương, cần tăng cường bộ máy QLNN ở cấp tỉnh, đẩy mạnh việc thành lập đơn vị chuyên trách về bảo tồn ĐDSH tại địa phương (trong Chi cục Bảo vệ môi trường), bổ sung 1 biên chế có chuyên môn, nghiệp vụ về bảo tồn ĐDSH trước mắt là tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các Vườn quốc gia, khu bảo tồn trên địa bàn quản lý.

Hoàn thiện luật pháp và chính sách bảo tồn ĐDSH: Luật ĐDSH ra đời là một bước tiến lớn giúp hệ thống hóa vấn đề bảo tồn ĐDSH. Tuy nhiên, một số quy định trong Luật ĐDSH (2008) và Luật Bảo vệ và phát triển rừng (2004), Luật Thủy sản (2003) chưa được phân định rõ ràng, dẫn đến chồng chéo và khó khăn trong quá trình thực thi. Do đó, cần rà soát, sửa đổi các Luật nêu trên theo hướng các quy định về ĐDSH trong các Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Thủy sản phải phù hợp và thống nhất với các quy định của Luật ĐDSH; trong trường hợp một số quy định của Luật ĐDSH còn bất cập thì sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và thống nhất.

Tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật ĐDSH: Quan tâm, thực hiện nghiêm và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH trong các hoạt động quy hoạch phát triển; xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án có ảnh hưởng xấu đến ĐDSH, trong đó đặc biệt lưu ý lồng ghép bảo tồn ĐDSH trong các công cụ đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện khung pháp lý về quản lý và bảo vệ các loài động vật hoang dã bảo đảm tính khả thi, thống nhất và đồng bộ; Tăng cường và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các lực lượng, đặc biệt là Công an, Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển, Bộ đội biên phòng, An ninh hàng không, Cơ quan quản lý CITES Việt Nam, Interpol... để trao đổi, chia sẻ, phối hợp xử lý thông tin về các đối tượng và tương trợ tư pháp về điều tra hình sự đối với các tội phạm buôn



bán, vận chuyển trái phép động, thực vật hoang dã và sản phẩm của động, thực vật hoang dã; Tăng cường năng lực cho cơ quan thực thi pháp luật để kiểm soát tiêu thụ động vật hoang dã trái phép; Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức và trách nhiệm của các cấp, ngành và cán bộ làm công tác quản lý ĐDSH.

Phát triển nguồn lực cho bảo tồn ĐDSH: Tăng cường đào tạo cán bộ nòng cốt cho công tác bảo tồn ĐDSH từ Trung ương đến địa phương; bố trí kinh phí ổn định, thường xuyên cho hoạt động QLNN về ĐDSH ở cấp Trung ương và địa phương; xây dựng chính sách đầu tư và tài chính dài hạn của Nhà nước cho bảo tồn và phát triển bền vững ĐDSH của Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020 hoặc 2015 - 2025; đa dạng hóa các nguồn tài chính; đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng các cơ chế tài chính mới để hỗ trợ cho công tác bảo tồn (tài chính các bon, chi trả dịch vụ có liên quan đến ĐDSH, bồi hoàn ĐDSH, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích); xây dựng cơ chế huy động tài chính trong nước (từ doanh nghiệp, cộng đồng, cá nhân...) dựa trên các khuyến khích kinh tế (giảm thuế, phí...), đẩy mạnh hợp tác công tư trong bảo tồn ĐDSH.

Củng cố thông tin và cơ sở dữ liệu về ĐDSH: Thiết lập và áp dụng hệ thống báo cáo, chia sẻ thông tin và cơ sở dữ liệu về ĐDSH ở các cấp (quốc gia, tỉnh, khu bảo tồn) và tiến tới đưa các thông tin về ĐDSH vào hệ thống thống kê quốc gia.

Xây dựng chính sách và đầu tư nguồn lực để thực hiện các chính sách về bảo tồn ĐDSH trong bối cảnh BĐKH (thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái), lồng ghép ứng phó với BĐKH vào các chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (như xóa đói giảm nghèo, tăng cường an ninh lương thực, phát triển sinh kế bền vững) ở những vùng có tính ĐDSH cao và chịu tác động lớn từ BĐKH, lồng ghép bảo tồn ĐDSH trong chiến lược quốc gia về BĐKH■

Đề xuất giải pháp thực hiện tiêu chí môi trường đối với các huyện, xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới

TÔ THÚY NGÀ

Tổng cục Môi trường



▲ Xây dựng cảnh quan là nội dung quan trọng trong thực hiện tiêu chí môi trường

Sau 6 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM), bộ mặt nông thôn đã đổi thay đáng kể, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư khu vực nông thôn được nâng cao rõ rệt, công tác BVMT đã được quan tâm và có chuyển biến tích cực. Theo Báo cáo tổng quan về kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2016 của Văn phòng điều phối NTM Trung ương, tính đến tháng 4/2017, cả nước có 33 huyện và 2.656 xã (29,76%) được công nhận đạt chuẩn NTM, 4.525 xã đạt tiêu chí môi trường, chiếm tỷ trọng 50,7%.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG

Ngày 17/10/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020 để điều chỉnh bộ tiêu chí ban hành theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Bộ tiêu

chí về xã NTM mới được ban hành có nhiều điều chỉnh so với bộ tiêu chí đã được áp dụng trong giai đoạn trước, trong đó tiêu chí môi trường tăng lên (từ 5 lên 8 chỉ tiêu) với nhiều nội dung mới như an toàn thực phẩm, nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước, BVMT trong chăn nuôi... Bên cạnh đó, Bộ tiêu chí cũng quy định chặt chẽ một số nội dung như tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định...

Trong thời gian qua, nhiều địa phương đã chủ động, tích cực trong việc đẩy mạnh công tác xây dựng NTM, sau khi đã được công nhận đạt chuẩn, nhằm nâng cao chất lượng đời sống nông thôn, góp phần vào công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước. Tại Hà Tĩnh, UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 ban hành Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu, trong đó tiêu chí môi trường được định lượng với 4 chỉ tiêu. Tuy nhiên, so với Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, tiêu chí về tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước



đạt chuẩn QCVN 02:2009/BYT lại thấp hơn (trên 55% so với chuẩn quốc gia là trên 60%). Tại Đồng Nai, UBND tỉnh đã ban hành Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao theo Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 7/10/2016, trong đó định lượng cụ thể với 6 chỉ tiêu. Một số địa phương khác như Quảng Ninh, Nam Định cũng đã chủ động nghiên cứu và xây dựng bộ tiêu chí phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, trong đó để ra chuẩn thực hiện cao hơn so với Bộ tiêu chí quốc gia đã ban hành. Từ thực tế của các địa phương, Bộ NN&PTNT đang triển khai kế hoạch khảo sát, nghiên cứu thí điểm mô hình xã, huyện NTM kiểu mẫu để có cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất tiêu chí xã, huyện NTM kiểu mẫu để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Mặc dù còn chưa thống nhất về tên gọi của mô hình xã, huyện NTM đã đạt chuẩn và phát triển “kiểu mẫu”, “nâng cao”, “bền vững và phát triển”, song việc nghiên cứu, xây dựng mô hình, cùng các tiêu chí đánh giá cụ thể là cần thiết nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn. Thực tế khảo sát tại một số huyện, xã đã được công nhận đạt chuẩn cho thấy, tình hình thực hiện tiêu chí môi trường có nhiều chuyển biến tích cực, cụ thể đường làng, ngõ xóm không chỉ sạch mà còn đẹp, gọn gàng; công tác kiểm soát ô nhiễm đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh được quan tâm hơn; việc thu gom và xử lý chất thải dân đi vào nề nếp. Tuy nhiên, các địa phương vẫn còn lúng túng trong việc duy trì và nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí môi trường, tiêu chí đánh giá còn chưa rõ ràng, ảnh hưởng tới mục tiêu phấn đấu của tỉnh, huyện, xã. Tại một số tỉnh, cấp huyện chủ động xây dựng và ban hành tiêu chí đánh giá NTM kiểu mẫu nên có sự khác nhau giữa các huyện trong cùng một tỉnh. Việc thực hiện tiêu chí môi trường tại nhiều xã đã được công nhận đạt chuẩn trong giai đoạn 2010 - 2015 vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG

Nhằm nâng cao chất lượng thực hiện đối với các xã, huyện đã được công nhận đạt chuẩn NTM, cần thiết phải nghiên cứu, xây dựng các mô hình thí điểm với các xã, huyện NTM kiểu mẫu, trong đó tiêu chí môi trường là một trong những điểm mấu chốt để đánh giá chất lượng thực hiện... Bên cạnh việc thực hiện tốt, bền vững các chỉ tiêu của tiêu chí môi trường theo yêu cầu của Quyết định số 1980/QĐ-TTg, cần nghiên cứu đề xuất nội dung tiêu chí môi trường của xã, huyện NTM kiểu mẫu theo

hướng có cả các chỉ tiêu “cứng” bắt buộc áp dụng (tỷ lệ chất thải được thu gom và xử lý, tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh...) và chỉ tiêu “mềm” để các địa phương linh hoạt điều chỉnh (tỷ lệ nguồn lực xã hội hóa cho BVMT), với mục tiêu nâng cao chất lượng môi trường sống của người dân nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội gắn với BVMT. Để thực hiện tốt các chỉ tiêu môi trường trong giai đoạn mới cần phải tập trung vào một số giải pháp:

Rà soát tổng thể việc thực hiện tiêu chí môi trường đối với các xã, huyện đã được công nhận đạt chuẩn trước ngày 1/12/2016 (là thời điểm Quyết định số 1980/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành). Đối với một số chỉ tiêu chưa đạt hoặc chưa được đánh giá trong giai đoạn trước, các địa phương cần có lộ trình thực hiện và đánh giá lại nhằm đáp ứng với yêu cầu của giai đoạn mới. Việc đánh giá cần được thực hiện khách quan, không vì mục tiêu giữ vững số lượng xã đã được công nhận đạt chuẩn mà bỏ qua các chỉ tiêu của tiêu chí môi trường. Hiện nay, Bộ TN&MT đang phối hợp chặt chẽ với Bộ NN&PTNT hoàn thiện hướng dẫn thực hiện và công nhận đạt chuẩn tiêu chí môi trường theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg để các địa phương có căn cứ thực hiện.

Các tỉnh, thành phố chủ động nghiên cứu, đề xuất bộ các tiêu chí có thể áp dụng cho địa phương theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, giải quyết được những vấn đề có tính bức xúc của địa phương như chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, ô nhiễm làng nghề... Đối với các địa phương đã ban hành bộ tiêu chí kiểu mẫu, đặc biệt là những địa phương ban hành trước khi Quyết định số 1980/QĐ-TTg có hiệu lực như Hà Tĩnh, Quảng Ninh, cần rà soát lại để đảm bảo các tiêu chí kiểu mẫu không thấp hơn so với yêu

cầu của Quyết định số 1980/QĐ-TTg.

Phát triển kinh tế nông thôn gắn với BVMT và các ngành nghề thân thiện với môi trường như du lịch sinh thái, du lịch làng nghề, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, phát triển dịch vụ môi trường...; cân nhắc, xem xét các khía cạnh môi trường trong quá trình xây dựng thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương ở cả cấp tỉnh, huyện và xã; xử lý triệt để ô nhiễm môi trường đối với các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng, di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm nghiêm trọng vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp sản xuất tập trung để có phương án xử lý ô nhiễm triệt để.

Nghiên cứu và tổ chức mô hình thí điểm về xã, huyện NTM kiểu mẫu, trong đó việc thực hiện tiêu chí môi trường đối với các xã, huyện NTM kiểu mẫu cần chú trọng vào vấn đề nâng cao nhận thức của cộng đồng về BVMT; củng cố và phát triển các tổ tự quản về môi trường; nâng cao tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định ở mức tối đa; chú trọng đến việc xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn... Bên cạnh đó, cần xây dựng các mô hình kiểu mẫu đối với từng chỉ tiêu cụ thể trong tiêu chí môi trường, như mô hình thực hiện tốt chỉ tiêu về cảnh quan môi trường, xử lý chất thải trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thu gom và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật phù hợp với từng địa phương.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác BVMT nhằm đa dạng hóa nguồn lực BVMT thông qua việc thu hút đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho BVMT, tăng cường sự tham gia của các tổ chức đoàn thể, hợp tác xã, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, giám sát công tác BVMT tại địa phương■



Giám sát chất lượng môi trường làng nghề tại Việt Nam

PHẠM TRỌNG DUY

Cục Kiểm soát ô nhiễm - Tổng cục Môi trường

Thời gian qua, tình trạng ô nhiễm môi trường ở các làng nghề đã đến mức báo động, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và sức khỏe của người dân. Để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, trước hết cần phải đánh giá thực trạng môi trường làng nghề, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp. Tuy nhiên, cho đến nay, các số liệu thống kê về làng nghề, mức độ ô nhiễm của các làng nghề chưa đầy đủ và toàn diện; đồng thời, việc điều tra, khảo sát, giám sát chất lượng môi trường làng nghề tại các địa phương và cơ quan Trung ương còn rời rạc, manh mún. Vì vậy, việc xây dựng Kế hoạch giám sát chất lượng môi trường làng nghề là yêu cầu cấp bách hiện nay, nhằm xác định các làng nghề đang bị ô nhiễm, hoặc ô nhiễm nghiêm trọng trên phạm vi cả nước.

Xuất phát từ yêu cầu quản lý môi trường tại các làng nghề, Cục Kiểm soát ô nhiễm (Tổng cục Môi trường) được giao làm cơ quan đầu mối xây dựng Kế hoạch giám sát chất lượng môi trường làng nghề (Kế hoạch). Kế hoạch được xây dựng với mục tiêu theo dõi diễn biến chất lượng môi trường tại các làng nghề được xác định là ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ô nhiễm môi trường. Đồng thời, cập nhật, điều chỉnh danh sách các làng nghề ô nhiễm trên phạm vi toàn quốc, đánh giá hiệu quả của các giải pháp BVMT làng nghề đã và đang được thực hiện tại các địa phương, cũng như mức độ tuân thủ quy định về BVMT của các cơ sở, hộ sản xuất trong làng nghề. Trên cơ sở đó, các cơ quan quản lý địa phương sẽ nắm bắt được thực trạng hoạt động sản xuất tại làng nghề, kịp thời phát hiện ô nhiễm và nhanh chóng có phương án kiểm soát, xử lý phù hợp.

Để xây dựng Kế hoạch, Cục đã triển khai thực hiện một số nội dung: Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về cách thức quản lý các đối tượng sản xuất quy mô nhỏ, mang tính truyền thống, tập trung tại khu vực nông thôn và

rút ra bài học cho Việt Nam; Nghiên cứu kinh nghiệm xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong thời gian qua để có biện pháp xử lý phù hợp với đặc trưng của làng nghề; Xây dựng Kế hoạch giám sát theo đặc trưng của làng nghề. Trên cơ sở danh mục hơn 5.000 làng nghề và làng có nghề trên toàn quốc được tổng hợp từ các báo cáo của địa phương, Cục Kiểm soát ô nhiễm đã xác định được danh mục 160 làng nghề có nguy cơ ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần theo dõi, giám sát chặt chẽ (trong đó có 91 làng nghề thuộc danh sách “nâu” - làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và 69 làng nghề thuộc danh sách “vàng” - làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường). Đối với 91 làng nghề thuộc danh sách “nâu” được phân loại theo loại hình và vùng miền.

Với những mục tiêu trên, nội dung của Kế hoạch đã xác định rõ đối tượng, phạm vi thực hiện; nội dung giám sát (bao gồm giám sát việc tuân thủ các quy định về BVMT đối với làng nghề, các cơ sở sản xuất trong làng nghề và đánh giá cảm quan, giám sát định tính, định lượng); tần suất thực hiện; cơ chế lưu trữ thông tin, báo cáo và đặc biệt là phân công cụ thể đối với các cơ quan quản lý, thực hiện. Căn cứ vào dự thảo Kế hoạch, Cục Kiểm soát ô nhiễm đã xây dựng 8 dự thảo Hướng dẫn kỹ thuật thực hiện Kế hoạch giám sát chất lượng môi trường đối với 8 loại hình làng nghề, trong đó làm rõ hơn đối với từng loại hình, các thành phần môi trường, thông số gây ô nhiễm; tần suất, thời điểm, vị trí giám sát và phân công thực hiện giám sát đối với các đối tượng liên quan. Các Hướng dẫn kỹ thuật được xây dựng nhằm giúp cán



▲ Làng nghề dệt lụa Nha Xá (Duy Tiên, Hà Nam) gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng



bộ quản lý tại địa phương (cấp xã, cấp huyện và Sở TN&MT/Chi cục BVMT) có thể triển khai lập kế hoạch, xác định các nhiệm vụ cần thực hiện. Hướng dẫn cũng là tài liệu tham khảo cho các cơ quan quản lý cấp tỉnh liên quan, cơ quan quản lý môi trường, tư vấn và tổ chức chính trị xã hội.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc thực hiện giám sát chất lượng môi trường làng nghề vẫn còn tồn tại một số khó khăn. Số liệu quan trắc phát thải tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong làng nghề, cũng như số liệu quan trắc chất lượng môi trường làng nghề còn thiếu và không được cập nhật thường xuyên. Do đó, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác quản lý môi trường làng nghề và không đánh giá được cụ thể hiện trạng, mức độ ô nhiễm và việc thực hiện giải pháp quản lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường các làng nghề của cơ quan quản lý.

Trong thời gian tới, thông tin về tình hình hoạt động, việc thực hiện các quy định về BVMT tại các làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần tiếp tục theo dõi, cập nhật. Đồng thời, Kế hoạch giám sát môi trường làng nghề và dự thảo 8 Hướng dẫn kỹ thuật sớm được trình cấp có thẩm quyền ban hành để xác định các đối tượng, hoạt động cần ưu tiên và trách nhiệm của các cơ quan liên quan, từ đó đề xuất, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ theo phân công■

Gia Lai: Tăng cường chính sách, phát luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, công tác BVMT trên địa bàn tỉnh Gia Lai còn gặp nhiều khó khăn. Từ thực tế nêu trên, UBND tỉnh Gia Lai đã đề ra các giải pháp BVMT trong thời gian tới như: Nâng cao năng lực quản lý môi trường các cấp; Tăng cường áp dụng các công cụ kinh tế môi trường, chính sách, cơ chế về BVMT; Xây dựng cơ chế xã hội hóa công tác BVMT; Thực hiện tốt Luật BVMT... Để hiểu rõ tình hình triển khai chính sách pháp luật BVMT trên địa bàn tỉnh, Tạp chí Môi trường đã có cuộc phỏng vấn Phó Giám đốc Sở TN&MT Gia Lai Hoàng Đình Chung về vấn đề này.

★Sau khi Thủ tướng ban hành Chỉ thị số 25/CT-TTg về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT, việc triển khai thực hiện Chỉ thị trên địa bàn tỉnh như thế nào, thưa ông?

Ông Hoàng Đình Chung: Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách về BVMT, Sở TN&MT đã tham mưu cho UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch số 5374/KH-UBND ngày 21/11/2016 về Kế hoạch hành động thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong BVMT trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2020.

Theo đó, UBND tỉnh Gia Lai xác định rõ BVMT là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng, doanh nghiệp, hộ gia đình và mọi người dân. Kiên quyết không vì tăng trưởng kinh tế mà đánh đổi môi trường; Cấm nhập khẩu công nghệ sản xuất lạc hậu, triển khai các dự án tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao và phân công rõ trách nhiệm của các Sở, ngành trong việc triển khai, thực hiện Chỉ thị.

★Được biết, Gia Lai là tỉnh có nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng. Xin ông cho biết tình hình quản lý, BVMT trong hoạt động khai thác khoáng

sản, cũng như công tác cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ tại các mỏ đã thực hiện như thế nào?

Ông Hoàng Đình Chung: Trên địa bàn tỉnh Gia Lai chủ yếu là các loại khoáng sản như đá làm vật liệu xây dựng, đá ốp lát, cát nằm phân tán, không tập trung và trữ lượng nhỏ. Hoạt động khai thác khoáng sản đã tạo nguồn thu ngân sách, giải quyết lao động, hỗ trợ cho địa phương xây dựng một số cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, an sinh xã hội, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Tính đến ngày 15/5/2017, trên địa bàn tỉnh hiện có 57 Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực. Các doanh nghiệp đã chấp hành tốt công tác BVMT theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), cam kết BVMT, kế hoạch BVMT được phê duyệt, xác nhận. Công tác ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với tổng số tiền hơn 31,4 tỷ đồng; các mỏ đã nộp tiền ký quỹ hàng năm, đến nay, số tiền nộp vào Quỹ BVMT tỉnh Gia Lai là hơn 16,68 tỷ đồng, đạt 85,8%.

Tuy nhiên, hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã ít nhiều tác động xấu đến môi trường sinh thái như: Lượng khí thải, nước thải, chất thải rắn gia tăng làm thay đổi, suy thoái hệ sinh thái khu



▲ Gia Lai triển khai nhiều mô hình áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ cao cho cây công nghiệp theo hướng bền vững

vực, song do quy mô các mỏ khai thác nhỏ, ở vùng sâu, vùng xa nên chỉ ảnh hưởng cục bộ và kiểm soát được.

★Gia Lai có thể mạnh là phát triển cây công nghiệp như cao su, cà phê, ca cao... tuy nhiên, việc sản xuất và chế biến các loại sản phẩm có ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường. Tỉnh có giải pháp gì để vừa phát triển bền vững loại hình chế biến này, vừa hạn chế các tác động tiêu cực đối với môi trường?

Ông Hoàng Đình Chung: Khí hậu và thổ nhưỡng Gia Lai rất thích hợp cho việc phát triển nhiều loại cây công nghiệp, nhất là đối với các loại cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, hồ tiêu... Đây là điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội và góp phần để Gia Lai phát triển ngành nông nghiệp bền vững. Ngày 7/10/2010, UBND tỉnh Gia Lai đã phê duyệt Quyết định số 681/QĐ-UBND về quy hoạch trồng trọt gắn với công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, trên cơ sở đó đã tập trung rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển các loại cây trồng chủ lực gắn với công nghiệp chế biến, phù hợp với tiềm năng lợi thế mỗi vùng. Tỉnh cũng đã triển khai nhiều chương trình, dự án, mô hình áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ cao vào sản xuất, đưa cơ giới vào nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Để hạn chế tác động đến môi trường, tỉnh đã có những giải pháp: Quản lý và triển khai thực hiện đúng quy hoạch, vùng nguyên liệu,

bảo vệ và phát triển diện tích rừng, tăng độ che phủ đạt 46,6% vào năm 2020;

Tuân thủ đúng các quy định của Luật BVMT năm 2014 trước và trong quá trình triển khai thực hiện dự án, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nước, không khí và hệ sinh thái; Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT, đa dạng sinh học; Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT, nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chung tay BVMT.

★Trong quá trình triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT, địa phương có gặp khó khăn gì, thưa ông?

Ông Hoàng Đình Chung: Hiện nay, Luật BVMT và các Nghị định, Thông tư cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về BVMT. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện tỉnh còn một số khó khăn, vướng mắc:

Một số nội dung do thực tiễn phát sinh song chưa có các hướng dẫn nên khó thực

hiện (lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, khoảng cách an toàn của các hộ kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng quy mô nhỏ, các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm (quy mô chuồng trại dưới 50 m²),... hoạt động trong khu dân cư đang tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường); chưa có quy chuẩn mùi hôi của các cơ sở chăn nuôi, chế biến mủ cao su, mì, mía,...

Trên địa bàn tỉnh còn tồn tại nhiều bãi rác lộ thiên cấp huyện chưa được nâng cấp, cải tạo; hệ thống thu gom nước thải đô thị chưa có nhà máy xử lý, là nguồn tiềm ẩn ô nhiễm môi trường cao.

Tập quán canh tác chăn nuôi của đồng bào dân tộc thiểu số một số nơi chưa thay đổi, do đó công tác vệ sinh môi trường nông thôn chưa được cải thiện, khó thực hiện được tiêu chí số 17 của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

★Xin cảm ơn ông.

PHẠM TUYẾN - ĐÌNH HƯƠNG (Thực hiện)



Đắk Lắk: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

Đắk Lắk là tỉnh nằm ở trung tâm Tây Nguyên, nơi đầu nguồn của hệ thống sông Sêrêpôk và một phần của sông Ba, với tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học (ĐDSH) phong phú. Thời gian qua, tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp trong công tác BVMT, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, góp phần xóa đói giảm nghèo, đảm bảo sinh kế cho người dân. Để tìm hiểu về tình hình thực hiện công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thời gian qua, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với Phó Giám đốc Sở TN&MT Đắk Lắk Y Kanin H'Đok về vấn đề này.



▲ Ông Y Kanin H'Đok - Phó Giám đốc Sở TN&MT Đắk Lắk

***Thưa ông, sau 2 năm triển khai thi hành Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn, công tác quản lý môi trường địa phương đã có chuyển biến như thế nào?**

Ông Y Kanin H'Đok: Ngay sau khi Luật BVMT năm 2014 được ban hành, Sở TN&MT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 7717/KH-UBND ngày 21/10/2014 tổ chức triển khai và phổ biến, giáo dục pháp luật về BVMT trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Kế hoạch trên, Sở đã tổ chức tập huấn phổ biến một số nội dung của Luật BVMT năm 2014, các văn bản hướng dẫn thi hành cho hơn 265 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở; cán bộ phòng TN&MT cấp huyện, Ban quản lý khu, cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn tỉnh và cán bộ cấp xã, phường thuộc TP. Buôn Ma Thuột. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hội nghị phổ biến văn bản pháp luật về BVMT cho hơn 3.500 lượt người thuộc các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội của tỉnh; phường, thôn, buôn làng và một số đơn vị sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Qua đó, góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

Ngoài ra, hàng năm, Sở TN&MT đã tổ chức triển khai công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa

bàn tỉnh. Thông qua công tác kiểm tra, thanh tra đã phát hiện kịp thời những hành vi vi phạm và có sự chấn chỉnh, xử lý theo quy định của pháp luật. Chỉ tính riêng trong năm 2016, Sở đã tiến hành kiểm tra, thanh tra trong công tác BVMT đối với 94 cơ sở và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử phạt 16 đơn vị, với tổng số tiền trên 2 tỷ đồng.

Tuy nhiên, hiện nay, phần lớn các khu, CCN chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng đầy đủ (trừ Khu công nghiệp Hòa Phú đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung). Hầu hết các cơ sở sản xuất, chế biến nằm rải rác trong khu dân cư và tập trung tại khu vực nông thôn. Một số cơ sở sản xuất, chế biến ở các khu vực hẻo lánh, chưa chấp hành nghiêm các quy định về BVMT, hoặc chỉ thực hiện đối phó. Đây là một trong những nguyên nhân tiềm ẩn gây ô nhiễm môi trường trong thời gian qua.

***Xin ông cho biết việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT trên địa bàn tỉnh như thế nào?**

Ông Y Kanin H'Đok: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 25/CT-TTg về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT, Sở TN&MT đã có Công văn số 1891/STNMT-BVMT triển khai đến UBND các huyện, thị xã, TP về tăng cường công tác quản lý nhà nước trong BVMT và Công văn số 2173/STNMT-BVMT đề nghị các Sở, ngành, UBND cấp huyện tiếp tục tăng cường thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT.

Ngoài ra, Sở TN&MT đã tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg như Công văn số 156/UBND-NN&MT về việc tăng cường



công tác BVMT trong hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; Công văn số 511/UBND-NN&MT chỉ đạo các Sở, ban ngành và UBND các huyện/thị xã/TP thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT; Nghị quyết số 06-NQ/TU của Tỉnh ủy ngày 17/4/2017 về tăng cường công tác BVMT trên địa bàn tỉnh. Hiện tại, Sở TN&MT đang xây dựng Dự thảo Kế hoạch hành động của tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg và Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường công tác BVMT trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tổ chức lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban ngành, UBND các huyện/thị xã/TP trước khi trình UBND tỉnh ban hành.

★Để chấm dứt tình trạng khai thác rừng trái phép, thực hiện nghiêm lệnh “đóng cửa rừng” của Thủ tướng và tăng cường công tác bảo tồn ĐDSH, tỉnh có những giải pháp gì, thưa ông?

Ông Y Kanin H’Đok: Hiện tại, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản tăng cường triển khai hoạt động bảo vệ rừng và bảo tồn ĐDSH. Theo đó, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 10/2009/CT-UBND ngày 8/12/2009 và Chỉ thị số 05/2014/CT-UBND ngày 18/6/2014 về tăng cường quản lý gây nuôi, mua bán, sử dụng động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch Hành động về bảo vệ ĐDSH, an toàn sinh học tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2020; Quyết định số 400/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực môi trường; Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 27/1/2014 của Tỉnh

ủy Đắk Lắk về tuyên truyền việc thực hiện không buôn bán, tiêu thụ bất hợp pháp động vật, thực vật hoang dã... Hiện Sở đang xây dựng Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020; Quy hoạch bảo tồn ĐDSH tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Cùng với đó, tỉnh cũng triển khai nhiều chính sách, dự án đầu tư cho công tác bảo tồn ĐDSH như thành lập các vườn quốc gia (VQG), khu bảo tồn thiên nhiên; xây dựng Dự án bảo tồn voi, bảo tồn loài sinh cảnh thông nước, quy hoạch và phát triển hệ thống rừng đặc dụng của tỉnh, Dự án điều tra về thực vật tại VQG Chư Yang Sin... Tuy nhiên, hiện nay, Sở TN&MT chưa có cán bộ chuyên trách về ĐDSH và nguồn kinh phí dành cho hoạt động bảo tồn ĐDSH còn thấp nên chưa đáp ứng được yêu cầu công tác.

★Nhằm triển khai hiệu quả công tác BVMT trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, ông có những đề xuất kiến nghị gì?

Ông Y Kanin H’Đok: Để phát huy hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước về BVMT, thời gian tới, Bộ TN&MT, tỉnh Đắk Lắk xem xét, quy định rõ trách nhiệm của các cấp, ngành, nhất là chính quyền địa phương và người đứng đầu về công tác BVMT, xem đây là nhiệm vụ cần tập trung, ưu tiên trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tỉnh nghiên cứu xây dựng phương án đảm bảo kinh phí cho BVMT, cân đối kinh phí thường xuyên sự nghiệp môi trường hàng năm từ 1% trở lên trên tổng chi ngân sách nhà nước và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm; ưu tiên bố trí ngân sách phù hợp cho công tác điều tra cơ bản, xử lý ô nhiễm môi trường, bảo tồn ĐDSH và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Song hành cùng với giải pháp nâng cao năng lực quản lý môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã, thời gian tới, tỉnh tăng cường đầu tư, kêu gọi, huy động các nguồn lực cho công tác BVMT; đầu tư cơ sở vật



▲ Lễ phát động “Tháng hành động vì môi trường” hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới ngày 5/6/2017 tại Đắk Lắk



chất, hạ tầng kỹ thuật để tiếp nhận, xử lý, lưu giữ số liệu quan trắc tự động liên tục truyền về từ các khu công nghiệp (KCN), CCN và cơ sở sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa BVMT; xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp huy động nguồn lực, thu hút đầu tư và khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động thu gom, xử lý chất thải, cung cấp dịch vụ BVMT.

Các Bộ, ngành thực hiện nghiêm, chặt chẽ các tiêu chí môi trường từ khâu xét duyệt, thẩm định đến triển khai thực hiện và vận hành dự án đầu tư, không cấp phép đầu tư xây dựng các dự án có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, tiềm ẩn rủi ro, sự cố môi trường; chú trọng lựa chọn, ưu tiên thu hút các dự án sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; rà soát, chấn chỉnh công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), kế hoạch BVMT. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện biện pháp BVMT của các dự án, đặc biệt là công tác hậu kiểm. Các Sở, ban, ngành chủ động phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, khu vực chăn nuôi tập trung và sản xuất nông nghiệp; tiến hành điều tra, rà soát, phân loại các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường trên phạm vi toàn tỉnh và yêu cầu các KCN, CCN phải có đầy đủ hạ tầng kỹ thuật BVMT theo quy định pháp luật.

Các doanh nghiệp cần thực hiện nghiêm việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và các biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; tăng cường đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải rắn, hạ tầng kỹ thuật về môi trường; thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp bằng các biện pháp thích hợp; ưu tiên tái chế, tái sử dụng, hạn chế tối đa việc chôn lấp.

Cấp ủy và chính quyền các cấp tập trung quán triệt nhiệm vụ BVMT đến từng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ BVMT; phát huy vai trò của các cơ quan thông tấn, báo chí trong công tác tuyên truyền về BVMT và đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa, thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định pháp luật về BVMT.

★Xin cảm ơn ông.

PHƯƠNG TÂM (Thực hiện)

VĂN BẢN MỚI

● Kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn các loài linh trưởng ở Việt Nam

Ngày 10/5/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 628/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn các loài linh trưởng ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030. Kế hoạch được phê duyệt nhằm mục tiêu đảm bảo tất cả các loài linh trưởng ở Việt Nam phân bố bên trong và bên ngoài các Vườn quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên được bảo tồn và phát triển bền vững thông qua bảo vệ hiệu quả các quần thể và môi trường sống của chúng dưới sự quản lý của nhà nước và sự tham gia, ủng hộ của toàn xã hội. Theo đó, hoàn thiện khung pháp lý để đảm bảo môi trường sống của loài linh trưởng được bảo tồn và phát triển bền vững; tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật; ngăn chặn hoạt động săn bắn, bẫy bắt và buôn bán trái pháp luật đến năm 2025, giảm 70% nạn săn bắn các loài linh trưởng; xây dựng ít nhất 3 trung tâm cứu hộ đạt tiêu chuẩn để thực hiện việc cứu hộ, tái thả các cá thể linh trưởng theo các quy trình; tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, đến năm 2025 hoàn thiện 1 bộ cơ sở dữ liệu về các loài linh trưởng Việt Nam để phục vụ

công tác quản lý và bảo tồn các loài linh trưởng; đến năm 2025, 70% cán bộ làm công tác bảo tồn linh trưởng được tập huấn, tăng cường năng lực; nâng cao nhận thức và hành động bảo tồn các loài linh trưởng của tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và cá nhân...

Để thực hiện các mục tiêu trên, Kế hoạch đề ra các giải pháp: Tăng cường trách nhiệm của cơ quan quản lý và cộng đồng về bảo tồn linh trưởng; Thiết lập cơ chế bảo tồn, liên vùng để điều phối hoạt động của các ngành, địa phương trong quản lý bảo tồn loài linh trưởng; Lồng ghép các nội dung bảo tồn loài linh trưởng nguy cấp, quý, hiếm vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; Tăng cường điều tra, nghiên cứu khoa học về các loài linh trưởng đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ; Tăng cường hợp tác quốc tế; Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo tồn loài linh trưởng.

● Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đến năm 2025

Ngày 23/5/2017, Bộ TN&MT ban hành Quyết định số 1233/QĐ-BTNMT về Kế hoạch



VĂN BẢN MỚI

hành động thực hiện Đề án xây dựng và triển khai các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đến năm 2025. Kế hoạch được xây dựng nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ của Bộ TN&MT tại Đề án ASEAN và thúc đẩy việc thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đến năm 2025 trong lĩnh vực TN&MT.

Đề án xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 25/1/2017 tại Quyết định số 161/QĐ-TTg. Mục tiêu của Đề án nhằm thúc đẩy việc thực hiện có hiệu quả ở cấp quốc gia các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đến năm 2025; xây dựng một Cộng đồng ASEAN hướng về người dân, lấy người dân làm trung tâm và có trách nhiệm xã hội.

Để triển khai Kế hoạch, Bộ TN&MT đã đề ra 4 nhiệm vụ trọng tâm, bao gồm: Bảo tồn và quản lý bền vững đa dạng sinh học và nguồn tài nguyên thiên nhiên; Các thành phố bền vững về môi trường; Khí hậu bền vững; Thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ bền vững với việc áp dụng các công nghệ thân thiện với môi trường, quản lý rác thải và sử dụng nhiên liệu hiệu quả.

Bộ TN&MT giao Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc triển khai thực hiện; báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện về Bộ TN&MT định kỳ hàng năm và đột xuất theo yêu cầu...

● Hà Nội: Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố đến năm 2020

Ngày 31/5/2017, Thành ủy Hà Nội đã thông qua Nghị quyết số 11-NQ/TU về tăng cường công tác BVMT trên địa bàn TP. Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Nghị quyết đề ra mục tiêu đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, mục tiêu quốc gia về BVMT, cụ thể: đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, TP phấn đấu tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý trong khu vực đô thị đạt 100%, khu vực nông thôn đạt 95 - 100%; phấn đấu giảm tỷ lệ chôn lấp rác thải còn 30%, tăng tỷ lệ rác thải được tái chế theo công nghệ tiên tiến hiện đại...; Xử lý ô nhiễm nước sông Tô Lịch; Hoàn thành đúng tiến độ Đề án tổng thể BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy; Quy hoạch để đưa các công đoạn sản xuất gây ô nhiễm lớn tại các làng nghề ra khu sản xuất tập trung...; 100% các công trường xây dựng phải được che chắn và áp dụng biện pháp giảm bụi; 100% cơ sở khai thác và chế biến khoáng sản có các giải pháp BVMT đảm bảo quy định...

Để thực hiện mục tiêu trên, Nghị quyết đề ra các giải pháp: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT; Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức phong trào toàn dân BVMT; Xây dựng và hoàn chỉnh cụ thể về BVMT trên địa bàn TP (theo Luật Thủ đô) cho từng lĩnh vực: y tế, xây dựng, giao thông...; Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường và cơ chế trao đổi, chia sẻ thông tin về môi trường với Trung ương và các tỉnh, TP trong khu vực; Tăng cường thanh tra, kiểm

tra, kiểm soát môi trường, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm BVMT; Tập trung các nguồn lực và huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật về môi trường...

● Trà Vinh thực hiện một số giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường

Ngày 6/6/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong BVMT. Theo đó, Nghị quyết đề ra mục tiêu, hoàn thành cơ bản việc xử lý và không để phát sinh mới cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh (đạt 100%); 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 70% lượng nước thải sinh hoạt của TP được thu gom, xử lý; 70% rác thải sinh hoạt được xử lý, tái chế và sử dụng...

Nghị quyết đã đề ra giải pháp để thực hiện các mục tiêu trên như: Tăng cường công tác quản lý nhà nước và huy động nguồn lực BVMT; Gắn trách nhiệm của cơ quan quản lý môi trường, quản lý ngành, lĩnh vực, phê duyệt dự án đầu tư, thẩm định công nghệ sản xuất, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan khi để xảy ra các vấn đề môi trường nghiêm trọng; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về môi trường; Đẩy mạnh công tác BVMT trong quá trình phát triển nông thôn mới; Tập trung xử lý, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh; Khắc phục và cải thiện môi trường đối với làng nghề; Bảo vệ và trồng mới cây xanh ở các trung tâm đô thị nhằm cải thiện chất lượng không khí...



Phạt Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam gần 1,6 tỷ đồng do vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam (VWS) có 100% vốn đầu tư từ Mỹ; chuyên thu gom, chôn lấp, xử lý và tái chế các loại chất thải rắn sinh hoạt tại khu Đa Phước, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Với những vi phạm hành chính, hành vi không xây lắp công trình BVMT theo quy định, ngày 5/6/2017, Tổng cục Môi trường, Bộ TN&MT đã ra Quyết định số 121/QĐ-XPVPHC xử phạt Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam tổng số tiền 1.585.332.600 đồng.

Cụ thể, Công ty không xây lắp, cải tạo các mô đun xử lý nước rỉ rác với tổng công suất 6.080 m³/ngày đêm theo cam kết tại báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được phê duyệt. Tại thời điểm kiểm tra, Công ty chỉ có các mô đun xử lý nước thải, với công suất thiết kế 4.280 m³/ngày đêm của Dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt; không xây lắp bổ sung công trình xử lý nước thải cho Dự án nâng công suất xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ 3.000 tấn/ngày lên 10.000 tấn/ngày. Do đó, Công ty đang lưu giữ trái quy định 700.000 m³ nước rỉ rác, gây ô nhiễm môi trường xung quanh theo quy định tại Điểm m, Khoản 2, Điều 9 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT (Nghị định số 155/2016/NĐ-CP).

Đồng thời, Công ty không thực hiện một trong các nội dung ĐTM và yêu cầu trong quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM (không thu gom, lưu giữ nước rỉ rác tại hồ chứa tập trung theo cam kết mà lưu giữ nước rỉ rác tại ô chôn lấp số 2), theo quy định tại Điểm g, Khoản 2, Điều 9 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP. Ngoài ra, Công ty không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành. Công ty đã chôn lấp rác đạt công suất trên 3.000 tấn/ngày từ tháng 3/2015 nhưng chưa được kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình BVMT theo quy định tại Điểm n, Khoản 2, Điều 9 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP.

Mặt khác, Công ty đã xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 3 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m³/ngày (24 giờ), được quy định tại Điểm n, Khoản



▲ Bãi rác Đa Phước do Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam làm chủ đầu tư

3, Điều 13 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP. Đặc biệt, Công ty xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 3 lần trong trường hợp thời lượng nước thải từ 2.000 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m³/ngày (24 giờ) (nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý hóa lý có công suất thực tế xử lý khoảng 2.200 m³/ngày đêm), theo quy định tại Điểm s, Khoản 3, Điều 13 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP.

Do vậy, Công ty phải khẩn trương hoàn thành và vận hành thường xuyên các công trình xử lý nước thải, cải tạo hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh của dự án phải được xử lý theo Quy chuẩn kỹ thuật về chất thải QCVN 25:2011/BTNMT, cột B2 và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (Kq=0,9, Kf=1); nước thải sau khi xử lý phải lưu lại tại hồ chứa nước thải tập trung có lót đáy chống thấm trong 3 ngày trước khi thải ra môi trường. Cùng với đó, Công ty phải thường xuyên

vận hành Trạm quan trắc nước thải tự động liên tục, đảm bảo truyền dữ liệu quan trắc về Sở TN&MT TP. Hồ Chí Minh để giám sát.

Nhằm đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi thải ra môi trường, Công ty phải chấm dứt việc lưu giữ nước thải trái quy định và xử lý toàn bộ khối lượng nước rỉ rác đang lưu chứa tại ô chôn lấp số 2; Buộc phải chi trả 3.666.300 đồng phí trưng cầu giám định, đo đạc và phân tích 1 mẫu nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường (quy định tại Điểm c, Khoản 9, Điều 13 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP). Ngoài ra, Công ty phải báo cáo kế hoạch khắc phục trước ngày 30/6/2017 và hoàn thành việc khắc phục các hậu quả vi phạm, báo cáo kết quả thực hiện về Sở TN&MT TP. Hồ Chí Minh, Tổng cục Môi trường trước ngày 31/8/2017 để kiểm tra, giám sát, xác nhận hoàn thành theo quy định.

VŨ NHUNG



Hà Nội: Cần phải phục hồi bầu không khí trong lành vốn có

GS.TSKH PHẠM NGỌC ĐĂNG

Cách đây khoảng 50 năm, Hà Nội là một thành phố (TP) nhỏ bé, xinh đẹp, với các đường phố tràn ngập cây xanh, nhiều ao hồ, sông ngòi trong xanh. Những ngày nay, TP. Hà Nội đã phát triển rất nhanh chóng, diện tích cũng như dân số nội thành gấp 10 lần trước đây. Các hoạt động sản xuất công nghiệp, xây dựng ngày càng gia tăng và đường phố tràn ngập các xe ô tô, xe máy. Vì thế, bầu không khí Hà Nội đã bị ô nhiễm ngày càng nặng nề, đặc biệt là ô nhiễm bụi và mùi từ các cống rãnh, ao, hồ và sông ngòi bị ô nhiễm, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, các hệ sinh thái và làm giảm sức hút du lịch của TP.

CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ CÓ GIÁ TRỊ RẤT LỚN ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI, KINH TẾ - XÃ HỘI

Con người phải hít thở trực tiếp không khí bị ô nhiễm, là nguyên nhân gây ra các bệnh về hô hấp (viêm mũi, viêm họng, viêm phế quản, viêm phổi, lao phổi, hen suyễn...), bệnh về tim mạch và thần kinh, bệnh ngoài da. Do đó, ô nhiễm không khí rất có hại đối với sức khỏe con người, gây thiệt hại cho nền kinh tế và làm giảm sức hút du lịch.

Theo kết quả điều tra khảo sát của Cục Y tế Giao thông Vận tải (Bộ Giao thông Vận tải) năm 2011, tổng chi phí khám, chữa các bệnh về đường hô hấp, cũng như thiệt hại thu nhập do nghỉ ốm và nghỉ việc để chăm sóc người già, trẻ em bị mắc các bệnh này. Tính bình quân đối với dân cư nội thành Hà Nội mỗi ngày lên tới 1.538 đồng/người. Từ đó, có thể ước tính tổng thiệt hại kinh tế do người dân TP mắc các bệnh đường hô hấp ở Hà Nội (tính với khoảng 3 triệu dân nội thành) là khoảng 80,19 triệu USD/năm. Theo Báo cáo của Tổng cục Du lịch, khách du lịch quốc tế rất thích đi tham quan các làng nghề truyền thống của TP, nhưng họ đều không muốn trở lại lần thứ 2 vì sợ ô nhiễm môi trường.

CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ (AQI) VÀ QUAN ĐIỂM ĐÁNH GIÁ AQI KHÁC NHAU GIỮA CÁC NƯỚC

Để đánh giá mức độ ô nhiễm không

khí (ÔNKK) các quốc gia thường dùng AQI. Chỉ số AQI được phân thành 2 loại: Chỉ số AQI đơn lẻ, dùng để đánh giá mức độ ô nhiễm đối với từng chất ÔNKK, ký hiệu là AQI_i; Chỉ số AQI₀, dùng để đánh giá chung về chất lượng không khí của địa phương, là trị số trung bình cộng của các AQI đơn lẻ.

Mức độ ÔNKK thường được chia thành 5 mức: tốt (AQI = 0 - 50), không bị ô nhiễm (AQI = 51 - 100), ô nhiễm nhẹ (AQI = 101 - 200), ô nhiễm nặng (AQI = 201 - 300), ô nhiễm rất nặng (AQI > 300).

Hiện nay, việc đánh giá về mức độ ô nhiễm đối với từng chất ÔNKK ở tất cả các nước trên thế giới là giống nhau. Nhưng từ năm 2000 đến nay, đánh giá chung mức độ ÔNKK của một địa phương hay 1 TP, các nước có 2 quan điểm đánh giá khác nhau: Một số nước vẫn theo quan niệm kinh điển: dùng trị số AQI₀ tổng quát = trị số trung bình cộng của các chỉ số AQI_i đơn lẻ để đánh giá mức độ ô nhiễm chung đối với môi trường không khí, như Mêhycô, nhiều nước ở châu Âu, Hồng Kông, Singapo, Malaixia, Ấn Độ...; Theo quan điểm của Cục BVMT Mỹ (US EPA, sau năm 2000) đã dùng cách đánh giá mới: "Coi trị số AQI_i đơn lẻ của bất kỳ thông số ô nhiễm nào mà nó có giá trị cực đại nhất sẽ là chỉ số AQI₀ để đánh giá chung, đại diện mức độ ô nhiễm của môi trường không khí ở địa

phương đó, các nước hiện nay đang sử dụng cách đánh giá này là Mỹ, Canada, Trung Quốc, Anh, Thái Lan và Việt Nam...

ĐÁNH GIÁ THỰC CHẤT ÔNKK CỦA HÀ NỘI

Ô nhiễm bụi

Số liệu quan trắc bụi PM₁₀ của một số trạm quan trắc không khí tự động tại các đô thị của Việt Nam trong giai đoạn 2011 - 2015 cho thấy, nồng độ bụi PM₁₀ ở Hà Nội năm 2011 là lớn nhất, các năm tiếp theo có xu hướng giảm, như vậy chất lượng không khí tại Hà Nội đã được cải thiện đôi chút.

Chỉ số AQI đối với bụi PM₁₀ ở Hà Nội là lớn nhất so với các TP: Đà Nẵng, Việt Trì, Hạ Long, Huế, Nha Trang, năm 2011, Hà Nội có AQI bụi, năm = 116/50 x 100 = 232, là năm có ô nhiễm bụi lớn nhất, ở mức "ô nhiễm nặng", nhưng năm 2015, AQI bụi, năm = 73/50 x 100 = 146, ô nhiễm bụi ở mức ô nhiễm nhẹ. Trong các TP nêu trên, không khí TP. Đà Nẵng thuộc loại không bị ô nhiễm và trong sạch nhất.

Ô nhiễm các khí CO, SO₂, NO₂, O₃

Số liệu quan trắc chất lượng không khí tự động liên tục ở khu vực đô thị Việt Nam trong các năm từ 2012 - 2016 cho thấy, nguồn gốc phát sinh các loại khí ô nhiễm NO₂, SO₂ và CO chủ yếu từ động cơ của các phương tiện giao thông vận tải, SO₂ phát sinh từ đốt các nguồn nhiên



liệu chứa lưu huỳnh và đốt than. Vì vậy, trong các đô thị thì khu vực giao thông là nơi có nồng độ các khí ô nhiễm cao nhất.

Thông số NO_2 đã có dấu hiệu bị ô nhiễm nhẹ ở một số đô thị lớn như TP. Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh và Hạ Long, còn ở các TP trung bình và nhỏ thì hầu như chưa bị ô nhiễm khí NO_2 .

Đối với các khí khác như SO_2 , CO các giá trị quan trắc thu được vẫn thấp hơn giới hạn quy định trong QCVN 05:2013. Tuy nhiên, đối với thông số CO, nồng độ tăng lên cao trong giờ cao điểm giao thông tại các trục đường giao thông.

O_3 là chất ô nhiễm thứ cấp, được sinh ra do tương tác giữa các chất khí ô nhiễm như NO_x , HC, VOC với bức xạ tử ngoại của mặt trời. Tại các trạm quan trắc tự động gần đường giao thông lớn, nồng độ O_3 đã vượt quá giới hạn của QCVN trong khá nhiều ngày trong năm.

Như vậy, đánh giá thực chất mức độ ÔNKK của Hà Nội hiện nay cho thấy, môi trường không khí Hà Nội đã bị ô nhiễm rất nặng về bụi lơ lửng TPS và bụi mịn PM_{10} , còn nồng độ các chất khí ô nhiễm CO, SO_2 , NO_2 , O_3 về cơ bản vẫn còn ở dưới, hoặc xấp xỉ trị số tiêu chuẩn cho phép (chưa bị ô nhiễm). Nhưng theo công bố của Đại học Yale và Columbia (Mỹ), Hà Nội nằm trong top 10 TP

có môi trường không khí bị ô nhiễm nhất trên thế giới. Tuy vậy, đây chỉ là đánh giá theo quan điểm của Cục BVMT Mỹ, coi mức độ ô nhiễm bụi là mức độ ô nhiễm chung của không khí Hà Nội. Ngày 3/3/2016, Đại sứ quán Mỹ ở Hà Nội đã công bố trị số quan trắc bụi $\text{PM}_{5.0}$, $\text{PM}_{2.5}$ của TP vào giờ cao điểm (8 - 9 giờ sáng) là $383\mu\text{g}/\text{m}^3$; số liệu đo lường của trạm quan trắc tự động Nguyễn Văn Cừ của Tổng cục Môi trường cũng cho thấy, xuất hiện trị số PM_{10} đột xuất lớn nhất vào thời điểm 8 - 9 giờ buổi sáng hôm đó bằng khoảng $270\mu\text{g}/\text{m}^3$, từ đó trên các phương tiện thông tin đại chúng đã đưa tin ÔNKK của Hà Nội là rất trầm trọng, giống như ÔNKK ở TP. Bắc Kinh, Trung Quốc. Đây là một thông tin đánh giá ÔNKK ở Hà Nội chưa chính xác. Bởi vì trị số nồng độ bụi $\text{PM}_{5.0}$, $\text{PM}_{2.5}$ đo được chỉ là trị số cực hạn đột xuất ở thời điểm bất thường, ví dụ lúc đó

có cơn gió thổi tức thời mang theo nồng độ bụi lớn đi qua thiết bị đo, không phải là trị số trung bình ngày (trung bình 24 giờ) nên không thể được xem là trị số đại diện của ngày hôm đó để đánh giá mức độ ÔNKK ở Hà Nội. Thông lệ trên thế giới cũng như ở nước ta, để đánh giá mức độ ô nhiễm của một địa phương vào một ngày cụ thể nào đó thì phải lấy trị số trung bình đo của 24 giờ liên tục ngày đó làm đại diện; để đánh giá mức độ ô nhiễm trong năm thì phải căn cứ vào trị số trung bình đo của cả năm liên tục (365 ngày x 24 giờ đo) làm trị số đại diện, không thể lấy trị số đo tức thời bất thường ở một thời điểm nào đó làm trị số đại diện để đánh giá mức độ ô nhiễm không khí trong cả ngày cho toàn thành phố được. Thậm chí, giả thiết rằng, trị số $\text{PM}_{5.0}$, $\text{PM}_{2.5}$ đo được của Đại sứ quán Mỹ đó là trị số trung bình ngày chẳng hạn, thì trị số AQI trung bình ngày hôm đó cũng chỉ = $383\mu\text{g}/\text{m}^3:150\mu\text{g}/\text{m}^3 \times 100 = 255$, thì ô nhiễm bụi ở Hà Nội cũng chỉ ở mức độ “ô nhiễm nặng” chứ không phải ở mức độ “ô nhiễm rất nặng, ô nhiễm nguy hiểm” như ở TP. Bắc Kinh. Trong khi đó trị số AQI bụi của Bắc Kinh lên tới hơn 300 và 500, ở mức ô nhiễm rất nặng, nguy hiểm. Vào các ngày ô nhiễm như vậy, chính quyền Bắc Kinh phải áp dụng biện pháp giảm bớt lượng ô tô hoạt động trong TP và tạm đình chỉ hoạt động của một số nhà máy có nguồn thải ÔNKK lớn, đồng thời khuyến nghị người dân có nhạy cảm với ÔNKK thì không nên ra khỏi nhà. Ngoài



▲ Môi trường không khí Hà Nội đang bị ô nhiễm ngày càng nặng nề



ra, các chất ô nhiễm môi trường không khí ở Bắc Kinh có tính chất độc hại hơn so với ở Hà Nội, theo kết quả phân tích thành phần bụi không khí của Hà Nội cho thấy, khoảng trên 50% bụi Hà Nội là thành phần bụi đất đá, còn thành phần bụi các - bon đen, được sản sinh ra từ quá trình đốt nhiên liệu hóa thạch, có thể gây ra bệnh ung thư phổi, thì chỉ chiếm dưới 50%. Ngược lại, ở Bắc Kinh, ÔNKK không những phát sinh từ hoạt động giao thông và công nghiệp mà còn phát sinh từ rất nhiều lò đốt đun nước nóng dân dụng đốt than để sưởi ấm trong mùa đông, nên tỷ lệ thành phần bụi các bon đen cao hơn. Mặt khác, ở Bắc Kinh môi trường không khí còn bị ô nhiễm nặng cả về khí SO_2 .

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHỤC HỒI CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ CỦA HÀ NỘI

Trước hết, cần phải xác định các nguồn gây ÔNKK ở Hà Nội là khí thải từ các phương tiện giao thông (xe máy, mô tô); cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, hoạt động xây dựng; bụi phát sinh từ sự rơi vãi, phát tán từ các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất cát... Ô nhiễm mùi hôi là do các khí mê tan, H_2S , NH_3 , VOC chứa methan bốc lên từ các miệng hố gas, cống rãnh, từ nước sông, hồ bị ô nhiễm, các chất hữu cơ thối rửa bay lên.

Vì vậy, có thể đề xuất một số giải pháp, có tính cấp bách nhằm giảm thiểu ÔNKK, phục hồi căn bản chất lượng không khí trong lành của TP. Hà Nội như sau:

Một là, tăng cường năng lực quản lý môi trường không khí (QLMTKK) Hà Nội như thành lập phòng QLMTKK, bổ sung cán bộ chuyên môn được đào tạo đúng chuyên ngành môi trường không khí cho Hà Nội; tổ chức tập huấn kiến thức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ về QLMTKK;

Hai là, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các quy định BVMT không khí; huy động sự

tham gia tích cực của cộng đồng, người dân, cơ sở sản xuất, tổ chức xã hội trong công tác BVMT không khí nói riêng và BVMT TP nói chung, làm cho người dân Hà Nội tự giác, chủ động giữ gìn vệ sinh môi trường, đấu tranh với các hành động gây ô nhiễm môi trường không khí;

Ba là, tập trung kiểm soát, kiểm tra và xử lý nghiêm ngặt các nguồn thải ô nhiễm bụi phát sinh từ các hoạt động xây dựng và sửa chữa nhà cửa, đường xá, cầu cống...

Bốn là, tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải bụi phát sinh từ chuyên chở nguyên vật liệu, đặc biệt là về ban đêm;

Năm là, tiến hành kiểm tra định kỳ theo quy định của quy chuẩn môi trường về khí thải (EURO 2, EURO 3, EURO 4) đối với tất cả các phương tiện giao thông cơ giới (các loại xe ô tô, đặc biệt là các loại xe buýt, xe tải, ô tô chạy dầu, mô tô, xe máy), cấm lưu hành đối với các xe không đáp ứng yêu cầu BVMT theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã quy định;

Sáu là, thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý đúng kỹ thuật vệ sinh 100% rác thải đô thị; thường xuyên quét dọn đường xá và vỉa hè, bảo đảm đường phố luôn sạch sẽ; Tiến hành phun nước rửa đường vào các ngày trời nắng hanh khô;

Bảy là, phát triển hệ thống giao thông công cộng, đảm bảo thuận lợi phục vụ người dân đi lại, giảm thiểu số lượng xe máy và ô tô cá nhân hoạt động trên đường phố;

Tám là, áp dụng các biện pháp kỹ thuật xử lý bụi và khí thải phát sinh từ sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp; Khuyến khích các hộ gia đình và cửa hàng ăn uống từ bỏ đun nấu bằng than tổ ong, phát triển đun nấu bằng khí gas, hoặc bằng các viên nhiên liệu mùn của hay sinh khối; Xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường nước mặt ở tất cả các sông, hồ nội thành của Hà Nội; Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường không khí, đặc biệt là hệ thống quan trắc không khí tự động cố định;

Chín là, phát triển trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh công cộng trong TP, khuyến khích phát triển các loại cây xanh bên trong các công trình (cây xanh ban công, hành lang, mặt tường, mặt mái các công trình).

Ô nhiễm môi trường không khí Hà Nội đã tác động tiêu cực đối với sức khỏe cộng đồng, gây ra thiệt hại kinh tế, làm giảm vị thế của TP trên trường quốc tế và làm giảm sức hút du lịch của TP.

Để phát triển con người và du lịch Thủ đô bền vững, cần phải phục hồi bầu không khí trong lành vốn có của Hà Nội. Việc phục hồi bầu không khí trong lành của Hà Nội là một việc rất khó, nhưng không phải là việc bất khả thi, nếu có sự quyết tâm của lãnh đạo TP, sự đồng lòng ủng hộ của cộng đồng dân cư và sự tham gia của các nhà khoa học thì môi trường không khí của Hà Nội sẽ trong xanh trở lại ■



GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP MÔI TRƯỜNG THÔNG QUA HÒA GIẢI: Áp dụng thử nghiệm ở Đà Nẵng

DƯƠNG THỊ PHƯƠNG ANH, NGUYỄN TRUNG THẮNG,
HOÀNG HỒNG HẠNH, HOÀNG THỊ HIỀN

Viện Chiến lược, Chính sách TN&MT

Hiện nay, tại Việt Nam, tình hình tranh chấp môi trường (TCMT) đã và đang diễn biến theo chiều hướng đáng lo ngại, với số vụ việc, tính phức tạp ngày càng tăng. Việc xử lý TCMT hiện chủ yếu vẫn được thực hiện theo phương thức hành chính, với sự chồng chéo trách nhiệm của các cơ quan quản lý; sự quá tải và phối hợp thiếu chặt chẽ, hợp lý giữa các bên đã dẫn đến tranh chấp chậm được giải quyết, gây bức xúc cho nhân dân. Để cải thiện tình trạng này, cần xây dựng và triển khai áp dụng cơ chế giải quyết TCMT thông qua hòa giải phù hợp với điều kiện nước ta.

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TCMT THÔNG QUA HÒA GIẢI

Năm 2013, với sự hỗ trợ của Quỹ châu Á, Viện Chiến lược, Chính sách TN&MT (CLCSTNMT) đã nghiên cứu, đề xuất cơ chế giải quyết TCMT thông qua hòa giải. Qua đó, Viện CLCSTNMT đã xuất bản Tài liệu hướng dẫn giải quyết TCMT thông qua hòa giải (Tài liệu).

Theo Tài liệu, quy trình giải quyết một vụ TCMT thông qua hòa giải bao gồm 6 bước: Tiếp nhận vụ việc, thiết lập các điều kiện cần thiết cho việc giải quyết TCMT; Tổ chức đối thoại giữa các bên gây hại và bị hại; Điều tra, khảo sát vụ việc; Xây dựng các phương án hòa giải; Tổ chức thương lượng, đạt được phương án hòa giải; Tổ chức thực hiện phương án hòa giải. Theo đó, khi có TCMT xảy ra, UBND cấp xã là cơ quan hành chính đầu tiên sẽ nhận các khiếu nại, tố cáo của công dân, cộng đồng (bên bị hại). Cán bộ UBND xã, phường xem xét vụ việc tranh chấp từ đó báo cáo lãnh đạo UBND xã, phường để phân loại. Nếu vụ việc ở quy mô nhỏ, trách nhiệm hòa giải thuộc về UBND xã, phường theo quy định của Luật BVMT năm 2014 và pháp luật về hòa giải ở cấp cơ sở. Còn nếu vụ việc xảy ra ở quy mô lớn hơn, vượt thẩm quyền giải quyết của UBND xã, thì báo cáo lên UBND cấp cao hơn.

UBND cấp huyện hoặc cấp tỉnh sau khi nhận

được thông tin từ UBND cấp xã, nơi xảy ra tranh chấp cần xác định sơ bộ vấn đề, nội dung tranh chấp, mong muốn của các bên liên quan. Trên cơ sở thông tin ban đầu có được, tiến hành thăm dò khả năng áp dụng phương pháp hòa giải trong giải quyết tranh chấp. Nếu cả 2 bên tranh chấp cùng chấp thuận giải quyết thông qua hòa giải, UBND sẽ thành lập Tổ công tác giải quyết TCMT thông qua hòa giải (Tổ hòa giải). Dựa vào các thông tin đã được thu thập, Tổ hòa giải sẽ xây dựng Kế hoạch giải quyết TCMT thông qua hòa giải.

Sau khi Tổ trưởng phê duyệt Kế hoạch, thành viên Tổ hòa giải liên hệ và tổ chức đối thoại với các bên tranh chấp. Sau đó, Tổ tiến hành điều tra, xác định các nguyên nhân gây tranh chấp, thiệt hại của cộng đồng dân cư do ô nhiễm, suy thoái môi trường gây ra. Trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ thiệt hại của người dân, Tổ hòa giải sẽ xây dựng phương án hòa giải, đảm bảo giải quyết các lợi ích, cũng như mối quan tâm của các bên. Trong quá trình xây dựng và lựa chọn các phương án giải quyết, Tổ hòa giải tiến hành tham vấn các bên, tổ chức thương lượng để đạt được sự nhất trí, đồng thuận của các bên tranh chấp, sau đó, tiến hành giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của các bên tranh chấp. Tuy nhiên,

trong quá trình giải quyết tranh chấp tại địa phương, tùy vào từng vụ việc cụ thể có thể linh hoạt vận dụng các bước giải quyết, sao cho đảm bảo hòa giải thành công vụ việc TCMT.

GIẢI QUYẾT TCMT THÔNG QUA HÒA GIẢI TẠI KHU VỰC HỒ RÁI

Từ nhiều năm qua, người dân sống trong khu vực Hồ Rái (thôn Phước Thuận, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng) bị bao vây bởi bụi, tiếng nổ mìn phá đá và các đoàn xe ben chở đất đá mỗi ngày từ 12 mỏ đất đá tại đây. Trong quá trình khai thác, các doanh nghiệp chưa thực hiện đúng báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, những xe vận chuyển đất, đá thường chở quá tải, làm rơi vãi đất ra đường, gây ô nhiễm môi trường. Mặt khác, các doanh nghiệp không thường xuyên tưới nước trên đoạn đường vận chuyển, làm phát sinh bụi, nhất là đoạn từ các mỏ đến tiếp giáp với đường nhựa (tuyến đường vào mỏ đá Hòa Nhơn). Trong 12 mỏ đất đá đang khai thác ở thôn Phước Thuận, có 9 mỏ lấy đường liên thôn làm đường vận chuyển, gây bụi mù mịt. Do đó, người dân buộc phải thay đổi nếp sinh hoạt, ban ngày phải đóng kín cửa, chủ yếu sinh hoạt ban đêm khi xe ben chở đất đá của các mỏ dừng hoạt động. Ngoài ra,



do độ chênh cao giữa các mỏ đất với khu vực Hồ Rái lớn nên khi trời mưa đã rửa trôi đất trực tiếp xuống khu vực gây bồi lấp, làm mất đất sản xuất của người dân. Trong khi đó, việc thực hiện cam kết môi trường và chi trả, đền bù thiệt hại vụ mùa của các doanh nghiệp khai thác chưa phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của người dân. Bức xúc trước tình trạng trên, nhiều lần người dân tụ tập, chặn đường không cho xe chạy, nhưng sau đó, hoạt động khai thác vẫn được tiếp tục.

Trước tình hình đó, năm 2016, Viện CLCSTNMT đã phối hợp với Sở TN&MT Đà Nẵng tiến hành thử nghiệm áp dụng cơ chế giải quyết TCMT thông qua hòa giải. Việc thử nghiệm cơ chế giải quyết TCMT thông qua hòa giải được thực hiện theo đúng quy trình các bước trong Tài liệu hướng dẫn. Theo đó, Tổ hòa giải cấp xã và Tổ hòa giải cấp Sở đã được thành lập. Để giải quyết vụ việc, Tổ hòa giải cấp Sở đã phối hợp với Tổ hòa giải cấp xã tiến hành xác định lại quy mô, tính chất của vụ việc và xây dựng Báo cáo thiệt hại, giải quyết TCMT ở Hồ Rái. Qua tìm hiểu cho thấy, việc bồi lấp đất lên khu ruộng của dân có quy mô lớn (2,85 ha) và kéo dài từ năm 2011 - 2016 mà chưa được giải quyết triệt để. Việc giải quyết tranh chấp trước đây của xã Hòa Nhơn chỉ mới dừng ở xác định mức độ thiệt hại cây trồng và trao đổi với các doanh nghiệp để thống nhất số tiền đền bù, hỗ trợ thiệt hại lúa, thời gian hỗ trợ. Trên cơ sở đó, 2 Tổ đã xây dựng Kế hoạch hòa giải TCMT, nghiên cứu các quy định hiện hành về bồi thường, tính toán mức độ thiệt hại và đề xuất biện pháp giải quyết triệt để 3 vấn đề chính gồm thiếu nước tưới, bồi lấp đất và hoàn trả đất ruộng cho người dân. Đồng thời, tổ chức các buổi làm việc với doanh nghiệp và người dân để tìm hiểu nguyện vọng của các bên đối với việc giải quyết TCMT tại Hồ Rái. Sau đó, 2 Tổ hòa giải đã xây dựng các giải pháp giải quyết ô nhiễm, suy thoái TN&MT.

Với sự hỗ trợ của Tổ hòa giải, Sở TN&MT và chuyên gia luật, ngày 4/3/2016, Tổ hòa giải xã Hòa Nhơn đã tổ chức buổi hòa giải đầu tiên với sự tham gia của cả 2 bên tranh chấp (gồm đại diện 17 hộ dân và 3 doanh nghiệp) nhằm giải quyết vụ tranh chấp tại Hồ Rái. Buổi hòa giải đã đạt được thành công khi có sự thống nhất giữa doanh nghiệp với các hộ dân về thiệt hại môi trường, cũng như đưa ra được giải pháp phù hợp và có tính khả thi. Qua đó, các hộ dân và doanh nghiệp đều nhất trí với báo cáo thực trạng các vấn đề TCMT ở Hồ Rái mà 2 Tổ hòa giải đã thực hiện. Cụ thể, vấn đề mất đất trồng lúa do bồi lấp đất và thiếu nước tưới được giải quyết thông qua các giải pháp chuyển đổi đất lúa thành



▲ Buổi hòa giải vụ TCMT tại Hồ Rái với sự tham gia của đại diện các doanh nghiệp và người dân ngày 4/3/2016

đất trồng keo lá tràm, ngăn chặn dòng chảy lớn gây rửa trôi đất. Việc xác định vị trí và cách thực hiện từng giải pháp cũng được 2 bên thống nhất ở các buổi hòa giải diễn ra sau đó.

Như vậy, việc thực hiện áp dụng thí điểm cơ chế giải quyết TCMT thông qua hòa giải tại khu vực Hồ Rái đã đạt được những kết quả theo đúng mục tiêu đề ra; 2 bên đã thống nhất được phương án giải quyết tranh chấp, đồng thời, kiến thức và kỹ năng của các cán bộ giải quyết TCMT ở cấp xã cũng được nâng lên.

KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT ĐỂ GIẢI QUYẾT TCMT THÔNG QUA HÒA GIẢI TẠI HỒ RÁI

Trong quá trình thực hiện hòa giải TCMT tại khu vực Hồ Rái, các bên đã gặp nhiều khó khăn, thách thức như việc giải quyết TCMT thông qua hòa giải kéo dài thời gian giải quyết vụ việc; hầu hết các cán bộ hòa giải chưa được đào tạo, tập huấn về kỹ năng hòa giải nói chung, hòa giải môi trường nói riêng; chưa có sự phân định rõ ràng trách nhiệm của tổ chức và các thành viên trong Tổ hòa giải cấp xã. Vì thế, khi áp dụng thử nghiệm, Tổ hòa giải cấp xã còn lúng túng và gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, việc thu

thập thông tin, chứng cứ, xác minh vấn đề, cũng như đánh giá thiệt hại và xây dựng giải pháp hòa giải không đơn giản, chưa có hướng dẫn chi tiết việc đánh giá thiệt hại của người dân; văn bản hòa giải thiếu tính pháp lý. Mặt khác, việc giải quyết tranh chấp vẫn còn phụ thuộc vào thiện chí của doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, nếu doanh nghiệp chỉ thực hiện đền bù các thiệt hại mà không giải quyết dứt điểm tình trạng gây ô nhiễm, suy thoái môi trường thì việc khiếu nại có thể sẽ tiếp tục kéo dài.

Việc thí điểm giải quyết TCMT thông qua hòa giải ở Hồ Rái đã cho thấy, những thành công bước đầu của phương thức hòa giải trong giải quyết TCMT nhưng cũng bộc lộ những vướng mắc. Vì vậy, để hoàn thiện quy trình hòa giải TCMT, cần phải nhân rộng thí điểm cho các địa phương khác, từ đó, có thể ban hành chính thức quy trình và phương pháp giải quyết TCMT, giúp các cơ quan quản lý địa phương có thể áp dụng. Bên cạnh đó, cần xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ năng hòa giải, thu thập thông tin, chứng cứ, phương pháp xác minh vấn đề cốt lõi của tranh chấp, hướng dẫn đánh giá thiệt hại và xây dựng giải pháp hòa giải■



Đẩy mạnh công tác truyền thông trong quản lý chất thải y tế giai đoạn 2017 - 2021

PHAN THỊ LÝ

Bộ Y tế

BVMT trong các cơ sở y tế (CSYT) là một trong những vấn đề quan trọng và cấp thiết luôn được Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành và toàn thể xã hội đặc biệt quan tâm. Trong thời gian qua, Bộ Y tế đã ban hành nhiều văn bản quan trọng nhằm kiểm soát hiệu quả các nguồn chất thải y tế (CTYT), trong đó nhấn mạnh tới công tác truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng và đội ngũ cán bộ, nhân viên trong các CSYT. Mới đây, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 1119/QĐ-BYT phê duyệt Kế hoạch truyền thông về quản lý chất thải y tế (QLCTYT) giai đoạn 2017 - 2021 (Kế hoạch) với mục tiêu tổng quát là nâng cao nhận thức và tăng cường thực hiện các quy định về QLCTYT nhằm thực hiện hiệu quả công tác QLCTYT và xây dựng CSYT xanh - sạch - đẹp.

Hiện trên cả nước có 13.640 CSYT, bao gồm 1.263 cơ sở khám chữa bệnh thuộc các tuyến Trung ương, tỉnh, huyện, bệnh viện ngành và bệnh viện tư nhân; 1016 cơ sở thuộc hệ dự phòng tuyến Trung ương, tỉnh, huyện; 77 cơ sở đào tạo y được tuyến Trung ương, tỉnh; 180 cơ sở sản xuất thuốc và 11.104 trạm y tế xã. Theo đó, ước tính có khoảng 350 tấn chất thải rắn phát sinh từ các CSYT, trong đó có 40,5 tấn/ngày là chất thải rắn y tế nguy hại.

Trong thời gian qua, ngành y tế và các cơ quan quản lý nhà nước về BVMT đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện công tác BVMT y tế nhằm đảm bảo sức khỏe cho nhân viên y tế và cộng đồng. Tuy nhiên, công tác BVMT y tế đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức đó là: việc đầu tư kinh phí, trang thiết bị, giải pháp công nghệ cho các hoạt động xử lý chất thải y tế còn hạn chế; công tác quản lý dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại chưa được quan tâm đúng mức; ý thức BVMT của một số nhân viên y tế và cộng đồng còn chưa cao...

Nhằm tăng cường công tác BVMT y tế nói chung và CTYT nói riêng, bên cạnh công tác hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, đẩy mạnh các biện pháp thanh tra, kiểm tra cùng với các giải pháp khoa học công nghệ, thì công tác truyền thông nhằm thay đổi hành vi, nâng cao nhận thức cộng đồng và cán bộ nhân viên y tế trong các CSYT đóng vai trò quan trọng. Đây được coi là giải pháp cơ bản, có ý nghĩa chiến lược trong BVMT y tế với mục tiêu đạt được là làm cho từng người dân, nhất là các nhân viên y tế có kiến thức cần thiết về môi trường y tế, QLCTYT.



▲ Công tác thu gom, phân loại chất thải y tế tại Bệnh viện E

Qua đó từng bước xây dựng nền đạo đức sinh thái cho cộng đồng và nhân viên y tế.

Trên cơ sở đó, Kế hoạch truyền thông về QLCTYT giai đoạn 2017-2021 đã đặt ra các mục tiêu: Nâng cao nhận thức về trách nhiệm chỉ đạo của cán bộ lãnh đạo ngành Y tế, TN&MT, lãnh đạo địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác QLCTYT, đảm bảo nguồn lực cho các CSYT thực hiện QLCTYT; Tăng cường chỉ đạo và quản lý của cán bộ lãnh đạo tại các CSYT đối với công tác QLCTYT; Cải thiện thực hành phân loại,

thu gom, vận chuyển, xử lý CTYT của nhân viên y tế tại các CSYT; Nâng cao nhận thức và tăng cường thực hành giữ gìn vệ sinh môi trường của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và các đối tượng đến sử dụng dịch vụ tại các CSYT và cộng đồng sống xung quanh CSYT; Tăng cường sự tham gia giám sát thực hiện QLCTYT của cộng đồng đối với các CSYT nhằm đẩy mạnh hiệu quả BVMT; Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ, nâng cao năng lực truyền thông và tăng cường thực hiện công tác truyền thông về



QLCTYT tại các CSYT góp phần nâng cao hiệu quả BVMT y tế. Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, Kế hoạch đã đưa ra các nhóm hành động nhằm nâng cao hiệu quả công tác QLCTYT:

Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm thay đổi hành vi, làm giảm nguy cơ lây nhiễm từ CTYT cho mỗi cá nhân và cộng đồng bằng cách phổ biến quy định về QLCTYT qua nhiều kênh truyền thông khác nhau. Đồng thời, nâng cao nhận thức về trách nhiệm QLCTYT và cải thiện thực hành phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTYT của nhân viên y tế tại các CSYT; Tăng cường chỉ đạo và quản lý của cán bộ lãnh đạo tại các CSYT đối với công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTYT thông qua các hoạt động truyền thông trực tiếp tới cán bộ y tế, nhân viên của các khoa phòng và triển khai các hình thức truyền thông rộng rãi như phát động cuộc thi, xây dựng đơn vị điển hình tiên tiến thực hiện QLCTYT, nhân rộng bệnh viện kiểu mẫu xanh - sạch - đẹp, tổ chức hội thảo, tập huấn về QLCTYT; Nâng cao nhận thức và tăng cường thực hành giữ vệ sinh môi trường của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và các đối tượng đến sử dụng dịch vụ tại các CSYT và cộng đồng sống xung quanh CSYT bằng hình thức hướng dẫn và khuyến khích thực hiện.

Tổ chức truyền thông vận động chính sách và huy động nguồn lực cho các CSYT thực hiện QLCTYT. Truyền thông có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình vận động chính sách và huy động các nguồn lực để quản lý hiệu quả CTYT. Thông qua các hội thảo, diễn đàn, các phương tiện thông tin đại chúng, các nhà hoạch định chính sách sẽ lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện về các biện pháp QLCTYT để hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật. Để đưa ra được quyết sách phù hợp, các nhà hoạch định chính sách cần có thông tin đầy đủ và những bằng chứng khoa học được tiến hành trong thực tế, đồng thời lắng nghe những nguyện vọng của người dân, đặc biệt của những người đang bị ảnh hưởng bởi CTYT.

Công khai thông tin minh bạch và huy động sự tham gia của cộng đồng và các cơ quan truyền thông trong giám sát

thực hiện QLCTYT. Việc công khai thông tin trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách pháp luật về QLCTYT là yêu cầu cần thiết để duy trì sự ổn định của pháp luật và tạo niềm tin người dân vào cơ quan quản lý nhà nước. Công tác kiểm tra, đánh giá hệ thống xử lý nước thải của CSYT; kiểm soát chặt chẽ quy trình thu gom CTYT; quá trình chuyển giao cho các đơn vị thu gom và xử lý; hoàn thiện hệ thống hồ sơ quản lý quy trình xử lý chất thải theo quy định cần được tiến hành thường xuyên. Đây cũng là cơ sở để cộng đồng và các cơ quan truyền thông giám sát việc thực hiện QLCTYT tại các CSYT.

Tổ chức thực hiện công tác truyền thông về QLCTYT trong CSYT thông qua các hoạt động hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ, thực hiện công tác QLCTYT tại các CSYT, tập huấn nâng cao năng lực truyền thông cho mạng lưới truyền thông về QLCTYT trong CSYT, triển khai giám sát và đánh giá hiệu quả công tác truyền thông về QLCTYT.

Để có được môi trường CSYT xanh - sạch - đẹp, công tác QLCTYT là vấn đề được quan tâm hiện nay không những riêng của ngành y tế mà còn của cả các ban ngành khác có liên quan để bảo đảm môi trường sống an toàn. Công tác QLCTYT đạt hiệu quả cần xuất phát từ sự nâng cao nhận thức - thái độ - hành vi, mà công tác truyền thông giáo dục là một biện pháp khởi đầu quan trọng và cần thiết■



▲ Lớp tập huấn hướng dẫn thực hiện quản lý chất thải y tế



Thực trạng xử lý môi trường chăn nuôi tại Việt Nam và đề xuất giải pháp quản lý

TS. NGUYỄN THẾ HINH

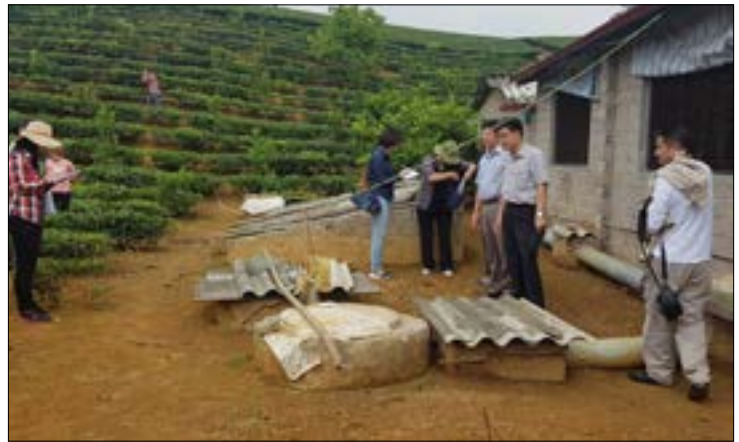
Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp, Bộ NN&PTNT

Ngành Chăn nuôi tại Việt Nam hiện nay có xu hướng chuyển dịch từ quy mô nông hộ sang chăn nuôi tập trung và thâm canh với quy mô lớn. Cùng với xu hướng đó, ô nhiễm môi trường (ÔNMT) chăn nuôi tại các vùng nông thôn ngày càng trở nên nghiêm trọng. Theo một số chuyên gia nông nghiệp cho rằng, nguyên nhân chính gây ô nhiễm là do chăn nuôi nhỏ lẻ, không kiểm soát được xả thải ra môi trường. Tuy nhiên, qua thực tế khảo sát ở Việt Nam, chăn nuôi quy mô trang trại và thâm canh, mặc dù có áp dụng biện pháp xử lý môi trường, nhưng vẫn gây ÔNMT nghiêm trọng do các nguyên nhân về công tác quản lý môi trường và áp dụng công nghệ chưa phù hợp.

THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN ÔNMT CHĂN NUÔI TẠI VIỆT NAM

Theo thống kê của Bộ NN&PTNT về chăn nuôi, cả nước hiện có khoảng 12 triệu hộ gia đình có hoạt động chăn nuôi và 23.500 trang trại chăn nuôi tập trung. Trong đó, phổ biến ở nước ta là chăn nuôi lợn (khoảng 4 triệu hộ) và gia cầm (gần 8 triệu hộ), với tổng đàn khoảng 362 triệu con gia cầm, 29 triệu con lợn và 8 triệu con gia súc, mỗi năm khối lượng nguồn thải ra từ chăn nuôi ra môi trường là một con số khổng lồ - khoảng 84,5 triệu tấn/năm, trong đó, chỉ khoảng 20% được sử dụng hiệu quả (làm khí sinh học, ủ phân, nuôi trùn, cho cá ăn...), còn lại 80% lượng chất thải chăn nuôi đã bị lãng phí và phần lớn thải ra môi trường gây ô nhiễm.

Nguyên nhân chính được xác định gây ÔNMT trong ngành chăn nuôi là do các trang trại sử dụng nhiều nước. Kết quả khảo sát cho thấy, các trang trại chăn nuôi sử dụng ít nước đều có thể dễ dàng thu gom chất thải rắn (CTR) để bán làm phân bón hữu cơ. CTR từ các trang trại nuôi gà hầu như được tiêu thụ hết cho mục đích trồng rau, hoa, cây cảnh; hiện nay hình thành tự phát một hệ thống thu gom phân trâu bò khô từ đồng bằng sông Cửu Long đến vùng Nam Trung bộ để bán cho các cơ sở chế biến phân bón hữu cơ tại Tây Nguyên phục vụ trồng cây công nghiệp như cà phê, tiêu, cao su...; CTR thu gom từ chăn nuôi lợn nái (do nuôi lợn nái không được sử dụng nhiều nước) luôn được tiêu thụ tốt. Do vậy, có thể nói trong chăn nuôi sử dụng ít nước, CTR từ chăn nuôi luôn có thể thu gom để bán nên không còn nhiều để thải ra môi trường. Chỉ có chăn nuôi lợn thịt hoặc chăn nuôi bò sữa quy mô công nghiệp sử dụng nhiều nước (theo các quy trình chăn



▲ Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp các bon thấp do Bộ NN&PTNT thực hiện tại tỉnh Sơn La

nuôi thâm canh quy mô lớn) mới là nguyên nhân chính gây ÔNMT do chất thải lỏng từ các trang trại này không thể thu gom nên chỉ còn cách xả trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua các hầm khí sinh học (KSH)) xuống nguồn nước.

Mặt khác, công tác quản lý môi trường chưa đáp ứng được với nhu cầu của thực tế sản xuất. Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi theo QCVN 40:2011/BTNMT trước kia và QCVN 62-MT:2016/BTNMT hiện nay đều quá cao so với khả năng thực tế ứng dụng công nghệ xử lý môi trường hiện tại, dẫn đến hầu hết các trang trại đều không thể đáp ứng yêu cầu đặt ra do chưa có

công nghệ xử lý môi trường chăn nuôi hiệu quả để theo kịp các quy định về xả thải môi trường. Do khó có thể đáp ứng quy định xả thải nên ở nhiều nơi, việc áp dụng biện pháp xử lý môi trường của các trang trại chỉ mang tính đối phó. Vẫn còn tâm lý ưu tiên phát triển kinh tế, giảm nhẹ yếu tố môi trường ở nhiều cấp chính quyền địa phương nên việc quản lý và xử lý môi trường chăn nuôi còn mang nặng tính hình thức.

Những năm vừa qua, biện pháp KSH được người dân và các cấp chính quyền ưu tiên sử dụng, tuy nhiên vẫn còn có nhiều khó khăn, bất cập. Đối với các công trình KSH quy mô nhỏ, hiện tượng quá



tải công suất xử lý (quy mô chăn nuôi thay đổi thường xuyên trong khi dung tích của hầm KSH là cố định) và khí ga thừa không sử dụng hết, xả trực tiếp ra môi trường là nguyên nhân phổ biến gây ÔNMT. Đối với chăn nuôi quy mô trang trại, công nghệ KSH chưa thực sự đem lại lợi ích về kinh tế (làm hầm KSH tốn diện tích đất, tốn chi phí đầu tư lớn nhưng không đem lại nguồn thu bổ sung cho chủ trang trại), có tác động tiêu cực về môi trường (khí ga sinh ra hầu như không sử dụng, xả trực tiếp ra môi trường, hầm KSH không được quan tâm vận hành, hỏng không được sửa chữa do chủ trang trại không có động lực để bỏ chi phí ra duy trì vận hành hệ thống nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý môi trường) và hậu quả xấu về xã hội (việc áp dụng biện pháp xử lý môi trường chỉ mang tính hình thức, đối phó lẫn nhau giữa các chủ trang trại và các cấp quản lý).

Qua khảo sát của Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp các bon thấp (LCASP) do Bộ NN&PTNT thực hiện, hầu hết các hộ dân lựa chọn xây lắp các công trình KSH quy mô nhỏ dưới 15 m³ vì lý do đây là dung tích phù hợp với nhu cầu sử dụng khí ga đun nấu của hộ gia đình, do vậy, đem lại hiệu quả đầu tư cao nhất. Phần lớn khí ga sinh ra từ các công trình KSH quy mô lớn hơn 50 m³ đã và đang không được sử dụng hết và xả bỏ ra ngoài môi trường. Nguyên nhân chính của việc xả bỏ khí ga là do các công nghệ sử dụng khí ga để phát điện, thắp sáng, chạy máy... còn nhiều hạn chế như hay hỏng vặt, giá thành cao, không phù hợp với điều kiện của Việt Nam... dẫn đến không đem lại hiệu quả kinh tế thực sự cho người sử dụng.

Có thể nói, hiện trạng quản lý môi trường chăn nuôi hiện nay đang còn nhiều bất cập về quản lý, bế tắc về công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi quy mô trang trại, thiếu sự quan tâm thỏa đáng của các cấp chính quyền về quản lý và sự đầu tư nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp công nghệ phù hợp, bền vững, giúp vừa xử lý môi trường chăn nuôi lại vừa mang lại thu nhập bổ sung, tạo động lực cho người dân áp dụng các biện pháp BVMT.

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢM THIỂU ÔNMT CHĂN NUÔI

Xuất phát từ những phân tích ở trên, một số giải pháp để giải quyết vấn đề ÔNMT của ngành chăn nuôi được đề xuất như:

Nghiên cứu xây dựng các quy trình chăn nuôi tiết kiệm nước nhằm tăng cường khả năng

thu gom CTR của các trang trại chăn nuôi để phục vụ sản xuất phân bón hữu cơ.

Đồng thời, nghiên cứu công nghệ xử lý chất thải cho các quy mô chăn nuôi khác nhau theo hướng: Công nghệ KSH cải tiến cho chăn nuôi quy mô nhỏ và một số công nghệ bổ trợ khác nhằm khắc phục các hạn chế về quá tải hầm KSH; Các thiết bị giúp sử dụng hết khí ga sinh ra từ các hầm KSH; Công nghệ tách CTR từ phân lỏng do chăn nuôi quy mô công nghiệp sử dụng nhiều nước tạo ra nhằm xử lý hiệu quả hơn nước thải từ các trang trại chăn nuôi.

Có chính sách khuyến khích nghiên cứu, sản xuất và tiêu thụ phân bón hữu cơ sinh học có nguồn gốc từ chất thải chăn nuôi nhằm thay thế phân hóa học nhập khẩu. Hiện tại, mỗi năm Việt Nam tiêu thụ khoảng 11 triệu tấn phân bón, trong đó hơn 90% là phân bón hóa học (số liệu thống kê năm 2016 cho thấy, Việt Nam nhập khẩu khoảng 4,2 triệu tấn phân bón hóa học với trị giá 1,25 tỷ USD), phân bón hữu cơ chỉ chiếm xấp xỉ 1 triệu tấn.

Tính bình quân mỗi ha canh tác ở Việt Nam nhận hơn 1 tấn phân bón hóa học mỗi năm, đây là mức cao so với các nước trong khu vực. Khi sử dụng phân bón hóa học, khoảng từ 30-50% lượng phân bón được cây trồng sử dụng để tạo sinh khối, phần còn lại sẽ bị bốc hơi và rửa trôi xuống nguồn nước gây ÔNMT. Trong khi đó, với khoảng 84,5 triệu tấn CTR do ngành chăn nuôi thải ra hàng năm, nếu các trang trại chăn nuôi được chuyển giao công nghệ tiên tiến để sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải chăn nuôi, nhằm giảm ÔNMT chăn nuôi một cách bền vững.

Kiến nghị nghiên cứu điều chỉnh quy định về xả thải chăn nuôi phù hợp hơn với điều kiện thực tế của các trang trại chăn nuôi tại Việt Nam.

Đề nghị bổ sung công nghệ sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón hữu cơ nguyên liệu thành một trong những công nghệ xử lý môi trường chăn nuôi chủ lực cho các trang trại bên cạnh công nghệ KSH đang được ưu tiên sử dụng hiện nay■



▲ Cán bộ Trung tâm Khuyến nông tỉnh Tuyên Quang kiểm tra nền đệm lót sinh học tại chuồng nuôi lợn của hộ gia đình xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên



Nâng cao hiệu quả hoạt động quan trắc môi trường trong các bệnh viện hiện nay

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Cục Quản lý môi trường y tế

Quan trắc môi trường (QTMT) nói chung và QTMT y tế nói riêng là hoạt động then chốt, không thể thiếu trong công tác quản lý và BVMT. Theo Luật BVMT, QTMT là quá trình theo dõi có hệ thống về thành phần môi trường, các yếu tố tác động lên môi trường nhằm cung cấp thông tin đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và các tác động xấu đối với môi trường. Để thực hiện Luật BVMT, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 31/2013/TT-BYT ngày 15/10/2013 quy định về quan trắc tác động môi trường từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của bệnh viện (BV) (Thông tư số 31/2013/TT-BYT) nhằm hướng tới một môi trường y tế an toàn và xanh - sạch - đẹp.

CÁC QUY ĐỊNH VỀ QTMT Y TẾ

Trong giai đoạn hiện nay, hệ thống mạng lưới các BV, trung tâm y tế, trạm y tế cơ sở không ngừng được mở rộng về số lượng và quy mô hoạt động. Bên cạnh các cơ sở y tế Nhà nước, đã và đang hình thành hệ thống y tế tư nhân với nhiều hình thức khám chữa bệnh. Để thực hiện quản lý môi trường y tế hiệu quả, công tác giám sát, quan trắc thường xuyên, liên tục chất lượng môi trường đóng một vai trò hết sức quan trọng, nhằm kịp thời cảnh báo và ngăn ngừa các tác động xấu tới môi trường từ các hoạt động y tế.

Theo Luật BVMT, các BV phải có trách nhiệm thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Phân loại chất thải rắn y tế tại nguồn; thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải rắn y tế bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế (CTYT) gây ra; CTYT phải được xử lý sơ bộ loại bỏ mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm trước khi chuyển về nơi lưu giữ, xử lý, tiêu hủy tập trung; Xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Để hướng dẫn việc thực hiện quan trắc tác động môi trường tại các BV, Thông tư số 31/2013/TT-BYT đã quy định về nội dung, thông số, địa điểm, phương pháp quan trắc, tần suất và báo cáo kết quả quan trắc tác động môi trường từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của BV.

Quan trắc tác động môi trường từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của BV là hoạt động theo dõi có hệ thống về diễn biến số lượng, thành phần, mức độ nguy hại của chất thải rắn y tế, khí thải lò đốt chất thải rắn y tế, nước thải y tế và môi trường không khí trong



▲ Đo kiểm tra môi trường làm việc tại bệnh viện tỉnh Quảng Ninh

khuôn viên BV. Theo đó, quan trắc chất thải rắn y tế, nước thải y tế, khí thải lò đốt chất thải rắn y tế được thực hiện định kỳ 3 tháng/lần; QTMT không khí thực hiện định kỳ 6 tháng/lần.

Đối với chất thải rắn y tế, phương pháp quan trắc được thực hiện dưới hình thức quan sát trực tiếp; cân, đo số lượng; thu thập số liệu từ sổ sách, chứng từ có liên quan, bảng kiểm, bộ câu hỏi. Phương pháp đánh giá kết quả quan trắc về chất thải rắn y tế căn cứ quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế tại Quy chế quản lý CTYT ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 30/11/2007

của Bộ trưởng Bộ Y tế (hiện nay áp dụng theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT quy định quản lý CTYT).

Đối với nước thải y tế, khí thải lò đốt chất thải rắn y tế, môi trường không khí, kết quả quan trắc phải đảm bảo theo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế; QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế; QCVN 05:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QTMT TẠI CÁC BV

Trong thời gian qua, hoạt động QTMT y tế đã được các BV quan tâm và triển khai thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu công tác BVMT. Phần lớn, các BV đã trang bị đầy đủ các loại dụng cụ để thu gom CTYT và tiến hành thu gom các nhóm chất thải (chất thải thông thường, chất thải nguy hại) với tần suất đảm bảo ít nhất 1 lần/ngày theo quy định của Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Đồng thời, các BV cũng thực hiện tốt việc vận chuyển chất thải tới nơi lưu giữ, đảm bảo không đi qua các phòng bệnh, khu lưu bệnh nhân, gây ảnh hưởng tới môi trường. Để xử lý chất thải nguy hại, các BV đều ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (được Bộ TN&MT cấp phép) để thực hiện việc vận chuyển và xử lý CTYT nguy hại. Tuy nhiên vẫn còn một số BV chưa trang bị đầy đủ bao bì, thùng đựng CTYT đúng về màu sắc và thiếu biểu tượng theo quy định, đặc biệt ở nhóm chất thải nguy hại không lây nhiễm và CTYT thông thường phục vụ cho mục đích tái chế; một số BV chưa có khu lưu giữ chất thải đạt yêu cầu.

Về quan trắc nước thải y tế, hầu hết các BV đã thực hiện đầy đủ tần suất quan trắc và đạt kết quả quan trắc theo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Theo đó, các BV tuyến TW, tỉnh và tư nhân có kết quả nước thải đầu ra khá tốt, tuy nhiên, một số BV ở tuyến huyện có kết quả nước thải đầu ra chưa đáp ứng được yêu cầu của QCVN 28:2010/BTNMT với các thông số không đạt tiêu chuẩn phổ biến là nitrat, COD, BOD₅ hoặc Coliforms.

Đối với việc quan trắc khí thải lò đốt chất thải rắn y tế, đa phần các BV tuyến TW, tuyến tỉnh và tư nhân đều không đầu tư xây dựng hệ thống lò đốt hoặc đã ngừng vận hành lò đốt; chỉ còn phần lớn các BV ở tuyến huyện vẫn vận hành lò đốt để xử lý chất thải rắn y tế. Hiện các BV sử dụng lò đốt vẫn thực hiện khá tốt việc quan trắc khí thải lò đốt chất thải rắn y tế đảm bảo về tần suất được quy định tại Thông tư số 31/2013/TT-BYT.

Các BV tại tất cả các tuyến TW và địa phương đều thực hiện tốt việc QTMT không khí xung quanh BV, đáp ứng đầy đủ về tần suất và đạt kết quả theo quy định tại QCVN 05:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong



▲ Lấy mẫu nước thải tại BV

không khí xung quanh. Tuy nhiên vẫn còn một số ít BV tại tuyến huyện và tư nhân chưa thực hiện thường xuyên việc QTMT không khí xung quanh.

Mặc dù đã đạt được một số kết quả ban đầu đáng khích lệ, tuy nhiên cũng phải nhìn nhận công tác QTMT y tế còn một số tồn tại. Nguyên nhân là do thiếu nguồn kinh phí để triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung trong quản lý CTYT, BVMT; Cơ sở hạ tầng của các BV đã và đang xuống cấp, chật hẹp so với quy mô khám chữa bệnh nên tạo ra rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý CTYT; Chi phí vận hành, bảo dưỡng các hệ thống xử lý nước thải y tế, lò đốt chất thải rắn y tế cũng như chi phí thực hiện đầy đủ công tác quan trắc; Thiếu nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, nắm vững các quy định và cách thức vận hành hệ thống xử lý CTYT.

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QTMT TẠI CÁC BV

Để nâng cao hiệu quả hoạt động QTMT tại các BV, phục vụ kịp thời cho

việc phát hiện, đánh giá ô nhiễm môi trường, theo dõi, giám sát chất lượng môi trường ở các BV, trong thời gian tới ngành y tế sẽ triển khai đồng bộ một số giải pháp:

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 31/2013/TT-BYT cho phù hợp với Luật BVMT năm 2014 và các văn bản liên quan. Thông tư số 31/2013/TT-BYT được ban hành trước khi Luật BVMT năm 2014 được thông qua. Do vậy việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 31/2013/TT-BYT là yêu cầu cần thiết trong giai đoạn hiện nay nhằm đáp ứng các yêu cầu của công tác quản lý về BVMT.

Xây dựng cơ chế về thuê quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải để tăng tính chuyên nghiệp và hiệu quả xử lý.

Tăng cường đầu tư kinh phí cho công tác quản lý chất thải, QTMT y tế để các BV triển khai đầy đủ công tác BVMT nói chung và xử lý CTYT nói riêng.

Bổ sung nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, đúng chuyên môn, chuyên ngành nhằm quản lý, điều hành việc kiểm soát nhiễm khuẩn nói chung và công tác quản lý CTYT, BVMT tại các cơ sở y tế nói riêng■



Đổi mới phương pháp, phát huy tính sáng tạo trong nghiên cứu các công trình khoa học về bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, đường lối, chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước trong công tác BVMT được xây dựng trên cơ sở các luận cứ khoa học, lý luận kết hợp với thực tiễn. Có thể thấy, công tác nghiên cứu khoa học ngày càng đóng vai trò quan trọng, có ý nghĩa then chốt, phục vụ công tác xây dựng chính sách, pháp luật, quản lý nhà nước và triển khai các nhiệm vụ BVMT. Để hiểu rõ hơn vấn đề này, nhân dịp Ngày Môi trường Thế giới năm 2017, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với Bà Nguyễn Song Tùng - Phó viện trưởng - Viện Địa lý nhân văn - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (HLKHXHVN), là một trong những nhà khoa học đạt thành tích xuất sắc trong công tác BVMT được Bộ TN&MT trao Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2017.

***Xin bà cho biết kết quả chính hoạt động nghiên cứu khoa học về BVMT của cá nhân, cũng như của Viện Địa lý nhân văn trong thời gian qua?**

Bà Nguyễn Song Tùng: Từ năm 1994, tôi bắt đầu công tác tại Trung tâm Địa lý kinh tế - xã hội, nay là Viện Địa lý nhân văn. Trong suốt 20 năm qua, trong các lĩnh vực BVMT, tôi đã tập trung nghiên cứu những vấn đề chính sách, góp phần phân biện xã hội, tư vấn hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT, trong đó, chú trọng vào những vấn đề về khoa học môi trường; biến đổi khí hậu (BĐKH); phát triển bền vững; sinh thái nhân văn; kinh tế xanh (KTX); xã hội hóa hoạt động BVMT...

Với các công trình nghiên cứu cơ bản, tôi đã tham gia nhiều nghiên cứu đóng góp cho quá trình hoàn thiện các văn bản pháp luật về BVMT như: Sửa đổi Luật BVMT năm 2014; Hồ sơ Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học cả nước đến năm 2020, định hướng đến



▲ Bà Nguyễn Song Tùng
Phó Viện trưởng - Viện Địa lý nhân văn

năm 2030; Góp ý Dự thảo Tuyên bố chung giữa Ủy ban Quốc gia và các đối tác phát triển về triển khai thực hiện Thỏa thuận Pari tại Việt Nam; cụ thể hóa các giải pháp quốc gia trong quá trình thực hiện Chương trình nghị sự 21 về phát triển bền vững...

Bên cạnh đó, tôi cùng các đồng nghiệp đã thực hiện một số Đề tài nghiên cứu khoa học như: Đề tài “Các giải pháp cơ bản nhằm phát triển các mô hình KTX trong nông nghiệp ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020”, thời gian thực hiện từ năm 2011 - 2012. Kết quả đề tài đã làm rõ được những vấn đề về cơ sở lý luận phát triển KTX trong nông nghiệp, kinh nghiệm các nước về phát triển KTX trong nông nghiệp; Đồng thời, đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của người dân phát triển các mô hình sản xuất nông

nghiệp theo hướng KTX; Đề tài “Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách liên kết vùng trong ứng phó với BĐKH ở Việt Nam”, thời gian thực hiện từ năm 2013 - 2015. Kết quả Đề tài đã lý giải được cơ sở khoa học về cơ chế, chính sách liên kết vùng trong ứng phó với BĐKH; Phân tích được biểu hiện của BĐKH ở các vùng của Việt Nam; Đánh giá khả năng, thách thức và triển vọng liên kết vùng, từ đó đề xuất quan điểm, định hướng, giải pháp về cơ chế, chính sách và chiến lược liên kết vùng trong việc ứng phó với thiên tai, BĐKH...

Ngoài ra, trong báo cáo thành tích tham gia xét tặng Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2017, tôi cũng tham gia đề xuất với Bộ TN&MT các hướng nghiên cứu mới kết hợp giữa nghiên cứu khoa học và tư vấn chính sách về môi



▲ Các cá nhân, tổ chức đạt thành tích xuất sắc trong công tác BVMT được Bộ TN&MT trao Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2017

trường, thực hiện các nhiệm vụ về phát triển nông nghiệp sinh thái; nông nghiệp xanh; tiêu dùng xanh trong phát triển bền vững; hợp tác công - tư trong thúc đẩy dịch vụ môi trường đô thị. Đặc biệt, tôi được giao chủ trì nhiệm vụ "Tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức của Viện HLKHXHVN về BVMT".

★Bà có thể chia sẻ một số khó khăn, cũng như thuận lợi trong công tác nghiên cứu khoa học về BVMT trong giai đoạn hiện nay?

Bà Nguyễn Song Tùng: Về những thuận lợi, trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến công tác BVMT thông qua việc ban hành nhiều chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với các nhà khoa học có công trình nghiên cứu BVMT xuất sắc. Các hoạt động, biểu dương, tôn vinh được tổ chức khá tốt ở các cấp, tạo điều kiện hỗ trợ, bồi dưỡng tài năng trẻ triển vọng, trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Tại Viện HLKHXHVN và Viện Địa lý nhân văn nói riêng, chúng tôi luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, theo dõi sát sao của Cấp ủy, cũng như Ban Lãnh đạo Viện. Viện đã xây dựng và tạo cơ chế công bằng, thuận lợi để mọi tài năng trẻ có thể nỗ lực phấn đấu trong học tập và công tác. Đặc biệt, chúng tôi luôn được tạo điều kiện trong công tác đào tạo và rèn luyện nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia vào các đề tài cấp Viện,

Bộ, Nhà nước; được giúp đỡ về mặt chuyên môn, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về công tác nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật...

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, còn có những khó khăn như: Các chương trình khoa học trọng điểm cấp Nhà nước chưa dành nhiều nội dung/chủ đề nghiên cứu về BVMT dưới góc độ khoa học xã hội và nhân văn. Viện chưa được tiếp cận nhiều các nguồn kinh phí cho nghiên cứu về BVMT; Chưa tiếp cận các thông tin, báo cáo chuyên sâu trong lĩnh vực môi trường để làm tư liệu cho nghiên cứu và nâng cao chất lượng nghiên cứu. Mặt khác, các sản phẩm nghiên cứu hiện nay chủ yếu mới chỉ dừng ở việc công bố trên tạp chí, xuất bản sách, các cơ quan hoạch định chính sách về môi trường cần tham khảo các sản phẩm nghiên cứu để tư vấn chính sách.

Bên cạnh đó, còn thiếu cơ chế hỗ trợ xây dựng môi trường làm việc hiệu quả,

chuyên nghiệp, thân thiện để tài năng trẻ phát huy sự sáng tạo. Trên thực tế, bản thân các tài năng nói chung và tài năng trẻ nói riêng luôn cần trang bị cơ sở vật chất thuận lợi để sáng tạo, nuôi dưỡng ước mơ, đam mê và vun đắp các hoài bão, khát vọng lớn lao. Đây cũng là động lực rất quan trọng để tài năng trẻ phát huy trí tuệ, năng lực của bản thân.

★Bà có những đề xuất gì để nâng cao năng lực, kiến thức, tính sáng tạo, niềm say mê cho các nhà khoa học trẻ, đặc biệt là trong công tác BVMT?

Bà Nguyễn Song Tùng: Để các công trình nghiên cứu khoa học về BVMT có ý nghĩa và đảm bảo tính khả thi hơn nữa, ngoài các kiến thức cơ bản về BVMT, cần chú trọng đến các cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Các cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu thường được sử dụng hiệu quả trong nghiên cứu các vấn đề về BVMT như cách tiếp cận từ trên xuống kết hợp với từ dưới lên "top - down, bottom - up"; hệ thống; liên ngành; phương pháp phỏng vấn sâu; điều tra xã hội học; thảo luận nhóm... Ngoài ra, cần xác định tập trung vào một số nhóm đối tượng trong xã hội.

Đối với các cán bộ nghiên cứu khoa học, triển khai nhiều hoạt động tăng cường năng lực và nâng cao nhận thức cho các cán bộ của Viện HLKHXHVN trong các chủ đề về BVMT để nâng cao chất lượng hoạt động lồng ghép kiến thức môi trường trong các lĩnh vực nghiên cứu xã hội, nhân văn; đồng thời, tạo hiệu ứng lan tỏa đến cộng đồng. Đây cũng là một hoạt động có ý nghĩa thúc đẩy mối quan



hệ hợp tác giữa Viện HLKHXHVN với Bộ TN&MT. Bên cạnh đó, để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học BVMT nói chung, cần tăng cường đầu tư kinh phí để thực hiện các nghiên cứu về BVMT; tăng cường sự hợp tác chặt chẽ giữa cơ quan quản lý, cơ sở đào tạo, địa phương với Viện để đạt được hiệu quả tối đa trong đào tạo và ứng dụng các kết quả nghiên cứu.

Đặc biệt, với thế hệ trẻ - tương lai của đất nước, nghiên cứu, giáo dục lực lượng thanh niên ý thức BVMT có ý nghĩa quan trọng, cụ thể: Phối hợp với Đoàn Thanh niên Viện HLKHXHVN tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực cho thanh niên về BVMT; tổ chức các cuộc thi, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình tiết kiệm năng lượng, triển khai thực hành tiêu dùng bền vững, áp dụng các kiến thức về môi trường trong hoạt động nghiên cứu lồng ghép trong tư vấn chính sách về xã hội, nhân văn... Từ cách làm sáng tạo và hiệu quả thiết thực, nhiệm vụ mà tôi thực hiện đã mang lại kết quả có ý nghĩa cho công tác xã hội hóa hoạt động BVMT. Đồng thời, việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên hỗ trợ định hướng cho Việt Nam tham gia và thực hiện Thập kỷ giáo dục vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc (giai đoạn 2005 - 2015) góp phần vào sự nghiệp giáo dục BVMT cho giới trẻ nói chung và các cán bộ nghiên cứu khoa học trẻ nói riêng.

Ngoài ra, để nâng cao năng lực, kiến thức, tính sáng tạo, niềm say mê cho các nhà khoa học trẻ đòi hỏi sự quan tâm của nhiều cấp; Xác định đổi mới phương pháp nghiên cứu, nhằm từng bước áp dụng các kinh nghiệm tiên tiến, hiện đại trên thế giới, đưa ra các giải pháp toàn diện và có tính khả thi cao. Từ kinh nghiệm của bản thân trong những năm qua, nhiều ý tưởng nghiên cứu do tôi đề xuất đã được áp dụng vào thực tế như tổ chức các Diễn đàn thanh niên BVMT tại Viện HLKHXHVN; Tuyên truyền các thông điệp BVMT đến toàn thể cán bộ của Viện bằng nhiều hình thức phong phú, dễ nhớ, dễ hiểu.

***Xin cảm ơn bà.**

CHÂU LOAN (Thực hiện)

Khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn tài nguyên khoáng sản Tây Nguyên

NGUYỄN THÙY

Trường Đại học Mở - Địa chất

Tây Nguyên gồm 5 tỉnh (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng) có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng và phong phú, với các loại khoáng sản có trữ lượng lớn như than bùn, than nâu, sét cao lanh và một số kim loại màu nặng, bauxite và sắt... Tuy hoạt động khai thác khoáng sản (KTKS) ở đây chưa phát triển mạnh như những vùng kinh tế khác, nhưng đã và đang gây ra những tác động đến môi trường.

THẤT THOÁT TÀI NGUYÊN DO KTKS TRÁI PHÉP

Hiện nay, tình trạng KTKS trái phép như vàng sa khoáng, đá quý, đá chẻ, cát xây dựng... xảy ra tại hầu hết các địa phương trong khu vực Tây Nguyên. Kon Tum được đánh giá là nơi có trữ lượng vàng lớn nhất Tây Nguyên. Từ năm 2013 đến nay, tại xã Hiếu, huyện Kon Plông, nhiều người dân đã đổ về thượng nguồn sông Re để tìm kiếm vàng sa khoáng. Tại các bãi vàng vừa khai thác xong, mùi xyanua bốc lên nồng nặc, nước sông đục ngầu vì bùn, cây cối xung quanh bị cửa xả làm lán trại. Không những xã Hiếu mà

nhiều địa phương khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum như thôn Đắk Ôn, xã Đắk Long, huyện Đắk Glei, nhiều năm qua, vẫn diễn ra nạn khai thác vàng trái phép. Hậu quả từ những "con bão vàng" là những ruộng rẫy mỡ màng bị cây xói, các dòng sông bị ô nhiễm, đất đai bạc màu..., khiến cuộc sống của người dân bị đảo lộn. Để ngăn chặn tình trạng trên, nhiều lần các lực lượng chức năng đã tịch thu máy móc, phương tiện phục vụ hoạt động khai thác vàng trái phép. Tuy nhiên, do lợi nhuận của việc khai thác vàng rất lớn nên người dân bất chấp vi phạm pháp luật vẫn lén lút khai thác. Vừa qua, Đoàn liên ngành của huyện Đắk Glei đã kiểm tra tại khu vực hồ Đắk Bloc, thôn Đắk Ôn, xã Đắk Long thì phát hiện và lập biên bản tạm giữ 4 tổ máy (gồm 8 máy nổ, 4 van thể, 3 máng xỏ, hơn 100 m ống nước đường kính từ 60 - 160 mm).

Tại các địa phương khác, tình trạng khai thác đất sét trái phép vẫn diễn ra tràn lan, không theo quy hoạch, nhiều nơi còn diễn ra tình trạng mua bán chuyển nhượng đất đai để khai thác đất sét bất hợp pháp, không thực hiện cải tạo đồng ruộng để trả lại diện tích canh tác



▲ Tình trạng sạt lở đất do khai thác cát tại khu vực trạm bơm 3, xã Hòa Bình (huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk)

nông nghiệp. Riêng huyện Krông Ana (Đắk Lắk), theo thống kê đến thời điểm này, toàn huyện có 70 cơ sở đang hoạt động, nhưng trong đó chỉ có 2/70 cơ sở có giấy phép khai thác còn hiệu lực. Các cơ sở còn lại tự thỏa thuận hợp đồng với các hộ dân có đất ruộng để khai thác lấy sét, mà không thông qua chính quyền địa phương.

Ngoài ra, việc khai thác cát trái phép trong thời gian gần đây đã gây thất thoát một lượng lớn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên, thất thu cho ngân sách nhà nước. Nhiều cơ sở khai thác cát trái phép trên địa bàn các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông.... vẫn lén lút hoạt động. Gần đây, việc khai thác cát của một số cơ sở trên sông Krông Ana và sông Krông Nô (Krông Ana, Đắk Lắk) không tuân thủ quy định về giấy phép khai thác và đề án BVMT đã được phê duyệt, dẫn đến việc sạt lở bờ sông, gây ảnh hưởng đến diện tích sản xuất đất nông nghiệp. Đặc biệt, tình trạng sạt lở sông đã xảy ra tại 9 xã trên địa bàn huyện Krông Bông (Đắk Lắk) vào tháng 3/2016. Trong đó, diện tích sạt lở tại xã Yang Rêh lên đến 48.994 m²; xã Cư Kty 18.408 m²; xã Hòa Tân 1.680 m²... Vừa qua, UBND huyện Krông Bông đã chỉ đạo các xã khẩn trương báo cáo diện tích sạt lở đất mới nhất để có biện pháp xử lý, hỗ trợ kịp thời cho người dân.

TĂNG CƯỜNG GIẢI PHÁP SỬ DỤNG HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN

Để tăng cường công tác quản lý và ngăn chặn tình trạng KTKS trái phép, UBND 5 tỉnh trên địa bàn Tây Nguyên cần nhanh chóng xây dựng chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển từng loại khoáng sản, đảm bảo tính đồng bộ từ khâu thăm dò, khai thác đến chế biến, phù hợp với nhu cầu nền kinh tế và chấm dứt xuất khẩu sản phẩm thô. Bên cạnh đó, Sở TN&MT các tỉnh trên địa bàn Tây Nguyên cần đầu tư thăm dò chi tiết, khoanh định diện tích phân bố, đánh giá trữ lượng, chất lượng các loại khoáng sản; Tiến hành lập phương án bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn trình UBND các tỉnh. Đồng thời, công khai hóa việc trích nguồn thu từ hoạt động KTKS và sử dụng nguồn thu này hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Qua đó, giúp cho công tác quản

lý của địa phương đạt hiệu quả, xử lý triệt để tình trạng khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép... Mặt khác, cần tăng cường nguồn lực và nhân lực cho công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý để kịp thời phát hiện, xử lý và ngăn chặn sai phạm, không để dẫn đến những vi phạm nghiêm trọng; nâng cao trách nhiệm giám sát của các cấp chính quyền địa phương, nhất là cấp xã;

Về quản lý cấp phép hoạt động khoáng sản, phải thực hiện định giá tài nguyên và tổ chức đấu thầu KTKS. Việc đấu giá thăm dò - KTKS cần phải chuẩn bị đủ điều kiện về định giá tài nguyên và cơ chế quản lý; hạn chế tối đa (hoặc bỏ hẳn) việc phân cấp và cấp giấy phép KTKS tràn lan ở cấp tỉnh như thời gian qua; bổ sung các điều kiện, cam kết về chế biến trước khi cấp giấy phép khai thác. Thực tế cho thấy, vốn đầu tư cho KTKS không lớn, nhưng việc chế biến đòi hỏi vốn lớn, công nghệ hiện đại. Vì vậy, dẫn đến việc khai thác tràn lan, không thực hiện được mục đích chế biến sâu. Ngoài ra, cần có lộ trình nâng cao năng lực quản lý khoáng sản cho địa phương, từng bước thực hiện phân quyền cấp phép và quản lý hoạt động khoáng sản cho địa phương (trừ các mỏ khoáng sản chiến lược và phân bố liên tỉnh) ở Tây Nguyên nói riêng và các tỉnh, TP trong cả nước nói chung. Riêng Chương trình bauxite Tây Nguyên cần phải đánh giá lại toàn bộ các khía cạnh kỹ thuật, hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội của việc khai thác trong thời gian qua. Qua đó, xây dựng định hướng và chính sách đối với bauxite ở Tây Nguyên để khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững■



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA:

Hoàn thành hệ thống quan trắc tự động nhằm kiểm soát nước thải



▲ Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thăm Nhà máy giấy An Hòa và kiểm tra hồ chứa nước thải sau xử lý

Nhà máy giấy An Hòa, thuộc Công ty Cổ phần Giấy An Hòa (Tập đoàn Geleximco), đóng tại xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang vừa hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống giám sát và quan trắc tự động đánh giá chất lượng nước thải khi xả ra môi trường. Đây là đơn vị đầu tiên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang lắp đặt hệ thống quan trắc tự động để kiểm soát nước thải trước khi xả ra môi trường.

Với hệ thống quan trắc này, cứ 5 phút sẽ tự động cho kết quả và được truyền trực tiếp về hệ thống theo dõi của Nhà máy và Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang. Trước đó, trong quý IV năm 2016, Nhà máy đã tiến hành cải tạo tất cả các công đoạn từ đầu vào, tới xử lý cấp 1, cấp 2 và cấp 3 của quy trình xử lý nước thải. Cụ thể: Cải tạo, bổ sung tháp làm mát nhằm ổn định nhiệt độ đầu vào; bổ sung hệ thống sục khí tại bể cân bằng để tăng hiệu quả xử lý vi sinh; cải tạo trong nhà máy giúp giảm thiểu lưu lượng và tải lượng chất thải ra; sử dụng các chất lắng cho xử lý màu và giảm COD sau vi sinh.

Trước khi cải tạo, các chỉ số COD (chỉ số đánh giá nước thải), màu và TSS (hàm lượng chất rắn trong nước thải) còn cao và chưa đạt chuẩn. Sau khi cải tạo, đến thời điểm này các chỉ số đã đạt tiêu chuẩn loại A quy chuẩn Việt Nam QCVN12-2015 của Bộ TN&MT về nước thải của ngành công nghiệp bột giấy và giấy.

Đánh giá hiệu quả về sự đầu tư này, ông Nguyễn Hoàng Hải - Phó Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang cho biết, hệ thống

quan trắc của Công ty được lập theo Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT, ngày 29/9/2015 của Bộ TN&MT. Theo đó, thiết bị đảm bảo kết quả theo quy định hiện hành của Tổng cục Môi trường, Bộ TN&MT. Trên cơ sở kết quả quan trắc online, cán bộ kỹ thuật của Công ty sẽ theo dõi, kiểm tra thường xuyên và sẽ điều chỉnh quy trình xử lý cho phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn xả thải theo quy định.

Nhà máy Bột giấy và giấy An Hòa, bao gồm hai dây chuyền: Sản xuất bột giấy sợi ngắn tẩy trắng và giấy tráng

phấn. Với công suất 130 nghìn tấn bột giấy/năm, công nghệ nấu liên tục, tẩy trắng không sử dụng Clo nguyên tố (ECF). Công nghệ sản xuất bột giấy An Hòa có hệ thống thu hồi có khả năng thu hồi đến 95% lượng hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất. Điều này góp phần làm giảm giá thành sản phẩm và giảm thiểu tối đa các chất thải ra môi trường. Đây là những ưu điểm lớn nhất của dây chuyền sản xuất bột giấy An Hòa. Bên cạnh đó, dây chuyền sản xuất giấy cao cấp An Hòa với công suất 140 nghìn tấn/năm. Hệ thống

Trong chuyến công tác ở Tuyên Quang cuối tháng 2/2017 vừa qua, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã đến thăm Nhà máy giấy của Công ty Cổ phần Giấy An Hòa. Tại đây, Thủ tướng yêu cầu lãnh đạo tỉnh Tuyên Quang phối hợp với chủ đầu tư, bàn phương án bảo đảm đủ nguyên liệu đầu vào cho Nhà máy; quan tâm đến hoạt động của Nhà máy, vừa bảo đảm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội, vừa BVMT tốt nhất. Đồng thời Thủ tướng yêu cầu lãnh đạo Nhà máy phải tuân thủ các quy định về môi trường, tuyệt đối không gây ô nhiễm nguồn nước sông Lô, vì đây là nguồn nước quan trọng đối với Tuyên Quang và với hạ nguồn.



thiết bị của dây chuyền được đầu tư đồng bộ và hiện đại vào bậc nhất Việt Nam.

Năm 2016 là năm thứ 5 kể từ ngày dây chuyền sản xuất bột giấy tẩy trắng An Hòa chính thức đi vào vận hành thương mại, với tổng sản lượng sản phẩm đạt 119.086 tấn, tương đương 91,6 % công suất thiết kế. Với mục tiêu xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu để cung cấp loại giống tốt cho các đơn vị sản xuất lâm nghiệp trong và ngoài tỉnh Tuyên Quang; kinh doanh rừng bền vững để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu chính cho Nhà máy Giấy An Hòa, Công ty CP Giấy An Hòa đang tiến hành đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh ươm giống cây, trồng rừng và khai thác lâm sản, xây dựng và phát triển trung tâm giống cây trồng lâm nghiệp với công nghệ tiên tiến.

Với phương châm “Phát triển kinh tế gắn với tiến bộ xã hội trên địa bàn”, trong những năm qua, Công ty CP Giấy An Hòa đã có nhiều đóng góp cho các hoạt động xã hội vì cộng đồng, từ năm 2012 đến nay, Công ty đầu tư nhiều tỷ đồng xây dựng nhà mẫu giáo, mầm non; Ủng hộ chương trình xây dựng nông thôn mới; Quỹ vì người nghèo, Quỹ bảo trợ trẻ em và Quỹ đền ơn đáp nghĩa... Đồng thời, Công ty còn tham gia chương trình “Thắp sáng ước mơ cho trẻ đến trường” trên địa bàn tỉnh; Kết hợp tặng 3.000 cuốn vở cho các học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn tỉnh Điện Biên... Ngoài ra, Công ty cũng quan tâm tới các Quỹ vì người nghèo, ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, Quỹ khuyến học của tỉnh... Một trong những hoạt động xã hội tiêu biểu nhất của Công ty trong giai đoạn hiện nay là đầu tư xây dựng cho xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương một trường mầm non với quy mô hơn 100 cháu.

Có thể nói, cùng với việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường, nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu đề ra, góp phần BVMT, Công ty CP Giấy An Hòa còn bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo đúng yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ căn dặn.

PHẠM THANH TUẤN



▲ Hệ thống quan trắc nước thải tự động

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU ĐẮC LẮK:

Sản xuất thân thiện với môi trường

Với phương châm cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao, sáng tạo và thân thiện với môi trường, những năm qua, Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc (DAKRUCO) đã mạnh dạn đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh gắn với BVMT.

DAKRUCO là một doanh nghiệp nhà nước, được thành lập vào năm 1993, hoạt động kinh doanh đa ngành nghề: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và xuất khẩu cao su thiên nhiên; kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng. Công ty hiện đang chăm sóc, quản lý trên 10.000 ha cao su trong nước và hàng chục nghìn ha cao su tại Campuchia, Lào, góp phần phát triển kinh tế tại các vùng dự án. Trải qua hơn 20 năm hoạt động, đến nay, DAKRUCO đã có 9 nông trường, 1 Xí nghiệp chế biến và dịch vụ cao su, tạo công ăn việc làm cho 3.099 người lao động. Năm 2016, DAKRUCO đạt sản lượng khai thác 9.354,2 tấn mủ cao su, tổng sản lượng chế biến là 9.568 tấn và xuất khẩu 10.807 tấn mủ quy khô, đạt doanh thu khoảng 311,7 tỷ đồng.

Với mong muốn trở thành một đơn vị sản xuất kinh doanh đa ngành nghề hàng đầu

ở khu vực Tây Nguyên, cũng như trong khu vực Đông Nam Á, những năm qua, DAKRUCO đã không ngừng tìm tòi, đầu tư công nghệ mới trong sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, thường xuyên nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, mở rộng thị trường xuất khẩu. Bên cạnh việc tập trung sản xuất và chế biến sản phẩm, DAKRUCO còn quan tâm, chăm lo đời sống cho người lao động, thực hiện an sinh xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng. Cùng với đó, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, DAKRUCO đã kết nghĩa với các buôn làng đồng bào dân tộc thiểu số, giúp đỡ bà con thoát khỏi đói nghèo, giữ vững an ninh trật tự địa phương; nâng cấp đường giao thông nông thôn, xây dựng nhà cộng đồng, trường học, hệ thống lưới điện phục vụ tiêu tiêu và thắp sáng sinh hoạt cho bà con. Đồng thời, thường xuyên tổ chức giao lưu, tập huấn, hướng dẫn bà con thực



hiện nếp sống văn minh, giữ gìn vệ sinh môi trường.

Theo ông Nguyễn Ngọc Sanh - Phó Tổng giám đốc DAKRUCO, có thể nói, ngoài tiềm năng công nghiệp, đóng góp lớn cho phát triển kinh tế của địa phương, cây cao su còn có tác dụng phủ xanh đất, đồi trọc, bảo vệ đất tránh rửa trôi, xói mòn... Tuy nhiên, việc chế biến mủ cao su có sử dụng axit sẽ thải ra môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước, nếu không đầu tư dây chuyền công nghệ cao sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống người dân xung quanh. Vì vậy, DAKRUCO luôn chú trọng đến công tác BVMT từ cấp quản lý đến các nhà máy, nông trường và xem đây là yếu tố quan trọng để phát triển bền vững.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, gắn với BVMT, DAKRUCO đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2010. Hàng năm, DAKRUCO luôn thay đổi quy trình sản xuất, áp dụng công nghệ sạch trong sản xuất, làm sạch nguyên liệu từ vườn cây trước khi đưa vào Nhà máy, giảm tối đa việc sử dụng hóa chất trong chế biến. Tại Xí nghiệp chế biến cao su, DAKRUCO đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải với công suất 2.000 m³/ngày, đêm, sử dụng công nghệ hóa - lý sinh kết hợp, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường. Trong các hồ sinh học của hệ thống xử lý nước thải có cỏ, bèo và thủy sinh vật, đây là chất chỉ thị tự nhiên giúp nhận biết chất lượng nước sau xử lý. Định kỳ hàng ngày, cán bộ môi trường của DAKRUCO sẽ kiểm tra thành phần COD, BOD₅, tổng N... tại các bể sục cơ học và hàng quý, thực hiện vệ sinh bể bằng cách bơm bùn từ đáy bể vào bể chứa bùn, thông lỗ giàn sục khí để xử lý các chất thải còn lại. Hiện nay, lượng nước thải sản xuất chỉ ở mức 900 m³/ngày, đêm nên việc kiểm soát hệ thống được đảm bảo. Nước thải sau xử lý được tái sử dụng và có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động.



▲ Công nhân DAKRUCO thu hoạch mủ cao su

Nhằm giảm thiểu mùi hôi từ mủ cao su trong khu vực sản xuất, DAKRUCO đã xây dựng nhà xưởng thông thoáng, trang bị hệ thống quạt gió, quạt cây, lắp đặt tháp khử mùi tại khu chế biến mủ cốm và mủ Slim Block. Ngoài ra, DAKRUCO sử dụng 3 lò sấy để sấy nguyên liệu mủ cao su, mỗi lò sấy đều trang bị hệ thống xử lý khí thải và mùi hôi, sau đó khí thải được phát tán qua ống khói cao 8 m. Đặc biệt, DAKRUCO tiến hành xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường theo nguyên lý lọc bằng than hoạt tính và polyme, kết hợp phun nước, nhằm giảm bụi. Riêng chất thải rắn và chất thải nguy hại, DAKRUCO thu gom, phân loại và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định. Trong khuôn viên của Xí nghiệp, DAKRUCO trồng nhiều cây xanh, vừa đảm bảo mỹ quan, vừa giảm thiểu ô nhiễm không khí. DAKRUCO thường xuyên tuyên truyền về BVMT, nâng cao ý thức, trách nhiệm giữ gìn môi trường Xanh - Sạch

- Đẹp cho người lao động và tính vào điểm thi đua, hoặc trừ lương nếu không chấp hành đúng quy định BVMT.

Nhờ những nỗ lực trong công tác BVMT, DAKRUCO đã nhận được các giải thưởng như Thương hiệu xanh; Công nghệ xanh vì sự nghiệp bảo vệ thiên nhiên và môi trường, khẳng định uy tín thương hiệu đối với khách hàng trong hơn 20 năm xây dựng và phát triển. Thời gian tới, bên cạnh việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về BVMT, Công ty Cao su Đắk Lắk sẽ tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, môi trường theo tiêu chuẩn mới ISO 14001:2015, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm theo hướng thân thiện với môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững. DAKRUCO sẽ tiếp tục nghiên cứu, đầu tư và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật của ngành cao su vào sản xuất, chế biến, thực hiện tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch, xứng đáng là "cánh chim đầu đàn" của ngành cao su Việt Nam■

THÚY NGÀ



T-Tech Việt Nam: Đem đến nhiều giải pháp xử lý rác thải tối ưu

Song song với sự phát triển kinh tế - xã hội là sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, nguyên vật liệu của con người, kéo theo lượng phát sinh rác thải ngày càng gia tăng, gây ô nhiễm môi trường. Trăn trở với bài toán xử lý rác thải, từ nhiều năm qua, TS. Nguyễn Đình Trọng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty CP Công nghệ T-Tech Việt Nam (T-Tech) đã không ngừng nghiên cứu, tìm hiểu để đưa ra các giải pháp tối ưu, phù hợp với điều kiện Việt Nam, vừa tiết kiệm chi phí, vừa góp phần BVMT.

Nhân dịp T-Tech được vinh danh tại Hội chợ - Triển lãm quốc tế về công nghệ môi trường và sản phẩm sinh thái 2017 vừa diễn ra ở TP. Hồ Chí Minh, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với TS. Nguyễn Đình Trọng về những giải pháp, công nghệ xử lý rác thải mà T-Tech đang triển khai.

★ Ông có thể giới thiệu đôi nét về T-Tech và các lĩnh vực chính mà T-Tech đang hoạt động hiện nay?

TS. Nguyễn Đình Trọng: T-Tech thành lập vào ngày 6/11/2002, hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất thiết bị khoa học, công nghệ, với các sản phẩm có tính công nghệ cao, chất lượng tốt như: Thiết bị thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra, kiểm định công trình xây dựng; Bộ lưu điện (UPS), inverter, các giải pháp nguồn điện chuyên dụng và dân dụng; Sản xuất, cung cấp thiết bị phát thanh truyền hình, hệ thống truyền thanh không dây và có dây, thiết bị điện, điện tử viễn thông...

Cách đây 5 năm, T-Tech bắt đầu nghiên cứu các công nghệ xử lý rác thải và đến nay, đang tập trung vào 3 sản phẩm chính: Lò đốt rác thải sinh hoạt, lò đốt rác thải y tế và lò đốt rác thải công nghiệp. Với 3 loại lò đốt trên, T-Tech đều có những giải pháp khác nhau để giải quyết triệt để “bài toán” rác thải đang nan giải hiện nay, đảm bảo môi trường sống an toàn cho người dân và xã hội. Các lò đốt rác của T-Tech được thiết kế khoa học, tích hợp nhiều công nghệ mới, phù



▲ TS. Nguyễn Đình Trọng - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghệ T-Tech Việt Nam

hợp với điều kiện thực tế tại nhiều địa phương, nhưng vẫn đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.

★ Lò đốt rác của T-Tech có gì khác biệt so với các loại lò đốt rác khác trên thị trường Việt Nam, thưa ông?

TS. Nguyễn Đình Trọng: Hiện nay, khó khăn lớn nhất trong việc xử lý rác thải tại Việt Nam là rác thải chưa được phân loại từ đầu nguồn và chi phí đốt rác quá lớn đối với các khu vực nông thôn của Việt Nam. Vì thế, với mong muốn mang đến những sản phẩm phù hợp với điều kiện trong nước, T-Tech đã nghiên cứu và lắp đặt thành công nhiều lò đốt rác thải, ứng dụng tại các địa phương. Tiêu biểu là lò đốt rác sinh hoạt bằng khí tự nhiên CNC, được thiết kế với 2 buồng đốt sơ cấp và 2 buồng đốt thứ cấp. Sản phẩm lò đốt rác của T-Tech có những đặc tính ưu việt: Khi áp dụng không cần diện tích lớn, không

phát sinh ô nhiễm thứ cấp; giá trị đầu tư chỉ bằng 1/4 - 1/2 so với công nghệ nhập khẩu; được nghiên cứu, sản xuất trong nước nên được đóng gói đồng bộ, hoàn chỉnh; dễ dàng vận hành, bảo dưỡng và nâng cấp. Bên cạnh đó, lò đốt rác áp dụng hệ thống bức xạ nhiệt tối ưu để tăng nhiệt độ của lò; hệ thống lưu chuyển dòng khí nóng đối lưu thông minh, giúp tận dụng được nhiệt lượng thừa, bổ sung cho khả năng đốt rác. Lò được xây bằng vật liệu chịu lửa đặc biệt nên chịu được nhiệt độ tới 1.750°C, giúp cho lò có độ bền cao và ổn định lâu dài. Đặc biệt, hệ thống lò CNC được thiết kế ưu việt so với các lò đốt rác hiện nay trên thị trường, bao gồm: Buồng sấy rác; buồng đốt rác; 2 buồng đốt khí và bụi; buồng lưu khí và tản nhiệt; buồng bẫy bụi; hệ thống ống khói bằng inox chịu được axit và môi trường độc hại, có chiều cao trên 20 m, tạo nên



một dây chuyền khép kín từ khâu sấy rác, đốt rác, đến lọc bụi... được tích hợp trong một hệ thống đồng bộ, dễ vận hành và đem lại hiệu quả cao; khí thải ra môi trường đạt quy chuẩn Việt Nam.

Với dây chuyền và giải pháp xử lý rác thải của T-Tech, rác thải được lọc với tỷ lệ chôn lấp dưới 10%. Các chất thải vô cơ như gạch, ngói, vật liệu xây dựng cùng tro xỉ sau khi đốt được phối trộn với xi măng, đá mặt để sản xuất gạch không nung. Rau củ quả và các loại rác hữu cơ sạch được phân loại để ủ làm phân hữu cơ cao cấp. Ni lông, nhựa được tái chế để tăng thêm thu nhập cho nhà máy và giảm thiểu dioxin/furan trong quá trình đốt rác. 5% rác hữu cơ sạch được ủ để lấy khí gas, tăng nhiệt trị cho lò đốt, đảm bảo chất lượng khí thải đầu ra khi đốt ở nhiệt độ cao. Giấy vụn, bao bì cáctông, củi, gỗ được lọc làm nguyên liệu đốt, hoặc nguyên liệu tái chế. Sau khi nghiên cứu, thử nghiệm thành công, T-Tech đã triển khai nhiều dự án tại các tỉnh: Bắc Giang, Hà Giang, Long An, Trà Vinh, Nam Định, Nghệ An...

★Một số doanh nghiệp cho rằng, lĩnh vực xử lý rác thải tiềm ẩn nhiều rủi ro, vốn đầu tư lớn, nhưng hiệu quả mang lại thì “bấp bênh”. Ông có suy nghĩ thế nào về quan điểm này?

TS. Nguyễn Đình Trọng: Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào, khi bắt tay vào lĩnh vực mới thì đều khó tránh được những rủi ro, thất bại nếu không tìm hiểu kỹ thị trường, không có kế hoạch và chiến lược hiệu quả. Đã có nhiều doanh nghiệp, nhà khoa học nghiên cứu các giải pháp xử lý rác thải nhưng khi đưa vào ứng dụng

trong thực tiễn lại không thành công do nhiều nguyên nhân: Năng lực nghiên cứu và kỹ năng triển khai sản phẩm trên thị trường, nguồn vốn... Trong khi đó, ngân sách nhà nước trong lĩnh vực môi trường còn thấp, nếu chỉ “trông chờ” vào ngân sách để xử lý rác và tính bài toán khấu hao, cũng như hiệu quả kinh tế thì chắc chắn thất bại. Bất cứ một doanh nghiệp nào đầu tư vào lĩnh vực đốt rác thải sinh hoạt có suất đầu tư hơn 1,2 triệu đồng/tấn, mà không có nguồn thu tái chế thì dự án sẽ lỗ vốn ngay từ “trên giấy”. Để đạt được thành công trên thị trường xử lý rác thải, đòi hỏi doanh nghiệp phải có quyết tâm, sự kiên trì, năng lực chuyên môn cao, khả năng kinh tế, cùng với sự am hiểu thực tiễn trong lĩnh vực này.

★Vậy theo ông, Nhà nước cần có những chính sách gì để hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và triển khai các giải pháp, công nghệ xử lý rác thải tại Việt Nam?

TS. Nguyễn Đình Trọng: Các cơ quan quản lý cần tham gia sâu vào thị trường công nghệ môi trường để nắm được những doanh nghiệp có

năng lực thật sự, từ đó có giải pháp hỗ trợ phát triển. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam có năng lực chuyên môn, nhưng không có nguồn lực tài chính, cũng không có cơ hội để trình diễn công nghệ nên ít được cơ quan quản lý quan tâm, tạo điều kiện phát triển. Vì thế, Nhà nước cần có cơ chế chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp có công nghệ tốt, khuyến khích doanh nghiệp sáng tạo những công nghệ xử lý hiệu quả, thân thiện với môi trường. Đồng thời, tạo sân chơi “công bằng” đối với tất cả các doanh nghiệp, tránh sự “nể nang”, ưu tiên trong lựa chọn, phê duyệt dự án... Tuy nhiên, quan trọng nhất vẫn là bản thân doanh nghiệp, để đạt được thành công trong lĩnh vực xử lý rác thải, bên cạnh việc có nguồn lực tài chính lớn, doanh nghiệp còn phải “làm chủ” được công nghệ, am hiểu kinh tế thị trường và có năng lực tổ chức lãnh đạo, đem tới những giải pháp thiết thực, hiệu quả cho cộng đồng.

★Xin cảm ơn ông!

PHƯƠNG LINH

(Thực hiện)



▲ Lò đốt rác thải của T-Tech lắp đặt tại thị trấn An Châu (Sơn Động, Bắc Giang)



Công ty TNHH Một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn: Hướng tới phát triển bền vững

Sau hơn 7 năm đi vào hoạt động, dưới sự quản lý, vận hành của Công ty TNHH Một thành viên lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR), Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất luôn giữ vững được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tính đến hết quý I/2017, tổng doanh thu của Công ty đã đạt trên 36 tỷ USD, lợi nhuận trên 13 nghìn tỷ đồng và nộp ngân sách nhà nước trên 7 tỷ USD. Hàng năm, BSR đóng góp trên 90% GDP cho tỉnh Quảng Ngãi, tạo việc làm cho hơn 1.500 người và hàng nghìn doanh nghiệp, đối tác cung cấp dịch vụ, vật tư, hóa phẩm xúc tác... cho Nhà máy. Ngoài ra, BSR cũng được biết đến là một trong những đơn vị có trách nhiệm với cộng đồng, từ năm 2010 đến nay, Công ty thực hiện rất tốt công tác an sinh xã hội, với số tiền lên tới 250 tỷ đồng.

Để có được những thành tích nổi bật đó, BSR đã đầu tư hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, nhập khẩu từ các nước G7. Hiện BSR đang nâng cấp, mở rộng NMLD Dung Quất và dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối năm 2021, tăng công suất Nhà máy lên thêm 30%, đạt mức 8,5 triệu tấn/năm và đáp ứng được 50 - 60% nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước.

Bên cạnh đó, BSR chiếm lĩnh được thị phần xăng dầu tương đối lớn ở trong nước (khoảng 30%) nhờ hoạt động kinh doanh theo cơ chế thị trường, cạnh tranh sòng phẳng. Đặc biệt, BSR được tự tính giá thành sản phẩm theo hướng thu hút các đầu mối tiêu thụ trong nước, trong khi giá thành xăng dầu Việt Nam thuộc hàng thấp ở khu vực, do đó BSR còn có khả năng mở rộng thị trường bằng việc xuất khẩu. BSR cũng đang thực hiện nghiên cứu, phát triển (R&D) các sản phẩm mới, chất lượng cao, thân thiện môi trường, nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm trên cơ sở phù hợp với nhu cầu sử dụng của nhiều tầng lớp khác nhau trong xã hội. Công ty cũng đã triển khai, áp dụng thành công và đã được Tổ chức chứng

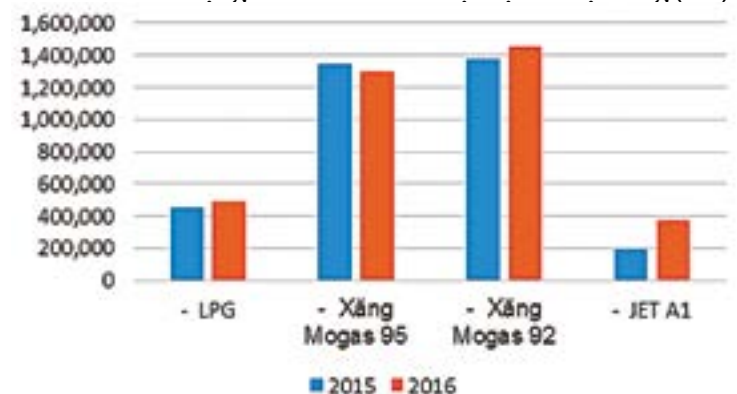
nhận của Viện tiêu chuẩn Anh (BSI) cấp Giấy chứng nhận cho 3 Hệ thống: Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015; Quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2015; Quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001: 2007. Hiện Công ty đang triển khai xây dựng hệ thống quản lý tiết kiệm năng lượng ISO 50001:2011.

Chất lượng các loại xăng dầu của BSR hiện nay đều tốt hơn so với tiêu chuẩn. Theo quy chuẩn Việt Nam, hàm lượng lưu huỳnh tối đa của xăng là 500 phần triệu nhưng xăng của BSR chỉ có từ 30 - 135 phần triệu. Tiêu chuẩn của Việt Nam cho phép có tối đa 2,5% hàm lượng benzen và aromat trong xăng, nhưng xăng của BSR chỉ có 1,15 - 1,46%. Xăng RON 92 và 95 của BSR cũng không cần pha thêm phụ gia hóa học khác nên ít gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời, dầu diesel ô tô của BSR cũng có lượng lưu huỳnh thấp, khí thải ít

độc hại... Hiện tại, Công ty đang nghiên cứu một số giải pháp để sản phẩm xăng RON 92, RON 95 đạt tiêu chuẩn EURO 3 và dự tính sau khi nâng cấp, mở rộng NMLD Dung Quất, các sản phẩm xăng dầu của BSR sẽ hoàn toàn đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng EURO 5.

Về việc thực hiện các biện pháp BVMT, NMLD Dung Quất của Công ty có 4 hạng mục chính xử lý và BVMT, gồm: Thiết bị tách bụi tĩnh điện - Phân xưởng Cracking xúc tác 1 tầng sôi (RFCC); Phân xưởng thu hồi lưu huỳnh (SRU1); Phân xưởng thu hồi lưu huỳnh bổ sung (SRU2) và hệ thống xử lý nước thải (XLNT). Các hạng mục này đều được áp dụng công nghệ hiện đại, vận hành an toàn theo đúng quy chuẩn Việt Nam và quốc tế. Trong đó, riêng hệ thống XLNT được đầu tư xây dựng kiên cố với số tiền 27,8 triệu USD, công suất 565 m³/h theo công nghệ tiên tiến, hiện đại của các nước G7, áp dụng

Biểu đồ 1: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ một số mặt hàng (tấn)



▲ Nguồn: Báo cáo kết quả sản xuất của BSR

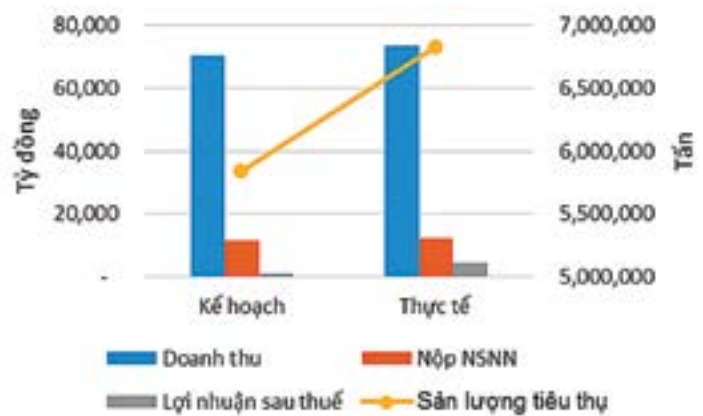


phương pháp xử lý nước thải cơ học (vật lý), hóa lý (tuyển nổi), sinh học, lắng và lọc cát. Tất cả thông số nước thải sau xử lý đều thấp hơn giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT. Hồ chứa nước thải đã qua xử lý luôn đáp ứng các chỉ tiêu khắt khe nhất về BVMT, nước hồ có thể sử dụng cho việc tưới tiêu, nuôi cá, trồng cây, tắm. Ngoài ra, để bảo đảm an toàn tuyệt đối, BSR còn trang bị hệ thống thiết bị bảo vệ điện tử, hiện đại với hàng trăm nhân viên an ninh tham gia bảo vệ Nhà máy; Phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường giám sát an ninh, an toàn, diễn tập ứng phó với các tình huống khẩn cấp như phòng cháy chữa cháy, tràn dầu... Đặc biệt, Công an tỉnh Quảng Ngãi cũng đã lập đội cảnh sát vũ trang bảo vệ gồm 27 cán bộ, chiến sỹ thực hiện nhiệm vụ thường trực 24/24 tại 8 vọng gác xung quanh Nhà máy.

Ngoài ra, NMLD Dung Quất còn áp dụng tối đa các đề tài, sáng kiến, vừa tiết kiệm chi phí, vừa giảm nguy cơ gây hại với môi trường. Đề tài “Giải pháp hạn chế tối đa lượng hơi thấp áp xả ra môi trường trong điều kiện hơi thấp áp sinh ra từ các tuốc bin cao hơn nhiều so với lượng hơi tiêu thụ trong Nhà máy” được áp dụng từ tháng 7/2014, góp phần hạn chế tối đa lượng hơi thấp áp thừa xả ra môi trường thông qua van 040-PV-018, mang lại lợi nhuận cho Nhà máy hơn 22 tỷ đồng/năm.

Với những kết quả đạt được, Công ty đã vinh dự được UBND tỉnh Quảng Ngãi tặng

Biểu đồ 2: Một số chỉ tiêu thực tế so với kế hoạch năm 2016



▲ Nguồn: Báo cáo kết quả và kế hoạch sản xuất kinh doanh của BSR

nhiều bằng khen về công tác BVMT. Năm 2015, Công ty đã đạt Danh hiệu “TOP 10 Thương hiệu Việt bền vững” lần thứ 2 và Chứng nhận “Trusted Green - Chỉ số Tín nhiệm Xanh 2016” do Trung tâm Đánh giá chỉ số Tín nhiệm châu Á - Thái Bình Dương khảo sát, Tổ chức InterConformity - Cộng hòa Liên bang Đức giám sát chất lượng, Viện Doanh nghiệp Việt Nam cấp và năm 2017, Công ty được vinh danh

“Doanh nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường vì mục tiêu tăng trưởng bền vững quốc gia”; Giải thưởng Môi trường Việt Nam của Bộ TN&MT.

Phát huy kết quả đã đạt được, năm 2017, BSR đặt kế hoạch thực hiện vượt các chỉ tiêu từ 15 - 20%. Trong quý I, sản lượng sản xuất và tiêu thụ của Công ty đạt 1,7 triệu tấn sản phẩm các loại, doanh thu trên 21 nghìn tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước trên 2,5 nghìn tỷ đồng.

Như vậy, với vai trò dẫn đầu trong ngành lọc hóa dầu ở Việt Nam, cùng hệ thống quản trị được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế, kế hoạch kinh doanh hợp lý, cộng với nguồn lực tài chính vững mạnh và áp dụng hiệu quả chiến lược tập trung chế biến sâu, đầu tư vào hóa dầu, tiềm năng tăng trưởng của BSR sẽ rất lớn. Đây chính là những cơ sở tiên quyết để BSR tự tin tiến hành cổ phần hóa trong thời gian tới, sớm trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực lọc hóa dầu ở khu vực châu Á.

LÊ NGỌC



▲ Robot tự động bốc xếp hạt nhựa Polypropylen - Công nghiệp 4.0 tại NMLD Dung Quất



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

PINACO

CHÀO MỪNG

NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

21/6/1925 - 21/6/2017



Địa chỉ: 321 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q.1, TP.HCM

Điện thoại : (84 28) 39 203 062 / 063

Fax : (84 28) 39 203 060 / 061

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG DẠT

Đ/C: 366 Bạch Đằng, P. Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, Bình Định



Chào Mừng

ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam 21/6

Thực phẩm chức năng



Natto DOCTORSON

Giúp phòng đột quỵ và hỗ trợ điều trị tai biến
mạch máu não, phòng đau thắt ngực, cao huyết áp



Sản xuất bởi
CÔNG TY CỔ PHẦN BIOVACCINE VIỆT NAM
Số 43, phố Trưng Kinh, phường Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (04) 37860948/ (04) 39970037 * Fax: (04) 37860945

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MIỀN TÂY

Địa chỉ: Bàn Chiềng Cồng, Xã Tân Tân, Mường Lát, Thanh Hóa



Chào Mừng
ngày Môi trường Quốc tế
và ngày Báo chí Cách mạng
Việt Nam 21/6

CHI NHÁNH CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG TẠI QUY NHƠN

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, Thành Phố Quy Nhơn, Bình Định

Với hơn 22 năm hình thành và phát triển, được thành lập từ năm 1994 với công suất ban đầu 5 triệu lít/năm, đến nay nhà máy bia Sài Gòn - Quy Nhơn đã không ngừng lớn mạnh và phát triển để đạt công suất trên 50 triệu lít sản phẩm/năm.

Cùng với sự phát triển sản xuất và kinh doanh, Ban lãnh đạo và tập thể nhà máy đã nhận thức được trách nhiệm của đơn vị đối với công tác bảo vệ môi trường. Mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh của đơn vị luôn được xem xét đến các khía cạnh gây ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên nói chung và môi trường sống của cộng đồng.

Năm 2009, Nhà máy là doanh nghiệp đầu tiên của tỉnh đã đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động hệ thống xử lý nước thải hiện đại có công suất thiết kế 1200m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Tài, do Công ty Đầu tư và Xây dựng Bình Định quản lý.

Năm 2010 ngừng sử dụng nhiên liệu khoáng sản dần DO để đổ lò hơi, chuyển sang sử dụng nhiên liệu hữu cơ mùn cưa, trấu, vỏ hạt điều, ... giảm khai thác tài nguyên, giảm phát thải ô nhiễm đồng thời giúp nhà máy giảm được khoảng 30% chi phí nhiên liệu.

Nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo vệ môi trường, năm 2014, nhà máy đã thiết lập và áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001:2004, và hiện đang được nâng cấp lên phiên bản mới ISO 14001:2015, dự kiến hoàn thành trong tháng 7/2017.

Năm 2015: đầu tư hệ thống thu hồi năng lượng tại nhà nấu; kết quả: thu hồi và tái sử dụng hơi nóng thải ra trong quá trình đun sôi dịch nhà, tiết kiệm khoảng 10% năng lượng sử dụng tại nhà nấu.

Năm 2016: hoàn thành dự án nâng cấp hệ thống lạnh bằng biện pháp phân tầng giúp làm giảm diện năng tiêu thụ cho hệ thống làm lạnh phục vụ sản xuất.

Ngoài ra, nhà máy còn kết hợp với Hội cựu chiến binh địa phương thu gom bã hữu cơ thải ra từ quá trình sản xuất bia (bã nấu bia, men thừa) làm thức ăn chăn nuôi cung cấp cho các hộ chăn nuôi trong vùng, vừa

làm thức ăn chăn nuôi cung cấp cho các hộ chăn nuôi trong vùng, vừa tạo ra nguồn thu cho Hội Cựu Chiến binh, vừa giúp giảm phát thải ra môi trường, giảm gánh nặng xử lý rác thải cho công ty môi trường thành phố, ...

Các hoạt động như trên không những đảm bảo các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nơi chung và cuộc sống người dân địa phương nơi riêng mà nhà máy cũng được hưởng lợi từ việc tiết kiệm chi phí xử lý chất thải, chi phí năng lượng, điện hơi, nước, ...

Năm 2015 tiết kiệm 5% điện, 3,85% hơi nóng, 1,54% nước.

Năm 2016 tiết kiệm 3,5% điện, 11,2% hơi nóng.

Từ khi thành lập đến nay, Nhà máy luôn tuân thủ tốt mọi quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực hoạt động, trong đó có hoạt động BVMT. Các văn bản, quy định của Pháp luật được cập nhật và đưa vào áp dụng thường xuyên; các công trình bảo vệ môi trường được đầu tư xây dựng theo đúng yêu cầu và được cấp Giấy xác nhận của cơ quan chức năng, được duy trì, nâng cấp thường xuyên; Hệ thống ISO 14001:2004 đạt Giấy Chứng nhận năm 2014, được duy trì, cải tiến liên tục, giúp cho công tác quản lý môi trường ngày càng tốt hơn. Trong suốt thời gian hoạt động, nhà máy luôn là DN tiêu biểu về BVMT của Khu kinh tế tỉnh Bình Định nói riêng và tỉnh Bình Định nói chung.

Một số thành tích tiêu biểu

- Năm 2014, được công nhận DN đạt tiêu chí Chương trình vì MT xanh quốc gia của Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam.

- Hai kỳ liên tiếp được nhận danh hiệu Doanh nghiệp xanh 2013-2014 và 2015-2016 do UBND tỉnh Bình Định trao tặng.

Với sự nỗ lực không ngừng của doanh nghiệp trong hoạt động cùng cộng đồng chung tay bảo vệ môi trường trong suốt thời gian qua, ngày 04/06/2017 sắp tới, nhà máy bia Sài Gòn - Quy Nhơn tiếp tục vinh dự được Bộ Tài Nguyên và Môi trường trao tặng Giải thưởng Môi trường Việt Nam nhân sự kiện kỷ niệm ngày môi trường thế giới tổ chức tại thành phố Vũng Tàu.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG - TKV

- Tên giao dịch Quốc tế: Vinacomin- Environment Company Limited.
- Tên viết tắt: CÔNG TY MÔI TRƯỜNG - TKV
- Giám đốc Công ty: Đỗ Xuân Tinh
- Trụ sở Công ty: Km 4 - đường Trần Phú - phường Cẩm Thủy - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: 033.3862.145 • Fax: 033.3862.041 • Email: ctymoitruong.tkv@gmail.com



MỤC TIÊU NĂM 2017:
AN TOÀN - ĐỔI MỚI
CHẤT LƯỢNG - PHÁT TRIỂN

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Làm chủ đầu tư, xây dựng, vận hành, kinh doanh các công trình môi trường mỏ và xây lắp công trình...San gạt, cải tạo, phục hồi môi trường, trồng cây phủ xanh các bãi thải khai thác than. Xây dựng, quản lý, vận hành các trạm xử lý nước thải mỏ. Xây dựng và quản lý vận hành các tuyến đường vận tải liên mỏ...



Lễ gắn biển công trình Hệ thống băng tải Lốp Mỳ - Găng km 6 chào mừng 80 năm ngày truyền thống công nhân Vùng mỏ - Truyền thống ngành Than



Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp nguy hại



Trạm xử lý nước thải mỏ Vàng Danh - Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV

UBND XÃ HỮU BÀNG, HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Địa chỉ: Xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội
Chủ tịch UBND Xã: Phan Lạc Trường - ĐT: 0433.927.532

Chào Mừng 92 năm

Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam

21/6/1925 - 21/6/2017



PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG TIỀN HẢI

Địa chỉ: Thị trấn Tiên Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
Trưởng phòng: Trần Lâm Thao - Điện thoại: 0912613928

*Kỷ niệm 92 năm Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam
(21/6/1925 - 21/6/2017)*



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÙNG PHÁT

Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
Giám đốc: Ông Đàm Đình Bách - Điện thoại: 022.26548666



Chào mừng

Kỷ niệm 92 năm

Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam

(21/6/1925 - 21/6/2017)

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG BỈM SƠN

Số 169 đường Trần Phú, phường Ba Đình, Thị xã Bỉm Sơn,
tỉnh Thanh Hoá

Chào mừng

Kỷ niệm 92 năm

Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam

(21/6/1925 - 21/6/2017)





Mô hình "sống xanh" cùng xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường

NGUYỄN THỊ THU HÀ

Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ TP. Đà Nẵng

Đà Nẵng đang được xem như một “điểm đến” an toàn, lành mạnh và “xanh” bởi những thành quả sau hơn 20 năm xây dựng và phát triển, nhất là trong lĩnh vực BVMT. Tuy nhiên, Đà Nẵng cũng là một trong những địa phương luôn hứng chịu thiên tai do biến đổi khí hậu (BĐKH). Vì vậy, việc vận động hội viên phụ nữ (HVPN) chung tay BVMT, góp phần thực hiện Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - TP môi trường” đến năm 2020 được Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) TP. Đà Nẵng coi là một nhiệm vụ quan trọng. Trong đó, các mô hình hướng đến “sống xanh” và chương trình hỗ trợ nhà ở chống bão là những hoạt động hiệu quả, tích cực trong thời gian qua.

“Sống xanh” được bắt đầu từ những ý tưởng nhằm ứng phó với BĐKH và giải pháp cho an toàn thực phẩm. Đây là biện pháp thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong BVMT ngay tại gia đình và địa bàn dân cư. Mục đích nhằm hướng tới sự phát triển bền vững bằng cách thay đổi hành vi của mỗi cá nhân trong cuộc sống hàng ngày. Nội dung mô hình “sống xanh” thực sự gần gũi, thân thiện môi trường, dễ làm, dễ nhớ đối với tất cả phụ nữ như: Tiết kiệm điện, nước, ga, xăng dầu; giảm thải rác thải, hạn chế sử dụng túi ni lông; trồng rau xanh an toàn tại nhà; trồng và chăm sóc cây xanh trong nhà, ngõ, phố; làm phân bón bằng rác thải hữu cơ tại gia đình...

Từ thành công của mô hình “sống xanh” được thí điểm tại quận Liên Chiểu, Hội LHPN đã phát động đến 100% cơ sở Hội trên địa bàn TP; khuyến khích sự sáng tạo của các địa phương. Vì vậy, bên cạnh những kế hoạch hướng dẫn ban đầu, một số cơ sở đã triển khai các hình thức như tận dụng vải bạt cũ may túi đi chợ, thay thế túi ni lông; tận dụng vải vụn để may thảm chùi chân; xây dựng mô hình “Mỗi hố rác 1 cây xanh” trên địa bàn nông thôn...

Cùng với mô hình “sống xanh”, Hội đã phát động mô hình “mái nhà xanh” gồm các tiêu chí “5 không, 3 sạch” theo hướng dẫn của Trung ương Hội LHPN Việt Nam và bổ sung tiêu chí “2 T” (tận dụng, tiết kiệm trong chi tiêu



▲ LHPN TP. Đà Nẵng tham gia Lễ phát động phong trào “Sống xanh - Hành động xanh”

hàng ngày đúng cách), góp phần BVMT, tạo được nguồn tài chính cho gia đình. Đồng thời, Hội phát động phong trào “Trồng hoa và cây xanh vì TP. Đà Nẵng bền vững về môi trường” tại các tuyến đường trên địa bàn dân cư, bốn hoa, khu vực công cộng; tiếp tục duy trì phong trào “Phụ nữ với ngày Chủ nhật sạch”. Bên cạnh đó, Hội cũng đã gây quỹ, tham gia đóng góp trên 2 tỷ đồng hỗ trợ phương tiện sinh kế cho phụ nữ nghèo, học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; tặng giỏ nhựa và hộp nhựa cho HVPN thay thế túi ni lông khi đi chợ...

Đặc biệt, Hội đã tìm kiếm sự hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ để triển khai nhiều chương trình, dự án. Trong đó, Dự án “Nhà ở chống bão vì một TP có khả năng chống chịu” là một trong những dự án được các cấp Hội triển khai đạt hiệu quả. Sau 3 năm triển khai, đã có 436 ngôi nhà được xây dựng mới và sửa chữa, giúp các HVPN yên tâm hơn mỗi khi đến mùa mưa bão. Trong giai đoạn 2017-2018, Hội LHPN TP. Đà Nẵng tiếp

tục được Quỹ phát triển Bắc Âu hỗ trợ để xây dựng 166 nhà ở chống bão. Thực tế cho thấy, Dự án đã có sức lan tỏa trong người dân về nhận thức xây dựng nhà ở đảm bảo tiêu chí chống bão, lũ.

Với những nỗ lực trên, Dự án “Nhà ở chống bão vì một TP có khả năng chống chịu” của LHPN TP. Đà Nẵng được nhận Giải thưởng toàn cầu về giải pháp thích ứng với BĐKH tại Hội nghị Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH (COP 20), tổ chức tại Lima (Peru). Đây là 1 trong 12 sáng kiến đạt Giải thưởng được Ban thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH trao tại Hội nghị này (có 196 quốc gia tham gia sáng kiến này).

Như vậy, truyền thông tích cực, kiên trì; giám sát chặt chẽ, thường xuyên; hướng dẫn cụ thể, sâu sát đối tượng... là những cách làm để các phong trào BVMT đến với HVPN và đang được LHPN TP. Đà Nẵng phát huy, nhân rộng. Qua đó, góp phần BVMT và phát triển kinh tế địa phương, giải quyết công ăn việc làm cho một số HVPN■



Các cam kết phát triển bền vững trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU

TS. NGUYỄN HẢI YẾN, ThS. NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG

Viện Khoa học Môi trường, Tổng cục Môi trường

ThS. HOÀNG XUÂN HUY

Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) được ký kết ngày 2/12/2016 là một hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới giữa Việt Nam và 28 nước thành viên Liên minh châu Âu (EU) có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao đối với nhiều lĩnh vực. Khác với các FTA thế hệ cũ, Hiệp định EVFTA không chỉ giới hạn ở thương mại và dịch vụ mà còn có một chương về thương mại và phát triển bền vững.

Hiệp định EVFTA gồm 20 chương, với các nội dung chính gồm: Thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại; các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS); hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT); đầu tư, phòng vệ thương mại; cạnh tranh, sở hữu trí tuệ (gồm cả chỉ dẫn địa lý); phát triển bền vững; các vấn đề pháp lý, hợp tác và xây dựng năng lực. Trong đó, Chương 15 - Thương mại và phát triển bền vững của Hiệp định EVFTA cam kết nhiều lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững có mục tiêu thúc đẩy sự tương hỗ lẫn nhau giữa các chính sách về thương mại và môi trường, tăng cường BVMT ở mức độ cao, thông qua thực thi hiệu quả luật pháp trong nước về BVMT. Đồng thời, cam kết về phát triển bền vững còn hướng tới mục tiêu tăng cường năng lực của các bên để giải quyết vấn đề về môi trường liên quan đến thương mại.

Chương Thương mại và phát triển bền vững bao gồm 17 Điều, chia thành 5 nhóm nội dung chính: Chính sách và các quy định pháp luật môi trường trong nước; Cam kết quốc tế về môi trường; Công khai, minh bạch; Nghĩa vụ đối với một số lĩnh vực cụ thể về môi trường; Cơ chế tham vấn, giải quyết tranh chấp. Trong đó, nhóm chính sách và các quy định pháp luật môi trường trong nước bao gồm các nghĩa vụ: Đảm bảo đầy đủ luật pháp và chính sách môi trường, khuyến khích việc BVMT ở mức cao và tiếp tục nâng cao các mức độ BVMT; thực thi hiệu quả và nghiêm túc pháp luật về môi trường của mình mà không gây ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa các bên; không được làm giảm giảm hiệu lực pháp lý của các đạo luật và quy định môi trường của mình nhằm



▲ Chương 15 của Hiệp định EVFTA yêu cầu các bên chia sẻ thông tin về quản lý việc khai thác và sử dụng bền vững sản phẩm gỗ tròn

khuyến khích thương mại hay đầu tư giữa các bên. Cụ thể, các nước thành viên cần đảm bảo thiết lập và duy trì hệ thống pháp luật, các quy định liên quan về BVMT đầy đủ theo tiêu chuẩn cao và không làm giảm/suy yếu hiệu lực của pháp luật nhằm khuyến khích thương mại, đầu tư.

Các nghĩa vụ thực thi hiệu quả các cam kết liên quan đến môi trường trong Hiệp định đa phương liên quan đến môi trường (MEAs) mà các quốc gia là thành viên được quy định trong nhóm cam kết quốc tế về môi trường. Đồng thời, nội dung này bao gồm cả trao đổi, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm liên quan đến

việc thực thi và những sửa đổi về các chính sách trong nước liên quan đến các MEAs.

Mặt khác, nội dung công khai, minh bạch nằm phân tán trong các Điều khoản của Chương, với các nội dung gồm: Đảm bảo công khai, minh bạch quá trình xây dựng và thực thi pháp luật, các biện pháp liên quan đến BVMT có thể ảnh hưởng tới thương mại đầu tư; Việc xây dựng pháp luật, các biện pháp BVMT cần phải được thông báo trước và cho phép các bên liên quan được tham gia đóng góp ý kiến; Đối thoại, trao đổi và chia sẻ thông tin liên quan đến quá trình xây dựng, thực thi các chiến lược, chính sách,



quy định pháp luật về MEAs, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học (ĐDSH), lâm nghiệp (gỗ, các sản phẩm từ gỗ), thủy sản và tài nguyên biển; Đảm bảo sử dụng một cách thích hợp các thông tin và bằng chứng khoa học, các hướng dẫn, tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình xây dựng và thực thi các biện pháp BVMT.

Bên cạnh đó, Chương 15 quy định nghĩa vụ đối với một số lĩnh vực cụ thể về môi trường. Trong đó, các nghĩa vụ liên quan đến biến đổi khí hậu không mang tính ràng buộc cao mà tái khẳng định các cam kết nhằm thực thi Công ước khí hậu UNFCCC và Nghị định thư Kyoto. Đồng thời, đối thoại và chia sẻ thông tin, kinh nghiệm liên quan đến các chính sách và biện pháp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, cụ thể là thông tin, kinh nghiệm về định giá phát thải, thương mại phát thải (ETS), giảm phát thải từ việc chống mất rừng và suy thoái rừng (REDD+), sử dụng năng lượng hiệu quả và năng lượng tái tạo.

Nhằm đảm bảo thực thi hiệu quả Công ước ĐDSH (CBD), Chương 15 đề cập đến các nghĩa vụ liên quan đến ĐDSH. Cụ thể là nghĩa vụ liên quan đến tiếp cận nguồn gen, đảm bảo sử dụng bền vững nguồn gen và tăng cường việc chia sẻ công bằng lợi ích có được từ việc tiếp cận, sử dụng nguồn gen, chia sẻ thông tin liên quan đến các chiến lược, chính sách, kế hoạch và chương trình hành động về các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và nguồn gen nói riêng, hợp tác thực thi hiệu quả các nghĩa vụ, cam kết trong Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES). Đồng thời, nhóm quy định các nghĩa vụ liên quan đến thương mại và lâm nghiệp hướng tới đảm bảo việc khai thác, thương mại bền vững rừng, các sản phẩm từ rừng, trong đó bao gồm cả việc tuân thủ Hiệp định đối tác thực thi Luật tuân thủ quản trị và thương mại về lâm nghiệp (FLEGT); chia sẻ thông tin về quản lý việc khai thác và sử dụng bền vững sản phẩm gỗ tròn; bảo tồn và chống khai thác lâm nghiệp bất hợp pháp; hợp tác khu vực và toàn cầu về bảo tồn, quản lý lâm nghiệp bền vững.

Cùng với đó, Chương 15 cũng quy định các nghĩa vụ liên quan đến tài nguyên biển, thủy sản nhằm đảm bảo việc bảo tồn và quản lý bền vững các nguồn tài nguyên, hệ sinh thái biển; thúc đẩy việc nuôi trồng thủy sản bền vững; tuân thủ các nghĩa vụ trong các khuôn khổ quốc tế về biển và đại dương như Công ước Luật biển (UNCLOS), Công ước về bảo tồn



▲ Hội thảo Đánh giá tác động của các cam kết lao động trong Chương phát triển bền vững của EVFTA

và quản lý các đàn cá di cư, Công ước của Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) liên quan đến tàu đánh bắt và các biện pháp cảng biển nhằm ngăn ngừa đánh bắt bất hợp pháp (IUU), Bộ Quy tắc về trách nhiệm khi đánh bắt hải sản của FAO; tham gia hợp tác với các tổ chức nghề cá của khu vực trong các hoạt động liên quan đến bảo tồn, quản lý và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên biển nói chung, nguồn lợi thủy, hải sản nói riêng; chia sẻ thông tin, kinh nghiệm về các biện pháp quản lý bền vững nguồn tài nguyên biển và nguồn lợi hải sản.

Ngoài ra, Chương phát triển bền vững cũng đặt ra các nghĩa vụ cụ thể liên quan đến nội dung hàng hóa và dịch vụ môi trường (EGS), các cơ chế, sáng kiến tự nguyện về BVMT, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR). Tuy nhiên, các nghĩa vụ liên quan đến những nội dung này không có tính ràng buộc cao, chủ yếu là nâng cao nhận thức, khuyến khích và khuyến nghị các bên áp dụng.

Đối với các vấn đề tranh chấp thương mại liên quan

đến môi trường phát sinh trong quá trình thực hiện, Chương Phát triển bền vững của Hiệp định EVFTA chỉ thiết lập cơ chế tham vấn ở cấp chính phủ và giải quyết tranh chấp thông qua Ban chuyên gia gồm 3 thành viên. Quy trình giải quyết tranh chấp thông qua các bước sau: Tham vấn cấp chính phủ giữa hai hay nhiều thành viên nếu có tranh chấp phát sinh. Bên yêu cầu tham vấn có thể đề nghị Tiểu ban Thương mại và Phát triển bền vững họp để tìm giải pháp; Thành lập Ban chuyên gia để giải quyết vấn đề phát sinh (nếu việc tham vấn chính phủ không thành công); Ban chuyên gia xác định các vấn đề và đưa ra các quyết định về biện pháp giải quyết tranh chấp.

Có thể thấy, các nhóm cam kết và nghĩa vụ về môi trường của Hiệp định EVFTA đều nhằm mục đích đảm bảo việc tự do hóa thương mại, sẽ không làm ảnh hưởng đến BVMT và tăng cường các biện pháp thương mại, ủng hộ việc sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên và chất lượng môi trường■



CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CÁC DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG
TẠI VIỆT NAM 2017, LẦN THỨ II:

Cơ hội để doanh nghiệp thu hút đầu tư và hợp tác kinh doanh

Tiếp nối thành công “Chương trình đánh giá, xếp hạng các doanh nghiệp (DN) bền vững tại Việt Nam 2016” lần thứ I, Lễ công bố các DN phát triển bền vững (PTBV) 2017, lần thứ II sẽ được tổ chức vào tháng 12 năm nay. Đây là Chương trình được tổ chức thường niên, nhằm vinh danh các DN đã đạt được những thành tựu nhất định trong lĩnh vực PTBV. Nhân dịp này, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với ông Nguyễn Quang Vinh, Ủy viên Ban thường trực, Phó Tổng thư ký Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội đồng DN vì sự PTBV Việt Nam (VBCSD) về những điểm mới của Chương trình năm nay.

***Sau một năm triển khai “Chương trình đánh giá, xếp hạng các DN bền vững tại Việt Nam 2016” lần thứ I, VCCI đã có những đánh giá như thế nào về kết quả hoạt động kinh doanh và những đóng góp của DN vì sự PTBV?**

Ông Nguyễn Quang Vinh: Hiện nay, các DN rất quan tâm đến vấn đề PTBV, đưa PTBV lên tầm chiến lược kinh doanh và trọng tâm quản trị DN. Nhiều DN có tầm nhìn xa, biết nắm bắt xu thế phát triển và có những đóng góp không nhỏ trong việc hiện thực hóa các mục tiêu PTBV, tiêu biểu như Tập đoàn Bảo Việt, Vingroup, Heineken Việt Nam, Unilever Việt Nam...

Là một trong những DN có nhiều hoạt động tích cực vì sự PTBV, Bảo Việt vừa qua đã tiên phong áp dụng tiêu chuẩn Báo cáo PTBV theo Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI). Bảo Việt đã soạn thảo phiên bản tiếng Việt của GRI để góp phần đem tới một phiên bản gần gũi, thiết thực với DN Việt Nam. Không chỉ có những đóng góp thiết thực như vậy, những con số như tăng trưởng doanh thu kỷ lục 27,5% trong



▲ Ông Nguyễn Quang Vinh, Ủy viên Ban thường trực, Phó Tổng thư ký VCCI, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký VBCSD

quý 1/2017, lọt Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam, dẫn đầu ngành bảo hiểm 5 năm liên tiếp là những minh chứng sống động cho kết quả hoạt động kinh doanh của một DN theo đuổi con đường PTBV.

***Những điểm mới của Chương trình năm 2017, lần thứ II là gì, thưa ông?**

Ông Nguyễn Quang Vinh: Có thể nói, Chương trình lần thứ I năm 2016 đã rất thành công, với sự quan tâm, ủng hộ lớn lao từ Chính phủ, Hội đồng quốc gia về PTBV và Nâng cao năng lực cạnh tranh, các Bộ, ngành, đối tác trong và ngoài nước, cũng như sự tham gia tích cực của cộng đồng DN Việt Nam. Khoảng 400 DN trong cả lĩnh vực thương mại và sản xuất đã tham gia Chương trình và kết quả có 100 DN xuất sắc được vinh danh DN bền vững Việt Nam.

Đây chính là nền móng để đưa hoạt động này trở thành thường niên, uy tín dành cho cộng đồng DN. Một số điểm mới trong Chương trình năm 2017 là Bộ chỉ số về PTBV (CSI) năm 2017 đã được Ban Soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa theo hướng dễ hiểu hơn, nhằm thu hút nhiều hơn DN vừa và nhỏ tham gia, bởi 98% DN hoạt động tại Việt Nam thuộc nhóm này. Bên cạnh yếu tố dễ hiểu, thân thuộc với người dùng, các tiêu chí trong Bộ CSI cũng được điều chỉnh để DN có thể tự đánh giá, đồng thời, giúp các chuyên gia đánh giá chính xác mức độ PTBV của các DN gồm: Việc cập nhật các thông lệ, quy định ở trong nước và quốc tế, bổ sung các tiêu chí mới như nền kinh tế tuần hoàn, trao quyền, tôn trọng quyền trẻ em trong hoạt động kinh doanh.



Nếu năm 2016, các DN chỉ có thể nộp hồ sơ bản cứng thì năm 2017, Ban Tổ chức đã xây dựng thêm phần mềm nộp hồ sơ trực tuyến để giúp giảm bớt thời gian và chi phí chuẩn bị hồ sơ của DN. Đồng thời, bộ hồ sơ trực tuyến cũng giống như một công cụ mà DN có thể lưu trữ để theo dõi sự thay đổi, các tiến bộ trong hoạt động của mình qua từng năm.

★Thưa ông, hình thức, cũng như cách thức để DN tham gia Chương trình và hỗ trợ DN sau Chương trình là gì?

Ông Nguyễn Quang Vinh: Tất cả các DN, cơ sở kinh doanh trên cả nước hoạt động hợp pháp, có hiệu quả kinh tế và tự nguyện đăng ký đều có thể tham gia Chương trình. Tiếp theo Lễ phát động Chương trình được tổ chức vào tháng 4, vào đầu tháng 7, VBCSD sẽ phối hợp với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam triển khai các khóa tập huấn ngắn hạn để DN có thể hiểu rõ hơn vai trò của quản trị Công ty trong việc thực hiện PTBV, cũng như Bộ chỉ số CSI, qua đó giúp DN đưa ra những đánh giá chính xác hơn về các hoạt động liên quan đến PTBV của DN mình.

Theo đó, bộ hồ sơ tham dự Chương trình đầy đủ gồm: Đơn đăng ký tham gia, Bộ chỉ số CSI đánh giá bởi DN, các tài liệu, thông tin, hình ảnh liên quan để bổ sung thông tin cần thiết. Như đã nói ở trên, DN có thể lựa chọn nộp hồ sơ bản cứng hoặc nộp trực tuyến, gửi về cho Ban Tổ chức trước ngày 30/9/2017. Sau Chương trình, các DN có thể kết nối với nhau, qua đó tìm kiếm các cơ hội hợp tác, kinh doanh mới. Đồng thời, DN có thể nhận được sự hỗ trợ từ các chuyên gia tư vấn của Chương trình về PTBV.

★Có ý kiến cho rằng, trong Chương trình lần thứ I, số DN thuộc khối Nhà nước tham gia rất ít, vậy làm sao để khuyến khích tất cả các loại hình DN tham gia Chương trình?

Ông Nguyễn Quang Vinh: Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu hiện nay, PTBV không còn là một thuật ngữ, mà trở thành một xu thế tất yếu, yêu cầu cấp bách đối với toàn bộ nền kinh tế. Đặc biệt, khi Việt Nam ngày càng hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, tham gia nhiều hơn vào các hiệp định thương mại toàn cầu và khu vực, việc nâng cao năng lực quản trị DN, năng lực cạnh tranh để nắm bắt những cơ hội kinh doanh mới và bắt kịp xu hướng tất yếu của PTBV là yếu tố sống còn.

Để PTBV, DN không bắt buộc phải tham gia Chương trình này. Tuy nhiên, việc tham gia Chương trình mang lại nhiều lợi ích to lớn cho DN. Hiện nay, số DN nhận thức về PTBV vẫn còn hạn chế, thường chỉ là những DN, tập đoàn lớn và tập đoàn đa quốc gia. Với những DN vừa và nhỏ khi tham gia Chương trình, thông qua việc tự đánh giá dựa trên các tiêu chí trong

Bộ chỉ số CSI, giúp họ đánh giá được tình hình thực tại của DN, phát hiện những rủi ro tiềm tàng, hay nắm bắt kịp thời những cơ hội phát triển mới. Nếu được vinh danh trong Chương trình, đó sẽ là một sự ghi nhận to lớn của Chính phủ, gia tăng uy tín của DN trong con mắt của các nhà đầu tư và các bên liên quan, đồng thời giúp DN thu hút đầu tư tốt hơn và có được nhiều cơ hội hợp tác kinh doanh hơn.

★Bộ Chỉ số CSI do VCCI xây dựng có gì khác so với các Bộ chỉ số của các nước trên thế giới? Ông có thể chia sẻ một số kinh nghiệm của thế giới khi xây dựng Bộ chỉ số CSI?

Ông Nguyễn Quang Vinh: CSI là Bộ chỉ số đầu tiên được xây dựng và thiết kế dành riêng cho DN Việt Nam. Điều này có nghĩa là những tiêu chí trong Bộ chỉ số không chỉ được xây dựng dựa trên việc tham khảo các thông lệ quốc tế mà còn được Ban Soạn thảo, gồm các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực ở trong nước, quốc tế nghiên cứu, điều chỉnh để phù hợp với thực trạng kinh tế - xã hội và đặc thù DN Việt Nam.

Hiện nay, trên thế giới, có 2 bộ tiêu chuẩn uy tín được nhiều tổ chức, DN sử dụng, đó là tiêu chuẩn GRI (Global Reporting Initiative) trong lập Báo cáo PTBV và chuẩn mực quốc tế IIRC (International Integrated Reporting Council) trong Báo cáo tích hợp.

★Để thúc đẩy, khuyến khích DN vì sự PTBV, Việt Nam cần có các chính sách hỗ trợ gì, thưa ông?

Ông Nguyễn Quang Vinh: Một cộng đồng DN PTBV là câu chuyện cần được quan tâm cả từ hai phía Chính



▲ Lễ Công bố Bảng xếp hạng 100 DN PTBV Việt Nam 2016



phủ và DN. Một mặt, các cơ quan Chính phủ và VCCI đang rất nỗ lực triển khai Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ, nhằm tạo ra một hệ sinh thái môi trường kinh doanh công bằng, thuận lợi hơn cho DN. Bên cạnh đó, những hoạt động truyền thông, đào tạo, nâng cao nhận thức của DN cũng thường xuyên được VCCI, VBCSD triển khai, nhằm mang đến những thông tin hữu ích về PTBV, các thông lệ PTBV tốt của thế giới, cũng như những mô hình kinh doanh mới như nền kinh tế tuần hoàn, kinh doanh cùng người thu nhập thấp.

Mặt khác, bản thân nội tại của DN cũng cần tìm hiểu, có ý thức tự nâng cao năng lực quản trị, thay đổi tư duy kinh doanh chỉ chú trọng vào lợi ích kinh tế, xem nhẹ khía cạnh môi trường, xã hội, con người. DN cần hiểu rằng, PTBV không phải là một khái niệm xa vời, đó chính là “chiếc kén” tạo ra uy tín, cơ hội và lợi nhuận lâu dài của DN. Theo nghiên cứu của Ủy ban Kinh doanh và PTBV (Business & Sustainable Development Commission), nếu đặt PTBV nằm trong chiến lược cốt lõi của DN, việc hoàn thành 17 Mục tiêu PTBV (SDGs) có thể mở ra cơ hội thị trường trị giá ít nhất 12 nghìn tỷ USD chỉ trong 4 lĩnh vực được khảo sát, gồm: Lương thực và nông nghiệp; đô thị; năng lượng và vật liệu; y tế và sức khỏe. Nếu xét trên tất cả các lĩnh vực, tiềm năng kinh tế mà PTBV mang lại sẽ lớn hơn rất nhiều con số 12 nghìn tỷ USD trên.

Khi DN có thể lựa chọn con đường PTBV, đặt lợi ích lâu dài về kinh tế, môi trường, xã hội lên trên những cái được trước mắt mà gây tổn hại trong tương lai, đó là lúc DN tự xây cho mình những bước đi vững chắc cho sự phát triển của mình, cũng như đủ năng lực để vươn tầm ra khu vực và thế giới.

★*Xin cảm ơn ông.*

PHẠM ĐÌNH (Thực hiện)

“Zero to all” - Văn phòng xanh có thể tự tạo ra năng lượng

Nhằm thiết kế những công trình bền vững, nhóm sinh viên (Vũ Nguyễn Ngọc Trâm, Nguyễn Phú Lâm Ngân, Nguyễn Ngọc Anh Hùng và Hoàng Ngọc Triều) đến từ trường Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh đã có ý tưởng thiết kế mô hình văn phòng xanh, với sự hướng dẫn của TS.KTS Lê Thị Hồng Na.

Để đưa ý tưởng vào thực tế, nhóm sinh viên đã tìm hiểu kỹ thông tin về nhu cầu sử dụng nhà ở, văn phòng độc lập về năng lượng, dễ dàng di chuyển... Theo dự báo, đến năm 2025, thế giới sẽ rơi vào tình trạng khan hiếm nước ngọt và việc xây dựng các nhà máy thủy điện, hạt nhân... đang gây ô nhiễm môi trường. Vì thế, nhóm quyết định thiết kế mô hình văn phòng nhỏ độc lập, với quy mô nhỏ (khoảng 60 m²), thích hợp với những công ty, doanh nghiệp vừa thành lập.

“Zero to all” có nghĩa là công trình tự tạo ra năng lượng để sử dụng và năng lượng tái tạo, hầu như không sử dụng năng lượng từ nguồn cung cấp của đô thị. Để đạt được điều đó, nhóm đã ưu tiên cho những giải pháp thiết kế thụ động. Đó là sự cân nhắc từ việc lựa chọn địa điểm, định hướng và hình khối công trình, tổ chức không gian hợp lý và thiết kế lớp vỏ bao che hiệu quả nhằm tận dụng những thuận lợi từ điều kiện tự nhiên, tiết kiệm năng lượng

và bảo toàn nguồn nước.

Thêm vào đó, công trình được bố trí những tấm pin năng lượng mặt trời (NLMT) trên mái nhằm cung cấp điện chiếu sáng và làm việc. Một phần nước mưa từ mái nhà được dẫn vào bồn chứa để xả bồn cầu và tưới cây xanh xung quanh. Đặc biệt, hệ thống thu nước mưa được đề xuất ở tầm vĩ mô, có sự kết nối với những công trình lân cận để toàn khu có thể sử dụng chung một khu xử lý và có thể mở rộng khả năng tái sử dụng cho toàn đô thị trong tương lai.

Ngoài ra, công trình được thiết kế thi công lắp ghép sao cho di dời linh hoạt, dễ dàng xây dựng và tháo lắp, không ảnh hưởng đến môi trường. Những vật liệu bền vững cũng đã được đề xuất lựa chọn để xây dựng công trình. Sàn nhà được đặt cao hơn mặt đất khoảng 0,7 m, bên dưới rỗng nhằm cách ẩm, tăng cường khả năng thông thoáng và đặc biệt là giảm bê tông hóa, không ngăn chặn quá trình tự thấm nước trên bề mặt đất và hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên. Điều đó cũng góp phần làm giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu. Quan trọng hơn hết, nhóm hướng đến tính nhân văn trong thiết kế với mục tiêu thiết kế cho cả người khuyết tật sử dụng.

Trong quá trình thiết kế, nhóm đã phân tích và tính toán lượng nước mưa được



▲ Nhóm nhận giải Nhì tại Cuộc thi INSEE PRIZE 2017

lọc để sử dụng trực tiếp (rửa tay, ăn uống,...) sẽ tốn kém (về chi phí máy lọc và bảo trì bộ lọc) hơn việc sử dụng nước máy đối với quy mô công trình nhỏ. Vì thế, nhóm đã quyết định sử dụng song song 2 nguồn nước để tiết kiệm chi phí sử dụng, BVMT ở hiện tại và tương lai. Bên cạnh đó, nhóm đề xuất việc các khu dân cư nhà ở nhỏ nên kết nối lại với nhau để lọc nước mưa chung, chi phí sẽ tiết kiệm hơn. Tuy nhiên, mô hình chưa được thử nghiệm thực tế vì chưa đủ kinh phí nhưng nhóm đã nghiên cứu kỹ về kiến trúc truyền thống dân gian của Việt Nam và áp dụng sao cho thích hợp với khí hậu khu vực xây dựng và tính toán dựa trên lý thuyết và thực tế được học ở trong trường lẫn trải nghiệm bên ngoài.

Tuy nhiên, khi thực hiện mô hình, nhóm cũng gặp không ít khó khăn do thời gian làm việc hạn chế, hầu như nhóm chỉ gặp nhau vào chủ nhật hàng tuần vì tất cả thành viên đều phải đi học và các bạn trong nhóm lại học khác ngành, khác khoa và khác địa điểm (cơ sở Lý Thường Kiệt, Quận 10 và cơ sở Dĩ An, Bình Dương). Hai thành viên chủ chốt của nhóm mới là sinh viên năm thứ hai ngành Kiến trúc và có thể nói họ là những thí sinh nhỏ tuổi nhất cuộc thi. Mặc dù thế, cuối cùng cả nhóm đã nỗ lực hoàn thành xuất sắc mô hình.

Dự án “Zero to all” được Ban giám khảo Cuộc thi INSEE PRIZE 2017 đánh giá hiệu quả về giải pháp kiến trúc, môi trường, năng lượng, kết cấu, chi phí xây dựng và đã giành giải Nhì tại Cuộc thi. Sau Cuộc thi, cô giáo hướng dẫn và nhóm cùng có mong muốn tiếp tục nghiên cứu, phát triển thêm để công trình có thể được ứng dụng rộng trên các vùng miền của đất nước. Trước mắt, được sự ủng hộ của Ban giám khảo, sản phẩm này sẽ được ứng dụng tại Trung tâm Quản lý nước và Biển đối khí hậu thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, nhóm sẽ tham gia thêm nhiều cuộc thi nữa nhằm đóng góp thiết kế cho xã hội và cũng là cơ hội để nhóm học hỏi, chia sẻ những ý tưởng thân thiện môi trường.

NGUYỄN HẢI LÝ

TẬP ĐOÀN SAO MAI PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Nhằm phát triển năng lượng xanh và BVMT, Tập đoàn Sao Mai đã đầu tư gần 2 triệu USD để lắp đặt gần 4.000 tấm pin năng lượng mặt trời (NLMT) trên nóc Nhà máy Chế biến thủy sản đông lạnh số 1 tại Cụm công nghiệp Vàm Cống (huyện Lấp Vó, tỉnh Đồng Tháp). Hệ thống pin NLMT của Tập đoàn Sao Mai có công suất 2 triệu KWh/năm, để lắp đặt, có khả năng chịu được môi trường thời tiết khắc nghiệt, thậm chí cả muối ăm và amoniac. Hiệu suất hoạt động của sản phẩm pin lên đến 98% nên không phải sử dụng ắc quy bình ớn áp suất, góp phần tiết kiệm điện năng cho nhiều hộ gia đình, đặc biệt là những nơi vùng sâu, vùng xa.

Hiện tại, Tập đoàn Sao Mai đang nhân rộng việc sử dụng hệ thống đèn chiếu sáng ngoài trời thông minh; hệ thống đèn LED chiếu sáng tiết kiệm năng lượng trong các trụ sở và nhà máy của Tập đoàn. Ngoài ra, Tập đoàn còn có ý định mở rộng thị phần phát triển pin NLMT đối với các hộ gia đình.

PHƯƠNG HẠNH



▲ Những tấm pin năng lượng mặt trời đã được lắp đặt tại Nhà máy Chế biến thủy sản đông lạnh số 1



TP. HỒ CHÍ MINH: PHÁT ĐỘNG CHIẾN DỊCH TIÊU DÙNG SẢN PHẨM XANH 2017



▲ *Họp báo công bố Chiến dịch Tiêu dùng sản phẩm xanh lần 8 - năm 2017*

Ngày 3/6/2017, Lễ phát động Chiến dịch Tiêu dùng sản phẩm xanh 2017 đã diễn ra tại TP. Hồ Chí Minh, với nhiều hoạt động sôi nổi, thiết thực. Chiến dịch vận động cộng đồng sử dụng sản phẩm xanh, thay đổi thói quen có hại cho môi trường; đồng thời khuyến khích doanh nghiệp chấp hành nghiêm Luật BVMT, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

Tại Lễ phát động đã diễn ra nhiều hoạt động như: Khu phố Xanh; Thương hiệu xanh cho cộng đồng; Tiếp sức cùng người tiêu dùng xanh; Mua sắm xanh cùng người nổi tiếng. Thông qua các hoạt động, người dân được hướng dẫn phân loại rác tại nguồn; nhận diện thương hiệu, sản phẩm xanh qua ứng dụng chơi game “Tiêu dùng xanh” trên điện thoại; tham gia các trò chơi lựa chọn sản phẩm xanh và nhận phần thưởng, voucher, khuyến mại giảm giá khi mua hàng, góp phần kích cầu tiêu dùng sản phẩm xanh trong cộng đồng.

NHẬT MINH

NGÀNH NÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Vừa qua, tại Hà Nội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) đã phối hợp với Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tổ chức Hội thảo “Một số hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu

(BĐKH) - ngành NN&PTNT trong bối cảnh thực hiện Thỏa thuận Pari về BĐKH”.

Để thực hiện các cam kết quốc tế về BĐKH, đặc biệt là Thỏa thuận Pari, thời gian qua, Bộ NN&PTNT đã triển khai nhiều hoạt động như ban hành kế hoạch hành động, xây dựng cơ chế chính sách phát triển ngành nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh; phê duyệt Đề án giảm phát thải khí nhà kính (KNK) trong nông nghiệp, nông thôn đến năm 2020; lồng ghép nội dung ứng phó BĐKH vào sản xuất nông nghiệp; áp dụng xử lý chất thải bằng biogas trong chăn nuôi; thực hiện mô hình chi trả dịch vụ môi trường rừng, quỹ các-bon...

Tại Hội thảo, các đại biểu đã trao đổi và đề xuất các giải pháp để ngành nông nghiệp xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH như xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút sự tham gia của người dân trong ứng phó với BĐKH; tăng cường năng lực truyền thông và hợp tác quốc tế; đẩy mạnh nguồn lực trong nghiên cứu khoa học, công nghệ để phòng chống thiên tai, giảm thiểu tác hại do BĐKH gây ra.

NAM VIỆT

ĐẢM BẢO DI CƯ LAO ĐỘNG AN TOÀN VÀ THỰC HIỆN TĂNG TRƯỞNG XANH, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Từ ngày 12 - 16/6/2017, tại Geneva, Thụy Sĩ, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đã tổ chức Hội nghị Lao động quốc tế thường niên lần thứ 106.

Hội nghị đã tập trung thảo luận các nội dung như lao động di cư, an toàn lao động, sức khỏe người lao động, tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu (BĐKH). Đồng thời, đề ra giải pháp nhằm đảm bảo sinh kế, an sinh xã hội và việc làm bền vững cho người dân trong bối cảnh BĐKH ngày càng phức tạp. Theo đó, cần lồng ghép hoạt động di cư, ứng phó với BĐKH, thực hiện tăng trưởng xanh vào chính sách, chiến lược, quy hoạch quốc gia và địa phương; cải thiện điều kiện sống, sinh kế và khả năng chống chịu cho người di cư.

Những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về lao động - việc làm, trong đó quy định quyền lợi và trách nhiệm của người lao động, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân; đồng thời, triển khai nhiều hoạt động ứng phó với BĐKH, phát triển theo hướng phát thải các - bon thấp và tăng trưởng xanh.

AN VY



Đẩy mạnh công tác bảo tồn và nhân nuôi những loài rùa quý hiếm

ĐỖ THANH HÀO

Trung tâm Bảo tồn Rùa Cúc Phương

Cách Hà Nội 120 km về phía Tây Nam, Trung tâm Bảo tồn Rùa (TCC) thuộc Vườn quốc gia Cúc Phương, có diện tích 7.000 m², được thành lập bởi Tổ chức Bảo tồn động, thực vật hoang dã quốc tế (FFI) vào năm 1998. Hiện nay, TCC đang nỗ lực bảo tồn các loài rùa cạn, rùa nước ngọt và đẩy mạnh hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ các loài rùa tại Việt Nam.

Hiện TCC đang chăm sóc hơn 900 cá thể thuộc 22 loài trong tổng số 25 loài rùa bản địa của Việt Nam. Hầu hết các cá thể được cứu hộ từ những vụ buôn bán động vật hoang dã trái phép hoặc được nhân nuôi sinh sản thành công tại TCC. Các loài rùa đang được chăm sóc, cứu hộ tại TCC bao gồm nhiều loài khác nhau như: Rùa Trung bộ, rùa hộp trán vàng miền Trung, rùa sa nhân và rùa bốn mắt..., đặc biệt, có loài rùa hộp trán vàng miền Bắc thuộc loài cực kỳ nguy cấp (CR) theo Danh lục Đỏ của Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), Phụ lục II, Công ước quốc tế về buôn bán các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng (CITES), và được bảo vệ bởi Nghị định số 160/2013/NĐ-CP. Trong những năm qua, TCC đã tiếp nhận, cứu hộ và tái thả về tự nhiên hàng nghìn cá thể rùa cạn và rùa nước ngọt khác nhau. Gần đây, 30 cá thể rùa sa nhân được TCC tái thả về tự nhiên. Đây là loại rùa quý hiếm, đang có nguy cơ tuyệt chủng.

Do có nhiều loài rùa khác nhau được chuyển giao cho TCC nên việc xác định loài ưu tiên để nhân giống phục vụ cho công tác bảo tồn là vô cùng cần thiết. Vì thế, TCC chú trọng nhân nuôi bảo tồn các loài rùa bản địa tại Cúc Phương như rùa sa nhân và nuôi các loài rùa nguy cấp, quý hiếm như rùa hộp trán vàng miền Bắc, rùa Trung bộ...

Năm 2015, TCC đã chế tạo và sử dụng máy ấp trứng đặc biệt với sự giúp đỡ của Chương trình bảo tồn rùa châu Á (ATP), máy ấp trứng này được cải tiến từ tủ lạnh đựng đồ uống. Chiếc máy với ba lồng ấp trứng có thể điều chỉnh nhiệt độ ấp phù hợp, cho phép ấp trứng với các nhiệt độ khác nhau (từ 26°C - 32°C) ngay cả trong mùa hè. Trước đây, TCC gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì nhiệt độ ấp trong mùa hè nóng bức, khi môi trường xung quanh có thể lên đến 40°C, quá cao cho một số loài nhạy cảm như rùa hộp



▲ Rùa sa nhân ấp nở thành công tại TTC ngày 3/12/2016

trán vàng miền Trung hay rùa sa nhân. Với máy ấp mới này, trứng của các loài rùa sẽ được duy trì trong điều kiện nhiệt độ mát hơn. Đặc biệt, hệ thống điện năng lượng mặt trời được lắp đặt tại TCC sẽ cung cấp điện cho máy ấp trứng hoạt động vào những ngày bị cắt điện kéo dài.

Mặt khác, với sự hỗ trợ của Vườn thú Bristol (Vương quốc Anh), TCC tiến hành cải thiện cơ sở vật chất cho phòng nuôi rùa non trong môi trường nước ngọt và xây dựng chuồng mới cho rùa sa nhân ghép đôi sinh sản. Khu nuôi rùa Trung bộ cũng được trang bị thêm một chuồng mới, các bể nuôi rùa non ngoài trời được lắp cửa che bên trên, tăng cường bảo vệ và chắn các loài ăn thịt xâm nhập.

Bên cạnh công tác bảo tồn và nhân nuôi sinh sản, từ năm 2010, Trung tâm đã mở cửa cho khách tới tham quan nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng. Tại đây, du khách có thể quan sát các cá thể rùa trong sinh cảnh tự nhiên của chúng và được giới thiệu thông tin về đặc điểm sinh thái, tình trạng phân bố, mức độ nguy cấp của từng loài. Đây là bước khởi đầu quan trọng trong công tác bảo

vệ các loài rùa cạn và rùa nước ngọt tại Việt Nam.

Trong thời gian qua, TCC đã phối hợp với Chương trình Bảo tồn rùa châu Á (ATP) tổ chức các khóa tập huấn thường niên về kỹ năng nghiên cứu thực địa các loài rùa cạn và rùa nước ngọt Việt Nam cho các sinh viên, nghiên cứu viên và kiểm lâm viên nhằm cung cấp cho học viên kiến thức về đặc điểm sinh thái và phương pháp định loại các loài rùa bản địa của Việt Nam. Bên cạnh đó, TCC cũng có các chương trình hợp tác nghiên cứu ngắn hạn và hoạt động tình nguyện nhằm nhằm chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm trong công tác bảo tồn.

Để khôi phục quần thể rùa và bảo tồn đa dạng loài ở Việt Nam, trong thời gian tới, Trung tâm sẽ tiếp tục tập trung vào các hoạt động cứu hộ, chăm sóc và tái thả các cá thể rùa đủ điều kiện về với tự nhiên; nghiên cứu và triển khai nhân nuôi sinh sản với các nhóm loài ưu tiên. Đồng thời, tổ chức các khóa tập huấn cho các cơ sở bảo tồn, lực lượng thực thi pháp luật nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn các loài rùa tại Việt Nam■



Bảo vệ giá trị đa dạng sinh học của Khu bảo tồn thiên nhiên rừng sến Tam Quy

ĐÌNH LÂN

Đại học Lâm nghiệp

Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) rừng sến Tam Quy nằm trên địa bàn 3 xã Hà Lĩnh, Hà Tân, Hà Đông (huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa). Với địa hình núi đồi thấp xen lẫn với các thung lũng nên rừng tự nhiên ở đây dồi dào và phong phú về các loài động, thực vật. Đặc biệt, KBTTN có rừng cây sến thuần loài, quý hiếm, tập trung với diện tích lớn duy nhất có ở Việt Nam. Sự hiện diện của rừng sến nơi đây được nhiều người ví như một “bảo tàng” thiên nhiên về loài sến cần được bảo vệ nghiêm ngặt.

Để bảo vệ rừng sến, năm 1986, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 194/QĐ về việc thành lập KBTTN rừng sến Tam Quy và xếp vào nhóm khu bảo tồn loài trong hệ thống rừng đặc dụng quốc gia. Năm 2001, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 1766/QĐ-UB phê duyệt Dự án KBTTN rừng sến Tam Quy, với tổng diện tích quy hoạch là 1314 ha, trong đó vùng đệm 795,5 ha; vùng lõi 518,5 ha. Theo các nghiên cứu, KBTTN có các kiểu rừng chính là rừng thường xanh, đất thấp đặc trưng bởi sự ưu thế của loài sến và lim xanh, đây là hai loài đang bị đe dọa trên toàn cầu. Ngoài ra, KBTTN còn các loài cây khác như dẻ, thông nhựa, sỏ, muồng keo, mỗi loài được phân bố thành từng vùng rừng riêng, cụ thể: rừng sến thuần loài (300 ha); rừng sến, lim (145,5 ha); rừng lim, sến (63,1 ha); rừng lim thuần loài (12,1 ha); rừng sến, dẻ: (9,7 ha); rừng thông nhựa (169,5 ha); rừng sỏ (5 ha); rừng muồng, keo (34,2 ha); đất trắng cỏ cây bụi (37,4 ha).

Hiện nay, trong KBTTN đang diễn ra nguy cơ rừng sến thuần loài bị thay thế bởi rừng lim, do cây lim đang chen ép, cạnh tranh không gian dinh dưỡng với cây sến. Chiều cao của lim khoảng 13 m, sến là 9 m, sến ở tầng thấp và hoàn toàn chịu tán của lim, trong khi đặc tính sinh thái của cây sến trưởng thành là ưa sáng, không chịu bóng, dẫn đến nguy cơ rừng sến bị thay thế bởi rừng lim. Ngoài ra, rừng sến đang bị suy thoái về chất lượng, số lượng nên mật độ thưa dần, tán lá thu hẹp, thân cây cong queo và nhiều cây bị chết. Trước thực trạng trên,



▲ Rừng sến Tam Quy - nơi bảo tồn nguồn gen quý, phục vụ công tác bảo tồn loài và nghiên cứu khoa học

Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng khoa học - công nghệ lâm nghiệp (Sở NN&PTNT Thanh Hóa) đã nghiên cứu thực nghiệm một số mô hình, nhằm duy trì, nhân rộng diện tích rừng sến, tạo cho rừng sến sinh trưởng, phát triển bền vững.

Về hệ động vật, tại KBTTN cũng rất phong phú thành phần loài, với 22 loài thú (chiếm 8,5%); 51 loài chim (chiếm 6,85%) và 59 loài lưỡng cư, bò sát (chiếm 9% số loài ở Việt Nam). Số loài thú nhiều nhất là bộ gặm nhấm (9 loài), tiếp đến là bộ dơi (7 loài), còn lại dao động từ 1- 3 loài. Các loài chim, chiếm ưu thế là bộ sẻ (28 loài), còn lại các loài khác dao động từ 1 - 5 loài, đáng chú ý là 6 họ có từ 1 - 2 loài. Trong các loài thú thống kê được, với 6 loài có giá trị bảo tồn cao, nằm trong Danh lục đỏ IUCN như rái cá, cu li nhỏ, khỉ vàng, cây hương, sóc cây. Các loài chim có 4 loài

điều Ẩn Độ, bắt cô trói cột, khướu mỏ dài, cú mèo khoang cổ; các loài lưỡng cư, bò sát có 18 loài có giá trị kinh tế và bảo tồn như ếch cây, rùa hộp trán vàng, rắn lục mếp trắng, rắn hổ chúa, kỳ đà hoa...

Các mối đe dọa chính đối với khu hệ thú, lưỡng cư, bò sát và các loài chim ở KBTTN đó là tình trạng săn bắt và phá hủy sinh cảnh rừng của người dân địa phương để khai thác gỗ. Đây là những nguyên nhân dẫn tới sự suy giảm về số lượng và chất lượng quần thể các loài. Ngoài ra, các loài thú, bò sát, chim săn bắt được có thể dùng để làm thực phẩm cho gia đình, nấu cao, hoặc bán ra thị trường đối với những loài có giá trị kinh tế cao.

Để đảm bảo an toàn cho diện tích rừng ở KBTTN, Hạt kiểm lâm huyện Hà Trung đã triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ rừng bền vững và phương án phòng cháy, chữa cháy rừng đến từng tổ đội; Tổ



chức tuần tra thường xuyên, phát hiện những vụ đột nhập khai thác tài nguyên rừng trái phép của người dân địa phương để kịp thời ngăn chặn.

Về kế hoạch phòng cháy chữa cháy, do thời điểm này là tháng cao điểm dễ xảy ra cháy, nhất là nơi có nhiều loại cây quý hiếm trong vùng lõi của KBTTN như khu rừng sến, rừng lim xanh và diện tích rừng thông nằm xen kẽ trong các khu dân cư, khu du lịch, UBND tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo UBND các xã và Hạt kiểm lâm huyện nghiêm cấm người dân địa phương sử dụng lửa để đốt nương làm rẫy.

Bên cạnh đó, để tăng cường bảo vệ khu rừng sến thuần loài

trong KBTTN, năm 2013, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 2406/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng KBTTN loài sến Tam Quy đến năm 2020. Quy hoạch đề ra mục tiêu, quản lý, bảo vệ, bảo tồn và phát triển bền vững khu rừng sến thuần loài gắn với việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn nguồn gen, bảo vệ cảnh quan và môi trường; làm cơ sở cho việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng rừng đặc dụng; huy động sự tham gia rộng rãi của cộng đồng, các tổ chức trong và ngoài nước vào hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững. Triển khai Quy hoạch, Trung tâm Nghiên

cứu, Ứng dụng khoa học - công nghệ lâm nghiệp thực hiện Đề tài Nghiên cứu giải pháp bảo tồn nguồn sến mật tại Tam Quy Hà Trung, thời gian từ tháng 7/2012 - 7/2015. Kết quả đã tuyển chọn được diện tích sến tập trung đủ tiêu chuẩn để xây dựng rừng giống sến gốc trên 1.000 cây sến mẹ; phân tích mối quan hệ di truyền của loài sến chọn làm sến mẹ; xây dựng biện pháp kỹ thuật để sản xuất cây giống trong vườn ươm; thử nghiệm mô hình thay thế diễn thế lim - sến thành sến - lim theo hướng bền vững.

Trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học của KBTTN rừng sến Tam Quy, UBND tỉnh Thanh Hóa sẽ triển khai một số giải pháp như kiện toàn hệ thống các trạm bảo vệ, tổ tuần tra rừng để bảo vệ và phục hồi tài nguyên thực vật rừng; đầu tư xây dựng hạ tầng, đặc biệt, đầu tư cho công tác trồng rừng mới, bảo vệ phục hồi các hệ sinh thái rừng tự nhiên.

Với các loài quý hiếm cần xây dựng chương trình điều tra giám sát cụ thể để đảm bảo cung cấp số liệu cập nhật cho công tác quản lý và bảo tồn loài, chương trình đánh giá hiện trạng buôn bán động vật hoang dã (ĐVHD) tại KBTTN; Hợp tác với các cơ quan ban ngành trong tỉnh, các cơ quan và tổ chức chuyên môn trong nước, tổ chức quốc tế trong công tác nghiên cứu khoa học, quản lý bền vững hệ sinh thái rừng, phát triển cộng đồng vùng đệm; Nghiêm cấm người dân địa phương săn bắn, buôn bán ĐVHD. Đồng thời, hỗ trợ về nguồn vốn, kỹ thuật, giúp người dân địa phương tham gia chăn nuôi các loài ĐVHD, nhằm nâng cao đời sống vật chất và giảm các tác động tới ĐVHD; Tổ chức tập huấn cho cán bộ kiểm lâm về các kỹ năng nhận biết loài, đặc biệt những loài quý hiếm; Tăng cường lực lượng kiểm lâm, bảo vệ rừng, cũng như các chính sách hỗ trợ nhằm giúp họ hoàn thành nhiệm vụ; Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, cùng với các xã trên địa bàn thống nhất xây dựng các quy ước, hương ước về bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng■



▲ Cán bộ Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ lâm nghiệp (Sở NN&PTNT Thanh Hóa) kiểm tra thực địa rừng sến



Ôxtrâyliã: Thay đổi từ chính sách đến hành động đem lại hiệu quả lớn

Là một trong những quốc gia có lượng rác thải phát sinh nhiều nhất thế giới, ước tính khoảng 50 triệu tấn chất thải mỗi năm, trung bình trên 2 tấn/người, tuy nhiên, với những chính sách hiệu quả, Ôxtrâyliã đã biến lượng rác thải “khổng lồ” đó trở thành những “mỏ vàng” lớn, đem lại doanh thu hàng tỷ USD mỗi năm.

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ CHẤT THẢI HỢP LÝ

Ngay từ năm 1992, Chính phủ Ôxtrâyliã đã đưa ra một chính sách quản lý chất thải (QLCT) toàn diện trong Chiến lược quốc gia về phát triển bền vững sinh thái, trong đó đề ra mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, giảm thiểu tác động lên môi trường, xử lý chất thải và cải thiện việc QLCT nguy hại. Tuy nhiên, tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh và dân số liên tục gia tăng đã làm phát sinh rác thải ngày càng nhiều và đòi hỏi phải thay đổi chính sách QLCT để đáp ứng yêu cầu thực tế. Theo Báo cáo của Bộ Môi trường và Năng lượng Ôxtrâyliã, lượng chất thải đã tăng 32,4 triệu tấn (giai đoạn 2002 - 2003) lên 43,8 triệu tấn (giai đoạn 2006 - 2007).

Trước tình hình đó, năm 2009, Chính phủ Ôxtrâyliã đã ban hành chính sách mới về QLCT quốc gia (gọi tắt là NWP), nhằm hoàn thiện khung pháp lý về kiểm soát chất thải và phục hồi tài nguyên đến năm 2020. NWP đưa ra cách tiếp cận hiệu quả đối với các vấn đề chất thải phát sinh trên phạm vi toàn lãnh thổ theo hướng giảm lượng chất thải bị thải bỏ và chất thải là nguồn tài nguyên, mang lại các lợi ích về kinh tế, môi trường, xã hội. NWP được xây dựng với tiêu chí phù hợp với các quy định, luật pháp liên quan đến QLCT của đất nước, cũng như cam kết quốc tế mà Ôxtrâyliã tham gia để bảo vệ sức khỏe con người và BVMT.

Với mục đích đảm bảo việc xử lý, thu hồi, tái sử dụng chất thải được tiến hành một cách an toàn, khoa học và thân thiện với môi trường, góp phần giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên, NWP đã xác định 6 nhiệm vụ, 16 giải pháp chiến lược ưu tiên. Theo đó, 6



▲ Công nhân làm việc trong Nhà máy tái chế rác thải điện tử Aspitech (Ôxtrâyliã)

nhiệm vụ bao gồm: Chia sẻ trách nhiệm trong việc giảm thiểu tác động đến môi trường, đảm bảo sức khỏe con người và sự an toàn của sản phẩm trong chuỗi sản xuất - cung cấp - tiêu thụ; Thực hiện các hoạt động cải thiện thị trường một cách hiệu quả, tránh lãng phí và thu hồi tài nguyên, với công nghệ hiện có của địa phương, gia tăng hợp tác chuyển giao công nghệ với các nước khác; Tránh lãng phí và sử dụng hiệu quả chất thải nhằm đạt được những lợi ích về kinh tế, môi trường, xã hội; Giảm sử dụng các loại chất thải không thể tái chế, đảm bảo việc thu hồi, xử lý, thải bỏ chất thải phù hợp và an toàn; Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực QLCT cho cộng đồng dân cư ở vùng sâu, vùng xa; Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin quốc gia về chất thải đầy đủ, chính xác, từ đó, tăng cường giáo dục, tuyên truyền, công khai cho cộng đồng.

Đồng thời, NWP cũng đề ra 16 giải pháp chiến lược ưu tiên, gắn với vai trò, trách nhiệm của các cơ quan liên quan, từ Trung ương đến địa phương như: Hoàn thiện khung pháp lý về quản lý sản phẩm theo hướng có trách nhiệm trong quá trình sản xuất, sử dụng và ngay cả khi hết hạn sử dụng; xây dựng nguyên tắc và kinh nghiệm thực tiễn về mua sắm bền vững cho các cơ quan nhà nước; quản lý tốt bao bì; đảm bảo phân loại chất thải địa phương và quốc gia phù hợp với các công ước quốc tế; thiết lập nguyên tắc, quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với các loại chất thải; tăng cường các hoạt động mua sắm và tiêu dùng bền vững; quản lý rủi ro phát sinh do phát thải khí từ bãi rác; khuyến khích QLCT hiệu quả và thu hồi tài nguyên cho các dự án xây dựng; giảm chất độc hại trong chất thải; xử lý và vận chuyển rác thải xuyên biên giới tại các cơ sở



▲ Cơ sở thu hồi tài nguyên được thiết kế để phân loại, xử lý vật liệu phế thải bằng công nghệ sinh học, nhiệt

thích hợp... Chính quyền các bang và vùng lãnh thổ chịu trách nhiệm chính trong QLCT, nhằm tránh lãng phí, giảm thiểu, tái sử dụng chất thải; cấp phép và điều tiết việc vận chuyển chất thải, lưu giữ, xử lý, thu hồi, tiêu hủy rác thải hiệu quả. Đặc biệt, tất cả các bang và vùng lãnh thổ phải ban hành các văn bản, chính sách pháp luật toàn diện về BVMT và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

BIẾN RÁC THẢI THÀNH “VÀNG”

Từ khi NWP được ban hành, đã có sự thay đổi lớn trong công tác QLCT tại Ôxtrâyliya, lượng rác thải được tái chế ngày càng tăng. Mỗi năm, ngành tái chế chất thải đem lại lợi nhuận ước tính từ 7 - 11,5 tỷ USD. Theo Báo cáo Chất thải quốc gia năm 2010 của Ôxtrâyliya, trong giai đoạn 2010 - 2011, lượng chất thải phát sinh bình quân đầu người đạt 2,1 tấn/người/năm, tăng 2,6% /năm, trong đó rác thải tái chế tính theo đầu người tăng khoảng 20% so với giai đoạn 2006 - 2007, từ 1 tấn lên khoảng 1,2 tấn/người/năm. Tỷ lệ thu hồi tài nguyên (trừ tro bay) tăng từ 51% (2006 - 2007) lên 60% (2010 - 2011); lượng chất thải được xử lý giảm từ 1,03 tấn (2006 - 2007) xuống còn khoảng 0,88 tấn/người/năm (2010 - 2011).

Rác thải được phân loại theo nhiều dạng như nguồn phát sinh (chất thải rắn đô thị, chất thải thương mại và công nghiệp; chất thải xây dựng); tính chất (rắn, lỏng...); thành phần... từ đó có phương thức quản lý thích hợp. Rác thải được người dân phân loại tại nhà rồi đem đến các điểm tập kết, thu gom và xe rác chở đến trạm trung chuyển, tiếp tục chuyển đến các

bãi chôn lấp, hay cơ sở quản lý rác thải, hoặc cơ sở thu hồi tài nguyên. Hiện nay, Ôxtrâyliya có khoảng 2.846 cơ sở quản lý rác thải, 1.168 bãi chôn lấp, 806 cơ sở thu hồi tài nguyên, 872 trạm trung chuyển đang hoạt động. Ở các vùng sâu, vùng xa, nhiều trạm trung chuyển quy mô nhỏ được thiết lập thay vì bãi chôn lấp nhỏ để thu gom lượng lớn rác thải, sau đó chở đến các địa điểm thải xa. Các cơ sở thu hồi tài nguyên được thiết kế để phân loại, xử lý vật liệu phế thải và sử dụng công nghệ xử lý rác thải bằng sinh học, nhiệt.

Tại Ôxtrâyliya, hầu hết các chủ đầu tư bãi chôn lấp rác thải phải thực hiện hoạt động thu hồi tài nguyên trước khi thải bỏ, chế biến rác thành phân hữu cơ vi sinh trong vườn. Việc thu hồi tài nguyên trước khi thải bỏ đang ngày trở nên phổ biến ở Ôxtrâyliya, thậm chí một số bang xem đây là điều kiện bắt buộc để được phê duyệt dự án đối với các cơ sở chôn lấp. Hiện nay, Ôxtrâyliya có khoảng 2.667 doanh nghiệp và tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ thu gom, tái chế và xử lý chất thải, trong

đó có 819 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tái chế rác thải. Bên cạnh đó, Ôxtrâyliya cũng có các website cung cấp địa chỉ tái chế rác thải, hướng dẫn tái chế tại nhà, nơi làm việc và tái chế trong kinh doanh để mang lại nguồn lợi kinh tế, tăng doanh thu, tạo công ăn việc làm cho hàng triệu người dân, đóng góp cho sự phát triển bền vững đất nước. Theo Cục Thống kê Ôxtrâyliya (ABS), các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực QLCT (tái chế, thu gom, vận chuyển, thu hồi tài nguyên và xử lý) đã đóng góp 3,5 tỷ USD cho nền kinh tế đất nước trong giai đoạn 2010 - 2011, tăng 30% so với giai đoạn 2006 - 2007 (2,7 tỷ USD).

Ngoài việc có một chính sách QLCT hiệu quả, Chính phủ Ôxtrâyliya còn quan tâm đến công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về tái chế chất thải và phục hồi tài nguyên, thông qua nhiều hoạt động như tổ chức các chương trình cộng đồng tái chế, doanh nghiệp tái chế, chương trình tái chế từ thiện, sử dụng mô hình "cơ hội mua sắm", hoặc thiết lập chương trình tái chế sản phẩm cụ thể... Tuy nhiên, để đạt được thành công trong công tác QLCT, lý do quan trọng nhất là Chính phủ Ôxtrâyliya đã thực hiện một chính sách quản lý sản phẩm chặt chẽ ngay từ khi bắt đầu sản xuất. Đây là cách tiếp cận theo vòng đời sản phẩm, trong đó những người tham gia sản xuất, bán, sử dụng và vứt bỏ sản phẩm đều phải có trách nhiệm để đảm bảo giảm thiểu tác động đến môi trường, bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của con người■

HƯƠNG TRẦN

(Theo *environment.gov.au*)



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**

Dr. **Mai Thanh Dung**

Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**

Dr. **Nguyễn Thế Đồng**

Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**

Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**

Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**

Prof. Dr. **Trần Thục**

Dr. **Hoàng Văn Thúc**

Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**

Prof. Dr. **Lê Văn Trình**

Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**

Dr. **Hoàng Dương Tùng**

Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyền**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy

Tel: (04) 61281438

OFFICE

● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing board: (04) 66569135

Editorial board: (04) 61281446

Fax: (04) 39412053

Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn

<http://www.tapchimoitruong.vn>

● Ho Chi Minh City:

A 403, 4th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city

Tel: 08.66814471; Fax: 08.62676875

Email: tcmtphianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

Launching ceremony of The Action
Month for Environment in 2017

Photo by: **Việt Hùng**

Processed & printed by:

Hải Anh Co., Ltd

Nº 6/2017

Price: 15.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [4] ● Live in harmony with nature for a sustainable earth
- [5] ● The whole country joins hand to respond to "The Action month for the environment" in 2017
- [7] ● Enhance environmental protection in thermal power plants and mining, using reasonably the marine resources
- [8] ● Connecting and sharing biodiversity information on a global scale
- [8] ● Strengthen partnerships to protect the endangered species in Việt Nam



LAW - POLICY

- [9] PHẠM ANH CƯỜNG, NGUYỄN ĐẶNG THU CÚC...: Status of implementation of the National Biodiversity Strategy to 2020, vision to 2030
- [11] TÔ THỦY NGÀ: Propose measures to implement environmental criteria for districts and communes have been recognized as new rural standard.
- [13] PHẠM TRỌNG DUY: Supervise the environmental quality of craft villages in Việt Nam
- [14] HOÀNG ĐÌNH CHUNG: Gia Lai: Strengthen policy and legal on environmental protection
- [16] Y KANIN H'DOK: Đắk Lắk: Promote communication and awareness raising on environmental protection
- [20] VŨ NHUNG: Penalty for Việt Nam Waste CO., Ltd. nearly 1.6 billion due to violations in the field of environmental protection



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [21] PHẠM NGỌC ĐĂNG: Hanoi: Need to restore the inherent fresh atmosphere
- [24] DƯƠNG THỊ PHƯƠNG ANH, NGUYỄN TRUNG THẮNG...: Solving environmental disputes through mediation: Applying trial in Đà Nẵng



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [26] PHAN THỊ LÝ: Promote communication on medical waste management in the period of 2017- 2021
- [28] NGUYỄN THẾ HÌNH: Status of livestock environmental treatment in Việt Nam and propose management solutions
- [30] NGUYỄN TRỌNG NGHĨA: Improve the effectiveness of environmental monitoring in hospitals today
- [32] NGUYỄN SONG TÙNG: Innovate methods, promote creativity in researching scientific works on environmental protection
- [34] NGUYỄN THỦY: Mining and using sustainable efficiency the mineral resources in Central Highlands



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [36] PHẠM THANH TUẤN: An Hòa Paper Joint Stock Company: Complete the automatic monitoring system in order to wastewater control
- [38] THỦY NGÀ: Đắk Lắk Rubber Co., Ltd: Friendly Environmental production
- [39] NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG: T- Tech Việt Nam: Offering the best solutions for waste treatment
- [41] LÊ NGỌC: Bình Sơn Petrochemical CO., Ltd- Towards sustainable development



GREEN GROWTH

- [47] NGUYỄN THỊ THU HÀ: The "Green living" model contributes to build Đà Nẵng- Environmental City
- [48] NGUYỄN HẢI YẾN - NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG...: Commitments to sustainable development in the EU - Việt Nam Free Trade Agreement
- [50] NGUYỄN QUANG VINH: Opportunity for businesses to attract investment and business cooperation
- [52] NGUYỄN HẢI LÝ: Zero to all - Green office self-generated energy



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [55] ĐỖ THANH HẢO: Promote the conservation and breeding of rare species of turtles
- [56] ĐÌNH LÂN: Protect the biodiversity values of the Tam Quy bassia reserve



AROUND THE WORLD

- [58] HƯƠNG TRẦN: Australia: Changing from policy to action brings great results



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT BECAMEX - BÌNH PHƯỚC

Quốc lộ 14, Tổ 8, Ấp 3, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành,
Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Điện thoại: +84) 271 640079 Fax: +84) 271 640080

Ngành nghề kinh doanh:

Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị, dịch vụ nhà ở công nhân. Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT, BT. Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng, văn phòng.

Dự án kêu gọi đầu tư:

**KHU LIÊN HỢP CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ
BECAMEX - BÌNH PHƯỚC**



Khu liên hợp Công nghiệp - Đô thị Becamex - Bình Phước được xây dựng theo mô hình thành phố công nghiệp. KHÔNG CHỈ tập trung các hoạt động công nghiệp MÀ CÒN phát triển thương mại và dân cư CÙNG NHƯ đảm bảo phát triển bền vững và lâu dài.

Tổng diện tích quy hoạch:

4.633 Ha

(đất công nghiệp : 2.450 ha

đất dịch vụ, đô thị : 2.183 ha)

TRUNG TÂM ĐẦU TƯ, KHAI THÁC THỦY LỢI VÀ NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: số 89 đường Đoàn Thị Điểm, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Giới Nguyễn Khánh Trường

Trung tâm Đầu tư, khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn (Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần kinh phí và chính thức đi vào hoạt động từ 12/2009 và hiện đang quản lý, vận hành 28 công trình cấp nước tập trung nông thôn thực hiện nhiệm vụ cung cấp nước sạch sinh hoạt cho người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Dương với tổng công suất thiết kế 24.196 m³/ngày đêm, tổng số hộ dân phục vụ 37.000 hộ.

Trong 06 năm hoạt động, mặc dù chi phí tiền lương, các khoản phụ cấp kèm theo và các chi phí đầu vào thay đổi, sẵn chứa máy móc, chi phí nguyên vật liệu sản xuất nước sạch thường xuyên biến động theo chiều hướng tăng giá nhưng Trung tâm thực hiện tập trung sửa chữa bảo trì bảo dưỡng các thiết bị đảm bảo các công trình hoạt động ổn định cung cấp nước sạch liên tục cho người dân Đồng thời, tiết kiệm chi phí điện sản xuất, giảm tỷ lệ thất thoát nước và các chi phí quản lý khác bằng cách giảm giá nhà nước cấp bù (từ năm 2010 cấp bù 3,9 tỷ đồng giảm dần đến năm 2016 Trung tâm tự chủ tài chính chi phí hoạt động thường xuyên). Từ đó, tăng thu, giảm chi trích quỹ ổn định thu nhập để đảm bảo tăng thêm thu nhập cho cán bộ quản lý, người lao động.

Bên cạnh đó, Trung tâm thường xuyên theo dõi, tiến hành nội kiểm theo quy định tại Thông tư 50/2015/TT-BYT để chất lượng nước được đảm bảo nước sạch đạt tiêu chuẩn ăn uống, sinh hoạt theo quy chuẩn QCVN 01:2009/BYT, QCVN 02:2009/BYT của Bộ y tế phục vụ người dân. Và trong thời gian tới Trung tâm tiếp tục tăng cường kiểm tra công tác quản lý, vận hành các công trình; giám sát chất lượng nước đồng thời kết hợp tuyên truyền vận động, đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý và mở rộng tuyến ống để ngày càng nhiều người dân nông thôn được tiếp cận với nguồn nước sạch nhằm đảm bảo sức khỏe cho người dân.



Trạm cấp nước tập trung nông thôn xã Phước Hòa huyện Phú Giáo thuộc Trung tâm Đầu tư, khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn quản lý với công suất thiết kế 1.200m³/ngày đêm, phục vụ 1.619 hộ dân sử dụng nước sạch.



Cây no đủ mùa bội thu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH



LÂN NINH BÌNH - NPK NINH BÌNH

*Khử chua, hạ phèn
Tăng nhanh độ phì nhiêu của đất*



CÔNG TY PHÁT TRIỂN VÀ KHAI THÁC HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Đường Phạm Ngũ Lão - KCN Hòa Xá - Thành Phố Nam Định - Tỉnh Nam Định
Điện thoại: 02283.676.151



Công ty phát triển và khai thác hạ tầng KCN tỉnh Nam Định là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Nam Định.

Khu công nghiệp Hòa Xá nằm ở phía Tây TP Nam Định, thuộc địa bàn 2 xã Mỹ Xá và Lộc Hòa. Hiện tại KCN Hòa Xá có 117 doanh nghiệp với 141 dự án đầu tư, tổng diện tích đã cho thuê là 228,25 ha tỷ lệ lấp đầy đạt 100%. Các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực như vật liệu xây dựng, được phân, dệt nhuộm, may mặc, cơ khí, chế biến nông sản thực phẩm. Trong đó, dệt nhuộm và cơ khí là hai ngành nghề chính, chiếm tỷ lệ là 21,64% và 24,74%, tương ứng.



Trong công tác thu tiền sử dụng hạ tầng KCN Hòa Xá, tuy gặp còn nhiều khó khăn nhưng tính đến 31/12/2016 đã thu được hơn 90 doanh nghiệp với số tiền là 10 tỷ đồng để nộp vào ngân sách Nhà.

Công tác quản lý đầu tư xây dựng; vệ sinh môi trường và duy tu sửa chữa hạ tầng KCN Hòa Xá đảm bảo đúng theo quy định.

Về công tác vận hành xử lý nước thải, công ty đã thực hiện đầy đủ các nghị định của UBND tỉnh và hướng dẫn của chi, quản lý vận hành và sử dụng tiền xử lý nước thải KCN Hòa Xá. Trong năm 2016 đã xử lý được 1.186.741m³ nước thải.





THỦ TRƯỞNG BỘ LĐTĐ-XH THĂM TRƯỜNG MẦM NON NHỮNG BÔNG HOA NHỎ



(ĐN)- Chiều 14-1, đoàn công tác của Bộ Lao động - thương binh và xã hội (LĐTB-XH) do Thủ trưởng Đoàn Mậu Diệp dẫn đầu đã đến thăm, làm việc với Trường mầm non Những bông hoa nhỏ (đóng tại xã Hòa An, TP. Biên Hòa). Đây là trường mầm non dành cho con của công nhân đầu tiên ở TP. Biên Hòa do công ty Pouchen Việt Nam tài trợ. Công ty Tư vấn giáo dục Sài Gòn chịu trách nhiệm hoạt động.

Tại buổi làm việc, Thủ trưởng Đoàn Mậu Diệp bày tỏ niềm vui mừng, phấn khởi khi con em công nhân được học tập trong một ngôi trường được thiết kế đẹp, thân thiện với thiên nhiên. Ở đây, các cháu được giáo dục toàn diện cả về thể chất, thẩm mỹ lẫn tri tuệ với mức học phí rẻ.

Thủ trưởng Đoàn Mậu Diệp cũng hoan nghênh Công ty Pouchen Việt Nam đã đầu tư xây dựng ngôi trường, san sẻ phần nào khó khăn với công nhân, giúp họ yên tâm làm việc, góp phần xây dựng công ty ngày một lớn mạnh. Đây cũng là một trong những cách làm nhằm chung tay thực hiện xã hội hóa giáo dục và an sinh xã hội. Thủ trưởng hy vọng công ty sẽ tiếp tục có những chương trình, chính sách hỗ trợ để giúp đỡ nhiều con công nhân được học tập tại trường. dịp này, đoàn công tác đã tặng nhà trường khung ảnh chân dung Bác Hồ. Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam cũng tặng nhà trường 4 bộ đồ chơi ngoài trời.

Trường mầm non Những bông hoa nhỏ đi vào hoạt động từ tháng 10-2014, hiện có 40 cán bộ, giáo viên, nhân viên, nuôi giữ 200 trẻ từ 2 đến 5 tuổi, chia thành 7 lớp. Dự kiến, sau Tết Nguyên đán, trường sẽ tiếp nhận thêm 200 trẻ, ưu tiên những gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn, mẹ đơn thân, có thời gian gần bỏ lâu dài với công ty. Công suất của trường có thể đáp ứng nuôi dạy 500 trẻ mầm non.

BỐI CẢNH VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC THÀNH LẬP TRƯỜNG MẦM NON

Đây là ngôi trường mầm non do công ty Pou Chen đầu tư xây dựng tại xã Hòa An, tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Là ngôi trường dành cho con em của 23 ngàn công nhân của công ty tại đây theo học. Ngôi trường đã vinh dự được Bà Nguyễn Thị Doan, nguyên chủ tịch nước Việt Nam đặt cho tên gọi là "Trường Mầm non Những Bông Hoa Nhỏ". Ngôi trường được xây dựng dựa trên nguyện vọng của Hội đồng quản trị Tập đoàn Pou Chen, với ý nghĩa vô cùng thiết thực và lớn lao, cũng là cách thể hiện sự quan tâm, chăm sóc cho thế hệ tương lai của con em công nhân viên trong tập đoàn.

ĐIỂM NỔI BẬT

Là một trong mười ngôi trường mầm non đẹp nhất thế giới

Trường mầm non Những Bông Hoa Nhỏ của Pou Chen là một công trình "xanh", được thiết kế với ý tưởng gần gũi thiên nhiên, thân thiện môi trường. Ngôi trường phát huy tối đa lối kiến trúc gần gũi thiên nhiên bằng cách sử dụng nguyên liệu tái chế, hệ thống nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời, giúp tiết kiệm tối đa năng lượng trong quá trình sử dụng. Đồng thời góp phần giáo dục cho các cháu về tầm quan trọng của việc tiết kiệm năng lượng ngay từ nhỏ.

Ngôi trường thiết kế dựa theo mô phỏng hình dáng của cây có 3 lá, với bố cục là 3 vòng xoay ốc, mỗi phòng học được thiết kế theo dáng hình elip nên trong mỗi căn phòng luôn luôn cảm nhận được sự thoáng mát. Mỗi phòng học đều có nhiều cửa kính, bên ngoài là các loại cây leo phủ trên tường lớp học, giúp cho phòng học luôn có nhiều ánh sáng tự nhiên và nhiều gió trời. Bên ngoài khuôn viên là những khu vui chơi với nhiều đồ chơi hấp dẫn, giúp cho các em có thể phát triển được cả thể chất lẫn tinh thần và trí lực.

Ngôi trường có tổng diện tích 10.650m², trong đó 70% diện tích là khuôn viên được phủ xanh bằng cây xanh. Trên tất cả các mái của phòng học đều được trồng các loại hoa, nên bên trong

những phòng học sẽ thoáng mát về mùa hè và ấm áp về mùa đông. Ngôi trường được thiết kế và xây dựng dựa trên tiêu chuẩn công trình xanh của Việt Nam và tiêu chuẩn LEED quốc tế (Leadership in Energy & Environmental Design), bên trong các phòng học bảo đảm đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng khí, sử dụng hệ thống làm nước nóng bằng năng lượng mặt trời, sử dụng nguồn nước tái sử dụng của công ty (nước thải của công ty đã qua xử lý đến ngưỡng an toàn) để tưới cây. Ngôi trường được thiết kế dựa trên ý tưởng bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Tháng 12 năm 2013 đã dành được giải thưởng LOTUS bạc do Hội đồng công trình xanh Việt Nam trao tặng. Ngoài ra, do ý tưởng thiết kế điển hình kiến trúc xanh, nên đã được trang web của Designboom lựa chọn là 1 trong 10 ngôi trường đẹp nhất. Tiêu chuẩn lựa chọn là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố bản địa và cảnh quan, đồng thời góp phần cải thiện môi trường xung quanh và đem lại ý nghĩa xã hội sâu sắc.

Ngôi trường đã đạt được các giải thưởng sau:

1. 30 finalists of RIBA International award (UK) 2016
2. ARCSIA Award 2016, Hong Kong / Farming Kindergarten
3. AR school, finalist / Farming Kindergarten
4. IAA (International Architecture Awards) 2015 / Farming Kindergarten
5. Green Good Design, USA / Farming Kindergarten
6. National Architectural Prize (Vietnam), Jury award / Farming Kindergarten 2015
7. Building of the year 2014 on Archdaily, Educational Architecture category winner / Farming Kindergarten
8. World Architecture Festival (WAF) / Shortlist / Farming Kindergarten
9. FuturArc Prize, Professional category 2nd Prize / Farming Kindergarten 2014

CƠ SỞ VẬT CHẤT

Ngôi trường có tổng 25 phòng, với sức chứa 500 em học sinh. Trong đó 15 phòng học, 1 nhà bếp, 4 phòng phòng làm việc và 5 phòng với các chức năng khác nhau như y tế, hội họa, âm nhạc, thể dục, thư viện, tất cả đều được trang bị các thiết bị đầy đủ, nhằm cung cấp cho các em học sinh môi trường học tập đa dạng, vừa học, vừa chơi giúp cho đại não của các em phát triển.

Bên ngoài khuôn viên có 3 khu vui chơi, là không gian lý tưởng cho giáo viên và học sinh hoạt động ngoại khóa, ngoài ra còn có hoạt động học sinh và phụ huynh cùng tham gia trồng trọt rau xanh trong các vườn trên mái của các phòng học, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của công nhân viên.



KEM ĐÁNH RĂNG

Doreen®



RĂNG TRẮNG ĐẸP - NGỪA SÂU RĂNG



SỮA CÔ GÁI HÀ LAN ACTIVE 20+™ NĂNG LƯỢNG SỮA CHO CẢ NHÀ NĂNG ĐỘNG



SỮA CÔ GÁI HÀ LAN ACTIVE 20+™ là sữa tăng cường vitamin nhóm B (vitamin B2, B12) và canxi, vitamin D3. Sản phẩm thuộc nhóm thực phẩm bổ sung. Sản xuất tại: Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam, 1 Đường Hòa, Xã Thuận An, Thành Phố Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị, Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN NGHỈ DƯỠNG Ý NGỌC BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Thôn Kê Gà, Xã Tân Thành, Huyện Hàm Thuận Nam, Bình Thuận

Email: biendavangcskh@gmail.com - Website: www.yngoc.com.vn

HOTLINE: 0901.738.239 - 062.388.9999

Hè này đến khu du lịch Biển Đá Vàng, check-in với các ngôi nhà bảy sắc cầu vồng rực rỡ

Khu du lịch Biển Đá Vàng là dự án do Công ty Cổ phần Bất Động Sản Nghỉ Dưỡng Ý Ngọc Bình Thuận đầu tư với tổng vốn đầu tư 65 tỷ đồng trên tổng diện tích 53.663,5 m² đang đi vào hoạt động trong năm 2017. Tọa lạc ở thôn Kê Gà đối diện Hải Đăng Kê Gà xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận hứa hẹn sẽ là một khu nghỉ dưỡng lý tưởng và đầy hấp dẫn.

Nơi đây được thiên nhiên ưu ái với những bãi biển đẹp hoang sơ đặc biệt ở cạnh bên là thắng cảnh hải đăng Kê Gà nổi tiếng. Khu du lịch Biển Đá Vàng là nơi nghỉ chân lý tưởng cho những ai thích biển và khám phá những vùng đất mới. Tuyệt vời hơn là được khám phá trải nghiệm những danh lam thắng cảnh hàng đầu Việt Nam. Có rất nhiều điểm đến hấp dẫn để du khách tha hồ lựa chọn.

Với 3 mặt giáp biển và nước biển trong xanh tuyệt đối, khu du lịch Biển Đá Vàng sẽ mang đến cho bạn cảm giác thư thái khi thả mình vào dòng nước biển tự nhiên ở đây. Điểm nhấn của nơi này thu hút đông đảo các bạn trẻ là nhờ những căn nhà sàn sát biển (400.000 đồng) hoặc nhà nghỉ container (800.000 đồng) với các ngôi nhà bảy sắc cầu vồng rực rỡ. Ngoài ra ở đây còn có dịch vụ cho thuê lều cắm trại rộng rãi, thoáng mát với giá dao động từ 80-150.000 đồng/người tùy theo số lượng người ít hay nhiều. Đến đây vui chơi, buổi tối bạn có thể thưởng thức những món thức uống tuyệt hảo tại quán bar bên bờ biển vừa nghe tiếng sóng vỗ rì rào vừa tận hưởng gió biển lồng lộng.

Ngoài ra, còn có các khu nuôi cá, vườn dã tự nhiên, nhằm phục vụ các tour trải nghiệm dành cho "phượt thủ", các tour dã ngoại hướng về văn hóa dân tộc Việt Nam, văn hóa bản sắc miền biển của vùng đất Bình Thuận. Không thể phủ nhận Biển Đá Vàng là nơi hội tụ những nét văn hóa lịch sử mang bản sắc riêng của Bình Thuận. Biển Đá Vàng với làn nước biển trong xanh tuyệt đối sẽ làm hải lòng mọi du khách. Không những thế nồng độ muối trong nước biển mạnh có độ sát khuẩn cao, có thể trị các bệnh về da và đem đến cảm giác thư giãn khi thả mình trong làn nước biển tự nhiên ở đây. Nơi đây có thể coi là đặc địa với 3 mặt giáp biển vị thế Mũi Kê Gà hiện ra như Hòn Ngọc trong miệng Rồng đầy uy thế, linh khí không đâu có được.

Khu du lịch Bãi Đá Vàng có được sự cộng hưởng của tự nhiên tạo nên ưu thế lớn riêng biệt, đó là bờ biển đẹp hoang sơ, có nhiều danh lam thắng cảnh, như cáp treo Tà Cú, chùa Linh Sơn Trường Thọ với tượng Phật Thích Ca nhập Niết Bàn dài 49m, suối nước nóng Bưng Thị, khu Đền Vạn Văn Phong - Cầu được ước thấy.

Vậy còn chần chờ gì nữa mà không đến khu du lịch Bãi Đá Vàng để tận hưởng những giây phút nghỉ ngơi, thư giãn bên người thân. Cùng nhau khám phá những địa danh nổi tiếng còn hoang sơ nhé!



Công ty Vũ Hạ Long với dự án Trồng rừng và phát triển du lịch sinh thái

Dự án Trồng rừng và phát triển du lịch sinh thái của Công ty TNHH MTV dịch vụ du lịch VIT Hạ Long tại Khoảnh 3, tiểu khu 210C, thôn Đông Nam, thôn Thái Hòa, xã Quan Lạn, huyện Văn Đồn, tỉnh Quảng Ninh với diện tích quy hoạch đã được phê duyệt 875.462,0m², tổng số vốn đầu tư lên đến 630 tỷ đồng.

Có thể nói đây là một dự án lớn, quy mô hiện đại đẳng cấp, nhưng lại nằm ở địa bàn khó khăn biên đảo xa xôi, đặc biệt là khan hiếm nguồn nước ngọt nên trong quá trình thực hiện công ty đã gặp không ít khó khăn. Sau khi được sự chấp thuận về chủ trương của các cấp công ty đã tiến hành khảo sát, xây dựng hồ nước ngọt dung tích gần 500.000 m³ và toàn bộ hạ tầng kênh mương hồ chứa đảm bảo nước sinh hoạt và tưới tiêu cho dự án.

Bên cạnh đó, theo thông tin mà chúng tôi nắm được, trong quá trình triển khai dự án Công ty VIT Hạ Long đã có một số những sai phạm như nôm nong xây dựng các công trình hạ tầng dồn đầu tư mà sao nhãng các thủ tục xin phép xây dựng. Ngoài ra, trong quá trình san ủi mặt bằng xây dựng hạ tầng cho dự án công ty còn dồn hạ một số cây phi lao gây nên bức xúc cho nhân dân địa phương.

Từ cuối năm 2012, sau khi có kết luận của thanh tra tỉnh và chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ninh, công ty đã kịp thời khắc phục hậu quả, sửa sai và đền bù tổn thất đã gây ra, bao gồm việc trồng hàng chục nghìn cây thông mã vĩ, tung bách tím, phủ xanh đồi chè, xây dựng các khu bảo tàng tre để phủ xanh hoàn nguyên môi trường. Ngoài ra công ty đã nộp tiền đền bù số cây phi lao đã san gạt, tự tháo dỡ các biệt thự xây sai vị trí, vv. Dự án trên việc nghiêm túc thực hiện công tác khắc phục hậu quả theo chỉ đạo của các cấp chính quyền, ngày 11/11/2015 UBND tỉnh Quảng Ninh ra văn bản số 6851/UBND-XD1 đồng ý cho công ty VIT Hạ Long làm chủ đầu tư dự án trồng rừng và phát triển du lịch sinh thái tại Khoảnh 3 Tiểu khu 210C, thôn Đông Nam, thôn Thái Hòa, xã Quan Lạn, huyện Văn Đồn, tỉnh Quảng Ninh, đồng thời yêu cầu công ty tiến hành điều chỉnh quy hoạch và hoàn thiện các thủ tục theo quy định đối với dự án.

Sau thời gian thực hiện nghiêm túc và đúng quy trình, công ty đã nộp đủ bộ hồ sơ điều chỉnh quy hoạch cho Ban quản lý KKT. Ngày 27/12/2016 Ban quản lý khu kinh tế Quảng Ninh ra Quyết định số 352/QĐ-BQLKKT phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trồng rừng và phát triển du lịch sinh thái tại Khoảnh 3, Tiểu khu 210C, thôn Đông Nam, thôn Thái Hòa, xã Quan Lạn, huyện Văn Đồn tỉnh Quảng Ninh.

Tin tức kỹ hơn về nội dung và mức đầu tư cho dự án, công bằng mà nói, nếu dự án triển khai thành công tại xã Quan Lạn huyện Văn Đồn sẽ là một bước tiến mạnh mẽ trong lĩnh vực du lịch của địa phương. Với khả năng đón 200-300 du khách trong một ngày đêm, với các công trình khách sạn 5 sao, biệt thự, bungalow cao cấp hiện đại dự án sẽ thu hút được một lượng không nhỏ du khách trong nước và quốc tế thuộc phân khúc cao cấp.

Tuy nhiên theo chúng tôi tìm hiểu được biết một số hộ cá nhân kinh doanh nhà nghỉ khách sạn mini tại địa phương có thể suy nghĩ không ủng hộ dự án vì sợ khi dự án đi vào hoạt động sẽ thu hút hết khách của du lịch địa phương, nên đã có những phản ứng tiêu cực về dự án như gửi đơn thư nặc danh khiếu nại và thổi phồng nhiều sự việc không có thật về dự án và chủ đầu tư. Đã từng xảy ra trường hợp có người mạo danh một ông trưởng thôn viết đơn thư gửi đi các nơi phản ánh những thông tin tiêu cực về dự án. Nhiều người có thể có chút nhầm lẫn vì phân khúc khách đến dự án là khách cao cấp nhiều tiền, khác với khách đến nhà nghỉ khách sạn mini tại địa phương là phân khúc khách bình dân.

Cùng phải kể đến việc du khách đến dự án sẽ sử dụng thêm các dịch vụ tại địa phương, như tham quan di tích lịch sử địa phương, sử dụng các dịch vụ đi lại, ăn uống ở xã, mua sắm đặc sản địa phương, vv. Ngoài ra dự án sẽ hỗ trợ phát triển lĩnh vực du lịch cũng như thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương. Dự án đi vào hoạt động sẽ sử dụng nguồn nhân lực lớn, công ty đã có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực tại địa phương nhằm tạo công ăn việc làm ổn định cho người dân nơi đây.

Người viết bài này có suy nghĩ muốn chia sẻ những khó khăn của công ty với mong muốn dự án sớm được UBND tỉnh phê duyệt để công ty có thể triển khai xây dựng dự án theo lộ trình đã định. Ngoài ra, về phía công ty cũng cần tăng cường công tác tuyên truyền, thuyết phục chính quyền và người dân địa phương xã Quan Lạn về lợi ích to lớn, lâu dài của dự án đối với sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.



Minh đạt mốc:
10
Triệu Tấn
ĐÀM PHÚ MỸ

Chương trình khuyến mãi

ĐÀM PHÚ MỸ
TRIỆU TẤN THƯỜNG

từ 15/6/2017 đến 12/9/2017

Tổng giá trị giải thưởng lên tới **10 tỷ đồng**

mẫu bao
ĐÀM PHÚ MỸ
mới 2017



mẫu bao
Có áp dụng
khuyến mãi

TÌM THẺ CÀO
BÊN TRONG BAO

CÀO NGAY TRÚNG LIỀN TAY
Cứ phớt nhận tin: DPM <không cách> mã dự thưởng > gọi 8083



Các giải thưởng không được quy đổi thành tiền mặt • Lưu ý gửi thẻ để đổi chiến khi nhận thưởng.



Tổng Công ty Sản xuất và Thương mại (PVECCO)
Số 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kỳ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028. 38256278 - FAX: 028. 38256289 - Website: www.dpm.vn

Hotline ☎ 0969 65 66 67
E-mail ✉ lienhe@pvfco.com.vn

Thông tin chi tiết về chương trình khuyến mãi và các giải thưởng, vui lòng truy cập website: www.dpm.vn



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

NHÀ MÁY XI MĂNG BÌNH PHƯỚC

ĐƠN VỊ TIÊN PHONG TRONG VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nhà máy Xi măng Bình Phước được xây dựng trên diện tích 78ha thuộc xã Thanh Lương, Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước có công suất 1,3 triệu tấn xi măng/năm và 1,8 triệu tấn clinker/năm. Nhà máy hoạt động trên dây chuyền khép kín với công nghệ của hãng TKJS (Đức), đáp ứng các yêu cầu về môi trường theo tiêu chuẩn châu Âu.

Năm 2012, Nhà máy đã xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001. Nhà máy đã được Tổng cục Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường vào năm 2014. Chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất và sinh hoạt của CBCNV được kiểm soát chặt chẽ. Nhà máy đã xây dựng Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 200 m³/ngày đêm, đảm bảo nước sau xử lý đạt loại A theo Quy chuẩn Việt Nam, Nhà máy đã tiến hành phân loại và thu gom rác thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, xây dựng kho lưu trữ CTNH và tiến hành bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật. Khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất được xử lý bằng hệ thống lọc bụi theo công nghệ châu Âu trước khi thải ra môi trường qua các ống khói. Nồng độ bụi tại các ống khói lò nung, cooler và nghiền than ≤ 50 mg/m³, ống khói nhà nghiền xi măng ≤ 30 mg/m³, đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành.

Nhà máy luôn quan tâm đến công tác cải tạo cảnh quan, xây dựng môi trường làm việc an toàn, xanh - Sạch - Đẹp, các phong trào bảo vệ môi trường được Nhà máy triển khai và phổ biến rộng rãi cho CBCNV như: các hoạt động hưởng ứng ngày Môi trường Thế giới hàng năm, định kỳ tổ chức kế hoạch hành động vì "Môi trường Xanh - Sạch - Đẹp" hàng tuần tại các đơn vị sản xuất, các cuộc thi tìm hiểu về BVMT,... Bên cạnh đó, hàng năm Nhà máy đều tổ chức các lớp đào tạo nhận thức bảo vệ môi trường, an toàn lao động theo luật ATVSLĐ hiện hành cho toàn thể người lao động.

Đầu tư đồng bộ công nghệ hiện đại từ Châu Âu cùng với việc áp dụng thành công các hệ thống quản lý tiên tiến như: hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007, hệ thống quản lý phòng thí nghiệm TCVN ISO/IEC 17025: 2007, hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2011, Nhà máy Xi măng Bình Phước không những cung cấp cho thị trường những chủng loại xi măng đảm bảo chất lượng mà còn góp phần bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, xây dựng môi trường làm việc đảm bảo an toàn-thân thiện, gắn kết trách nhiệm lâu dài với địa phương.

Đến nay, sau 7 năm hoạt động hệ thống quản lý của Nhà máy ngày càng hoàn thiện và không ngừng cải tiến. Ý thức, trách nhiệm với công tác bảo vệ môi trường của mỗi CBCNV ngày càng được nâng cao, nhà máy Xi măng Bình Phước luôn cam kết và hướng đến hình ảnh doanh nghiệp sản xuất xanh trong ngành công nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NIKKO VIỆT NAM

Địa chỉ: Xóm Khau Rặc (Mã Phục - Lũng Riểc) - Xã Quốc Toàn - Huyện Trà Lĩnh - Cao Bằng

Công ty cổ phần Khoáng sản NIKKO Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản. Năm 2016, Nhà máy luyện Feromangan, Công ty cổ phần Khoáng sản NIKKO Việt Nam (tại xóm Khau Rặc, xã Quốc Toàn, Trà Lĩnh) sản xuất, tiêu thụ 5.000 tấn Silicon mangan, tổng doanh thu trên 220 tỷ đồng; nộp ngân sách trên 3,2 tỷ đồng.

Công ty giải quyết việc làm cho 42 lao động, trong đó, 80% là lao động địa phương với thu nhập bình quân 4 triệu đồng/người/tháng. Để hạn chế tác động môi trường từ hoạt động chế biến khoáng sản, từ tháng 06/2016, Công ty đầu tư 2,2 tỷ đồng thực hiện Dự án "Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò luyện Feromangan" đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành tại Nhà máy luyện Feromangan, hệ thống xử lý khí thải đang hoàn thiện, nghiệm thu và chuẩn bị đưa vào hoạt động trong thời gian tới.



Hệ thống xử lý khí thải lò luyện Feromangan của Công ty cổ phần Khoáng sản NIKKO Việt Nam



**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ
VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI**



*Chúc Mừng
22 năm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam
(21.06.1925 - 21.6.2017)*

Đ/C: Cụm CN Cầu Giát - Chuyên Ngoại - Duy Tiên - Hà Nam

CÔNG TY CP ĐTXD KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NINH THUẬN

Đ/C: Lô 17, dãy N2, đường 16 tháng 4, P.Mỹ Hải, TP Phan Rang -

Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận -

Điện thoại: 0683.817.859 - E-mail: ktkninhthuan@gmail.com

Mỏ đá Tây Bắc núi Maviéc và nhà máy chế biến đá granite ốp lát công suất 600.000-1.000.000 m²/năm

Sản phẩm chính của công ty đá ốp lát:



STT	CHUNG LOẠI HÀNG HÓA	KÍCH THƯỚC (mm)
1	Đá granite mài bóng	600x600x20
2	Đá granite mài bóng	600x300x20
3	Đá granite mài bóng	300x300x20
4	Đá granite mài bóng	200x200x20
5	Đá granite mài bóng	600x2.500x20
6	Đá granite mài bóng	900x2.500x20
7	Đá granite mài bóng	600x600x30
8	Đá granite mài bóng	600x300x30
9	Đá granite mài bóng	300x300x30
10	Đá granite mài bóng	200x200x30
11	Đá granite mài bóng	600x2.500x30
12	Đá granite mài bóng	900x2.500x30
13	Đá granite khô nhám 1 mặt	600x600x20
14	Đá granite khô nhám 1 mặt	600x300x20
15	Đá granite khô nhám 1 mặt	300x300x20
16	Đá granite khô nhám 1 mặt	200x200x20
17	Đá granite khô nhám 1 mặt	600x600x30
18	Đá granite khô nhám 1 mặt	600x300x30
19	Đá granite khô nhám 1 mặt	300x300x30
20	Đá granite khô nhám 1 mặt	200x200x30
21	Đá granite bó vỉa (vết cạnh)	300x300x1000
22	Đá granite bó vỉa (vết cạnh)	300x200x1000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI 27-7

Đ/C: Thôn Hiệp Thượng, Xã Hiệp Sơn, Kinh Môn, Hải Dương



Chào Mừng
ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam 21/6

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC VIỆT

Công ty TNHH KHCN Môi Trường Quốc Việt được thành lập từ năm 1998. Trong 20 năm hoạt động, công ty đã trở thành một Danh nghiệp Khoa Học Công Nghệ có uy tín trong lĩnh vực xử lý môi trường.

Hàng năm công ty đã nghiên cứu triển khai và đầu tư nhiều dự án và cung cấp cho thị trường hàng chục tỷ đồng, mỗi năm các sản phẩm Khoa Học Công Nghệ, góp phần bảo vệ môi trường.

Các sản phẩm của công ty đã và đang cung cấp chủ yếu cho xã hội:

- Công nghệ xử lý nước rỉ rác với chi phí hợp lý hiệu quả đã xử lý được hàng triệu m³ tại bãi chôn lấp rác tập trung của Thành Phố.
- Công nghệ xử lý nước thải tập trung tại các Khu Công Nghiệp, trong đó có ba Khu Công Nghiệp nước thải đạt loại A. Hàng ngày tiếp nhận và xử lý hàng chục nghìn m³.
- Công nghệ xử lý nước thải của các nhà máy chế biến mù cưa cao su. Trong đó có nước thải nhà máy cao su Sông Bé đã đạt loại A.
- Công nghệ xử lý tái chế bùn thải không nguy hại làm phân bón. Công ty đã đầu tư hai nhà máy có công suất 250 tấn /ngày với hai thương hiệu phân bón là Phân Bón Hữu Cơ Công Nghệ Cao Á Châu và Phân Bón Hữu Cơ Tư Thạch, các sản phẩm bán ra phục vụ thị trường.

Địa chỉ: 125/23 đường D1, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: + 84 08 3899 5929 / Fax: +84 08 3899 5927

KHU ĐÔ THỊ AN PHÚC CITY

ĐẤT VÀNG CHO TƯƠNG LAI THỊNH VƯỢNG



**VỊ TRÍ ĐẶC ĐỊA NHẤT
LIÊN KỀ TRUNG TÂM
HÀNH CHÍNH
TP SÔNG CÔNG
HOTLINE: 094 1945 888**

Văn phòng giao dịch: 309 - 212 Đường Cách Mạng Tháng 8
Phường Cải Đan - TP Sông Công

PHÒNG TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG THỊ XÃ THUẬN AN

Địa chỉ: Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Bình Dương



Chào Mừng
ngày Báo chí Cách mạng
Việt Nam 21/6



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG AN PHÚ



Tư vấn môi trường



Cung cấp, lắp đặt thiết bị



Xử lý nước cấp nước thải



Tư vấn Tài nguyên nước

VPGD: P512, Tháp B, Tòa Nhà Sông Hồng
Số 165 Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại 04 32023535 - Website: www.anphuc.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ XÂY DỰNG TUẤN LONG

Địa chỉ: Thôn Quyết Thắng, Xã Quảng Thịnh, TP Thanh Hóa

Điện thoại: 0378.755.336 - DD: 0903.251.236

Email: congtycophantuanlong@gmail.com



CHUYÊN:

Thiết kế, lắp đặt,
xây dựng, vận
hành hệ thống lò
đốt rác thải nhân
hiệu SANKYO -
Công nghệ Nhật
Bản, thân thiện
với môi trường

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯỜNG VY

Địa chỉ: Số 135, Đường 3/2, Khóm 1, Phường 1, Thị xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh



Chào Mừng

Ngày Mặt Trăng Thế Giới 5.6

và ngày Báo chí Cách Mạng Việt Nam 21.6

GIẢI PHÁP SỬ DỤNG CHẤT THẢI LÀM NGUYÊN NHIÊN LIỆU THAY THẾ TẠI CÔNG TY XI MĂNG NGHĨ SƠN



Là một đơn vị được thành lập dựa trên sự liên kết giữa Tổng Công ty xi măng Việt Nam với hai tập đoàn đa quốc gia của Nhật Bản là Taiheyo Xi măng (TCC) và Mitsubishi Vật liệu (MMC) nên việc áp dụng kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học Nhật Bản trong việc đồng xử lý chất thải bằng lò nung clinker tại Công ty xi măng Nghi Sơn đã được chú trọng ngay từ giai đoạn bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất. Được sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật và kinh nghiệm nhiều năm về đồng xử lý chất thải từ 2 đối tác đến từ Nhật, Công ty đã từng bước áp dụng chính sách xử lý các loại chất thải bằng phương pháp đồng xử lý trong lò nung clinker ở cả 2 dây chuyền sản xuất từ năm 2010 và đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ cả về khía cạnh đảm bảo điều kiện môi trường, tự xử lý hết các loại chất thải phát sinh trong nội bộ nhà máy và khía cạnh tiết kiệm năng lượng bằng cách tận dụng năng lượng có sẵn trong chất thải, giảm tiêu tốn tài nguyên thiên nhiên và tận dụng các chất thải rắn có thành phần hóa học tương thích với nguyên liệu đầu vào.

Phương pháp đồng xử lý chất thải trong lò nung clinker là một trong những phương pháp tiên tiến nhất hiện nay, có nhiều ưu điểm là có thể xử lý được hoàn toàn rất nhiều loại/nhóm chất thải bằng nhiệt độ nung luyện clinker cao đến hơn 1.450°C (nhiệt độ độ nung lửa có thể đạt đến hơn 2.000°C), không phát sinh lượng tro thải thứ cấp sinh ra

sau quá trình đốt cháy chất thải như các phương pháp khác, khí thải được kiểm soát rất chặt chẽ bằng hệ thống máy phân tích khí được lắp đặt cùng với dây chuyền sản xuất, năng lực xử lý cao có thể lên đến hơn 1.000 tấn/ngày/lò (đối với nhà máy xi măng Nghi Sơn, lò 5.800 tấn-clinker/ngày), tận dụng được nguồn năng lượng và thành phần hóa học của chất thải để giảm tiêu tốn năng lượng & tài nguyên thiên nhiên mà không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Bình quân hàng năm Nhà máy có thể tiết kiệm được từ 5-6 tỷ đồng từ hoạt động đồng xử lý chất thải phát sinh trong nội bộ nhà máy (sau khi đã trừ đi các chi phí cho công tác xử lý và quy đổi chất thải thành năng lượng, thay thế nguyên liệu đầu vào).

Việc đồng xử lý chất thải trong lò nung clinker tại Công ty được kết hợp chặt chẽ với hoạt động giám sát bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng. Các phòng ban/bộ phận đều có cán bộ phụ trách/chuyên trách về môi trường để đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu môi trường của bộ phận mình cũng như phối hợp tốt với phòng An toàn - ISO đảm bảo đúng cam kết trong Chính sách môi trường. Công nghệ sản xuất của Công ty là tiên tiến cùng với các thiết bị hiện đại, không những đảm bảo vận hành hiệu quả ổn định mà còn tiêu tốn điện năng, nhiệt năng ở mức thấp nhất Việt Nam hiện nay, cũng như đảm bảo phát thải thấp hơn rất nhiều tiêu chuẩn/quy chuẩn Việt Nam. VD: tiêu tốn nhiệt năng ở mức 770kcal/kg-clinker, tiêu tốn điện năng trong quá trình hay thử nghiệm bảo hành dây chuyền đạt mức < 80kWh/tấn xi măng. Hệ thống lọc bụi túi, lọc bụi tĩnh điện do các hãng nổi tiếng thế giới chế tạo được đầu tư lắp đặt đồng bộ với dây chuyền sản xuất, đảm bảo nồng độ bụi trước khi phát thải ra môi trường ở mức < 30mg/m³ ở điều kiện tiêu chuẩn, thấp hơn rất nhiều QCVN (< 80mg/m³ khí thải ở điều kiện tiêu chuẩn). Bên cạnh đó, Công ty cũng đã đầu tư và đưa vào hoạt động chính thức Hệ thống giảm nồng độ khí NOx trong khí thải từ lò nung clinker với công nghệ SNCR (khử NOx không sử dụng chất xúc tác) để đảm bảo chắc chắn nồng độ khí NOx trước khi phát thải ra môi trường luôn đạt ngưỡng yêu cầu theo QCVN41:2011/BTNMT.

Việt Nam đang bước vào giai đoạn không hoảng hốt thừa xi măng với tổng năng lực sản xuất của tất cả các dây chuyền sản xuất ước đạt đến 90 triệu tấn xi măng/năm trong khi mức tiêu thụ trong nước chỉ xấp xỉ vào khoảng 60 triệu tấn/năm. Do đó, ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường bằng cách xuất khẩu sang các thị trường xung quanh thì các Công ty xi măng trong đó có cả Xi măng Nghi Sơn đã và đang nghiên cứu, tìm kiếm các giải pháp để tối ưu hóa dây chuyền sản xuất nhằm đảm bảo ổn định chất lượng, giảm giá thành sản phẩm để tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Một trong những biện pháp nhằm giảm giá thành sản phẩm trong sản xuất xi măng là đồng xử lý các loại chất thải trong lò nung clinker để tận dụng được nguồn nhiệt năng có sẵn trong chất thải, giảm chi phí năng lượng, tận dụng các thành phần hóa học tương thích với nguyên liệu đầu vào để giảm chi phí khai thác, sử dụng nguyên liệu, đảm bảo điều kiện môi trường, giảm chi phí xử lý do phải thuê các dịch vụ xử lý bên ngoài. Mặt khác, đồng xử lý sẽ làm giảm ảnh hưởng tiêu cực gần như hoàn toàn đến môi trường so với các phương pháp khác như chôn lấp, đóng kín, thiêu đốt trong lò đốt quy mô nhỏ... góp phần bảo vệ môi trường vì mục tiêu cộng đồng. Trên cơ sở đó, Công ty đã xây dựng kế hoạch đồng xử lý CTNH 302 tấn/ngày, CTR sinh hoạt 173 tấn/ngày, CTR công

nghiệp thông thường để đốt 86 tấn/ngày, làm phụ gia xi măng, để sản xuất vật liệu xây dựng 384 tấn/ngày.

Theo Báo cáo của Sở Tài nguyên & Môi trường Thanh Hóa: tổng lượng chất thải rắn (CTTR) tại các KCN trong tỉnh ước tính 425,39 tấn/ngày, từ Nhiệt điện Nghi Sơn 1 khoảng 1.700 tấn/ngày. Trong đó, khoảng 15 - 20% là chất thải rắn nguy hại, CTR phát sinh từ Cụm Công nghiệp (CCN), làng nghề khoảng 150 tấn/ngày. Phương pháp xử lý chủ yếu hiện nay là chôn lấp hoặc thiêu đốt trong các lò với công suất nhỏ. Các phương pháp xử lý đều tồn tại nhược điểm chưa giải quyết được triệt để các yêu cầu là: tiêu hủy hoàn toàn, không làm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường và sức khỏe cộng đồng. Trong khi đó, với năng lực đồng xử lý nêu trên, Công ty xi măng Nghi Sơn hoàn toàn có thể đáp ứng việc tiếp nhận chất thải để đồng xử lý trong lò nung clinker, vừa góp phần giúp Công ty tận dụng được nguồn nguyên nhiên liệu thay thế, vừa giúp tỉnh Thanh Hóa đảm bảo tốt vấn đề quản lý chất thải bảo vệ môi trường. Hiện nay Công ty đang hoàn tất các thủ tục xin cấp phép xử lý chất thải từ Bộ Tài nguyên và Môi trường để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của pháp luật trong hoạt động đồng xử lý chất thải.

Mục tiêu trong những năm tới của Công ty xi măng Nghi Sơn là trở thành trung tâm xử lý chất thải hiện đại với quy mô lớn nhất khu vực miền Bắc và miền Trung trong tương lai với lợi thế có sẵn là 2 dây chuyền sản xuất tiên tiến công suất lớn cùng với năng lực, kinh nghiệm nhiều năm của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong hoạt động xử lý chất thải, cũng như sự hỗ trợ về kỹ thuật của các chuyên gia đến từ các đối tác Nhật Bản, Công ty xi măng Nghi Sơn mong muốn được công hiến, chung tay cùng cộng đồng trong công tác xử lý chất thải, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường, vì một mục tiêu phát triển bền vững.



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN
BINH DIEN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY



Phân bón chuyên dùng cho lúa
Đầu Trâu A1 và A2



Thích ứng với biến đổi khí hậu

**“Tôi đặt trọn niềm tin vào La Vie
khi lựa chọn nước uống cho gia đình”.**

Ca sĩ Mỹ Linh



**GỌI ĐẶT NƯỚC
1900 1906**



Công ty TNHH La Vie, QL 1A, P. Khánh Hậu, TP. Tân An, Long An